

Số: 1012/QĐ-YDTB

Thái Bình, ngày 28 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Đề cương chi tiết học phần thuộc chương trình đào tạo
các ngành trình độ Đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

Căn cứ vào Quyết định số 34/CP ngày 24/01/1979 của Hội đồng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Thái Bình;

Căn cứ vào Quyết định số 2154/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên trường Đại học Y Thái Bình thành trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Thái Bình ban hành kèm theo Quyết định số 4922/QĐ-BYT ngày 09/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy định xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định 424/QĐ-YDTB ngày 20/3/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Thái Bình về việc ban hành Quy định chuẩn đầu ra các ngành đào tạo bậc đại học;

Căn cứ Quyết định 1001/QĐ-YDTB ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường đại học Y Dược Thái Bình về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế Đào tạo Đại học theo hệ thống tín chỉ;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Đề cương chi tiết học phần thuộc chương trình đào tạo các ngành trình độ Đại học hệ chính quy.

(Có đề cương chi tiết kèm theo)

Điều 2. - Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Đề cương chi tiết tại Điều 1 được áp dụng với khóa tuyển sinh từ năm 2021.

Điều 3. Trường phòng Quản lý Đào tạo đại học, Trường phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trường các đơn vị và sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, QLĐTĐH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
Y DƯỢC
THÁI BÌNH
PGS.TS Nguyễn Duy Cường

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH Y HỌC DỰ PHÒNG
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-YDTB ngày 28/7/2021)

(QUYỂN 1)

THÁI BÌNH, NĂM 2021

2
MỤC LỤC

Giáo dục Thể chất 1	3
Giáo dục Thể chất 2	11
Giáo dục Thể chất 3	19
Triết học Mác – Lênin	27
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	37
Chủ nghĩa xã hội khoa học	46
Tư tưởng Hồ Chí Minh	58
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	68
Ngoại ngữ 1 – Tiếng anh	78
ngoại ngữ 2 – Tiếng anh	86
ngoại ngữ 3 – Tiếng anh	99
ngoại ngữ 4 – Tiếng anh	106
Tin học đại cương	115
Tin học ứng dụng	131
Toán cao cấp	143
Xác suất - Thống kê	151
Lý sinh	159
Hóa học	169
Sinh học đại cương	179
Di truyền y học	189
Nhà nước pháp luật và Luật y tế	197

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH
BỘ MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Năm 2021

Tên học phần: Giáo dục Thể chất 1
Tên tiếng Việt: Giáo dục Thể chất 1
Tên tiếng Anh: Physical Education I
Mã học phần: 9110PHYSED1P
Ngành: Y học dự phòng
Mã ngành: 7720110

I. Hành chính

1. Thông tin chung

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☒ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	01
Số tiết Lý thuyết:	0
Thảo luận :	0
Số giờ tự học:	0
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	32
Thảo luận:	0
Số giờ tự học:	18
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	01
Giữa học phần:	0

Kết thúc học phần:	01
Học phần học trước:	0
Học phần tiên quyết:	0
Học phần song hành:	0
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Giáo dục Thể chất

2. Mô tả chung về học phần:

Học phần Giáo dục Thể chất I nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về lịch sử phát triển, khái niệm, vị trí, tác dụng và đặc điểm về các môn điền kinh. Cách phân loại môn điền kinh. Giới thiệu những kiến thức, nguyên lý kỹ thuật, kỹ năng thực hành các môn điền kinh: chạy (chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình), nhảy cao kiểu “Úp bụng” và hình thức tổ chức thi đấu và trọng tài của từng môn.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

T T	Họ tên	Học hàm/ học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Đào Tuấn Minh	ThS	0913517133	daotuanminh1974@gmail.com	Phụ trách
2.	Nguyễn Minh Tuấn	ThS	0914368310	tuannmtb78@gmail.com	Tham gia
3.	Đào Minh Trị	ThS	0904656582	daominhtri9@gmail.com	Tham gia
4.	Trần Thị Tố Hoa	TS	0934388493	flortohoa234@yahoo.com.vn	Tham gia
5.	Lại Anh Nhật	CN	0965993883	nhatlaite92@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Trình bày được các kiến thức cơ bản của môn Điền kinh (lịch sử phát triển, ý nghĩa tác dụng, tính chất thi đấu, luật, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài...)	PEO 1
2	Rèn luyện tính nghiêm túc, tự giác, tích cực, ý chí, tính quyết đoán trong học tập.	PEO 1, 4

3	Thực hiện tốt những yêu cầu chính của các kỹ thuật	PEO 1
---	--	--------------

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
Kiến thức		
1.	CLO 1.Trình bày được các kiến thức cơ bản của môn Điện kinh (lịch sử phát triển, ý nghĩa tác dụng, tính chất thi đấu, luật, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài...)	S: PLO 2
2.	CLO2. Rèn luyện tính nghiêm túc, tự giác, tích cực, ý chí, tính quyết đoán trong học tập.	S: PLO 2
3.	CLO3. Thực hiện tốt những yêu cầu chính của các kỹ thuật	S: PLO 2
4.	CLO4. Tham dự đầy đủ các buổi học.	S: PLO 10
5.	CLO5. Tham gia tích cực và chủ động các hoạt động học tập theo tổ.	S: PLO 10
6.	CLO6. Chấp hành mọi nội quy, quy chế của nhà trường và bộ môn.	S: PLO 10

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho chuẩn đầu ra,

II. NỘI DUNG

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 1: Thực hành kỹ thuật chạy cự ly trung bình 1. Đặc điểm 2. Phân tích kỹ thuật	04	MT1,2	CLO 1,4,5,6

	3. Thực hành xuất phát và tăng tốc xuất phát			
2	Bài 2: Thực hành kỹ thuật chạy cự ly trung bình (tiếp) 1. Kỹ thuật chạy giữa quãng 2. Về đích và dừng lại sau khi chạy 3. Thực hành các bài tập bổ trợ	04	MT1,2	CLO 1,4,5,6
3	Bài 3: Thực hành kỹ thuật chạy cự ly ngắn 1. Xuất phát 2. Giai đoạn chạy lao sau xuất phát 3. Thực hành các bài tập bổ trợ	04	MT2,3	CLO 2,3,4,5,6
4	Bài 4: Thực hành kỹ thuật chạy cự ly ngắn 1. Giai đoạn chạy giữa quãng 2. Giai đoạn về đích 3. Thực hành các bài tập bổ trợ	04	MT2,3	CLO 2,3,4,5,6
5	Bài 5: Kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng 1. Thực hành kỹ thuật chạy đà 2. Thực hiện kỹ thuật chạy đà 1 - 3 bước 3. Thực hành các bài tập bổ trợ chạy đà 1 - 3 bước	04	MT1,2	CLO 1,4,5,6
6	Bài 6: Kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng 1. Thực hành kỹ thuật giậm nhảy 2. Thực hiện kỹ thuật chạy đà, giậm nhảy 1 - 3 bước	04	MT1,2	CLO 1,4,5,6

	3. Thực hành các bài tập bổ trợ chạy đà, giậm nhảy 1 - 3 bước			
7	Bài 7: Kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng 1. Thực hành kỹ thuật qua xà 2. Thực hiện kỹ thuật chạy đà, giậm nhảy, qua xà 1 - 3 bước 3. Thực hành các bài tập bổ trợ chạy đà, giậm nhảy, qua xà 1 - 3 bước	04	MT1 , 2	CLO 1,3,4,5,6
8	Bài 8: Kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng 1. Thực hành kỹ thuật tiếp đất 2. Thực hiện kỹ thuật chạy đà, giậm nhảy, tiếp đất 1 - 3 bước 3. Thực hành các bài tập bổ trợ chạy đà, giậm nhảy, tiếp đất 1 - 3 bước	04	MT1 , 2	CLO 1,3,4,5,6

III. Phương pháp dạy/học

- GV làm mẫu
- Dạy - học theo nhóm

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

- Đồng hồ bấm giây, thước dây, bàn đạp, xà, cột nhảy cao, đệm...
- Kế hoạch bài giảng
- Số bài kiểm tra giữa học phần: 0

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
-----------------	--------------------	--------------	--------------------	-------------------	-------------------	-------------

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5/2 Tiết
Nghỉ học không phép	0,5/1 Tiết
Đi muộn	0,5

Rubric: Thực hành

Chiều cao đứng (tính = cm)

Mức độ đạt chuẩn quy định									
Tiêu chí	Điểm 2	Điểm 3	Điểm 4	Điểm 5	Điểm 6	Điểm 7	Điểm 8	Điểm 9	Điểm 10
Nam	105cm	110cm	115cm	120cm	125cm	130cm	135cm	140cm	145cm
Nữ	85cm	90cm	95cm	100cm	105cm	110cm	115cm	120cm	125cm

Thời gian (tính = giây)

Mức độ đạt chuẩn quy định									
Tiêu chí	Điểm 2	Điểm 3	Điểm 4	Điểm 5	Điểm 6	Điểm 7	Điểm 8	Điểm 9	Điểm 10
Nam	12s61	12s31	12s01	11s71	11s41	11s11	10s81	10s51	10s50
	-	-	-	-	-	-	-	-	
	12s90	12s60	12s30	12s00	11s70	11s40	11s10	10s80	
Nữ	15s61	15s31	15s01	14s71	14s41	14s11	13s81	13s51	13s50
	-	-	-	-	-	-	-	-	

	15s90	15s60	15s30	15s00	14s70	14s40	14s10	13s80	
--	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	--

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập:

Nguyễn Văn Thời (2014), *Giáo trình Điền kinh*, NXB TDTT

2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Tổng cục TDTT (2014), *Luật thi đấu Điền kinh*, NXB TDTT

[2]. Phạm Đình Bẩm (1999), *Tâm lý học trong thể thao*, NXB TDTT

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

Ngày tháng	Nội dung giảng thực hành	Giờ	Lớp	Cán bộ giảng dạy
18/10/2022	Thực hành kỹ thuật chạy cự ly trung bình	4	YHDPK14	Nguyễn Minh Tuấn
20/10/2022	Thực hành kỹ thuật chạy cự ly trung bình (tiếp)	4	YHDPK14	Nguyễn Minh Tuấn
25/10/2022	Thực hành kỹ thuật chạy cự ly ngắn	4	YHDPK14	Đà Tuấn Minh
27/10/2022	Thực hành kỹ thuật chạy cự ly ngắn	4	YHDPK14	Đào Tuấn Minh
04/11/2022	Kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng	4	YHDPK14	Đào Minh Trị
11/11/2022	Kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng	4	YHDPK14	Đào Minh Trị
18/11/2022	Kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng	4	YHDPK14	Trần Thị Tố Hoa
25/11/2022	Kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng	4	YHDPK14	Trần Thị Tố Hoa

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Đại diện sinh viên (Ban cán sự lớp) liên hệ với Giáo vụ Bộ môn để nhận kế hoạch học tập và được phổ biến về các quy định của bộ môn về học phần cũng như sự hướng dẫn học tập (có thể qua E-mail) sau đó phổ biến lại cho lớp.

- Sinh viên phải có trách nhiệm phân nhóm học tập (có danh sách, sơ đồ kèm theo) để giảng viên kiểm soát lớp công khai, thuận lợi và công bằng.

- Nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.

- Hoàn thành các bài tập được giao

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ học thực hành (theo quy chế). Cụ thể, điều kiện để sinh viên được thi kết thúc học phần khi:

+ Thực hành: Sinh viên phải có mặt đầy đủ các buổi thực hành trên lớp

+ Thực hiện các kỹ thuật động tác sau khi giảng viên hướng dẫn

- Sinh viên phải chuẩn bị và hoàn thành bài tập (cá nhân, nhóm) theo quy định.

- Sinh viên có trách nhiệm phản hồi và có quyền thắc mắc (có tổ chức) về các nội dung học tập cũng như cách quản lý, đánh giá của giảng viên trong quá trình học tập (mọi ý kiến thắc mắc của sinh viên sẽ được bộ môn xét giải quyết).

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương chi tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1	Lần 1	/...../2019	Nguyễn Minh Tuấn
2	Lần 2	/...../2021	Nguyễn Minh Tuấn
4	Dự kiến lần 3	/...../2023	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Năm 2021

Tên học phần: Giáo dục Thể chất 2

Tên tiếng Việt: Giáo dục Thể chất 2

Tên tiếng Anh: Physical Education II

Mã học phần: 9110PHYSED2P

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

II. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☒ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	01 0 0 0 32 0 18
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần:	01 0

Kết thúc học phần:	01
Học phần học trước:	0
Học phần tiên quyết:	0
Học phần song hành:	0
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Giáo dục Thể chất

2. Mô tả chung về học phần:

Học phần Giáo dục Thể chất II nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng các kỹ thuật bóng chuyền vào trong tập luyện và thi đấu. Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản sau: Lịch sử hình thành và phát triển môn học; ý nghĩa tác dụng; nguyên lý kỹ chiến thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài cũng như các bài tập bổ trợ kỹ thuật và thể lực thi đấu môn Bóng chuyền

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/ học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Nguyễn Minh Tuấn	ThS	0914368310	tuannmtb78@gmail.com	Phụ trách
2.	Đào Tuấn Minh	ThS	0913517133	daotuanminh1974@gmail.com	Tham gia
3.	Đào Minh Trị	ThS	0904656582	daominhtri9@gmail.com	Tham gia
4.	Trần Thị Tố Hoa	TS	0934388493	flortohoa234@yahoo.com.vn	Tham gia
5.	Lại Anh Nhật	CN	0965993883	nhatlaite92@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Trình bày được các kiến thức cơ bản và nguyên lý kỹ thuật (Tư thế chuẩn bị và di chuyển, chuyền bóng cao tay, đệm bóng, phát bóng thấp cao tay và thấp tay chính diện, đập bóng) của môn bóng chuyền	PEO 1,4
2	Rèn luyện tính nghiêm túc, tự giác,	PEO 1, 4

	tích cực trong học tập. Nâng cao ý chí và tinh thần đoàn kết tập thể.	
3	Rèn luyện kỹ năng thực hiện tốt những yêu cầu chính của các kỹ thuật: Tư thế chuẩn bị và di chuyển, chuyền bóng cao tay, đệm bóng, phát bóng thấp cao tay và thấp tay chính diện, đập bóng. Hình thành kỹ năng phối hợp nhóm, làm việc tập thể.	PEO 1, 4

5.Chuẩn đầu ra học phần

TT	CDR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CDR của CTĐT (PLO)
Kiến thức		
1.	Trình bày được các kiến thức cơ bản của môn Bóng chuyền (lịch sử phát triển, ý nghĩa tác dụng, tính chất thi đấu, luật, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài...)	S: PLO 2
2.	Rèn luyện tính nghiêm túc, tự giác, tích cực, ý chí, tính quyết đoán tinh thần tập thể	S: PLO 2
3.	Thực hiện tốt những yêu cầu chính của các kỹ thuật	S: PLO 2
4.	Tham dự đầy đủ các buổi học.	S: PLO 10
5.	Tham gia tích cực và chủ động các hoạt động học tập theo tổ.	S: PLO 10
6.	Chấp hành mọi nội quy, quy chế của nhà trường và bộ môn.	S: PLO 10

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 1: Tư thế chuẩn bị trong bóng chuyền 1. Tư thế chuẩn bị 2. Phân tích các tư thế trong bóng chuyền 3. Thực hành các bài tập hỗ trợ	04	MT 1,2	CLO 1,4,5,6
2	Bài 2: Kỹ thuật di chuyển trong bóng chuyền 1. Di chuyển bước bên, chéo, phối hợp, xoạc 2. Kỹ thuật di chuyển 3. Các bài tập hỗ trợ	04	MT 2,3	CLO 1,4,5,6
3	Bài 3: Kỹ thuật chuyền bóng cao tay 1. Hình tay khi chạm bóng 2. Sai lầm dễ mắc và cách sửa chữa 3. Các bài tập hỗ trợ	04	MT 2,3	CLO 3,4,5,6
4	Bài 4: Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) 1. Kỹ thuật đệm bóng bằng một tay 2. Kỹ thuật đệm bóng bằng hai tay 3. Các bài tập hỗ trợ	04	MT 2,3	CLO 2,4,5,6
5	Bài 5: Kỹ thuật phát bóng thấp	04	MT 2,3	CLO

	tay trước mặt 1. Tư thế chuẩn bị 2. Tung bóng 3. Vung tay đánh bóng 4. Các bài tập bổ trợ			1,4,5,6
6	Bài 6: Kỹ thuật phát bóng thấp tay nghiêng mình 1. Tư thế chuẩn bị 2. Tung bóng 3. Vung tay đánh bóng 4. Các bài tập bổ trợ	04	MT 2,3	CLO 1,4,5,6
7	Bài 7: Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt 1. Tư thế chuẩn bị 2. Tung bóng 3. Vung tay đánh bóng 4. Các bài tập bổ trợ	04	MT 2,3	CLO 3,4,5,6
8	Bài 8: Kỹ thuật phát bóng cao tay nghiêng mình 1. Tư thế chuẩn bị 2. Tung bóng 3. Vung tay đánh bóng 4. Các bài tập bổ trợ	04	MT 2,3	CLO 3,4,5,6

III. Phương pháp dạy/học

- GV phân tích, thị phạm, làm mẫu trực tiếp trên sân tập
- Dạy - học theo nhóm, chia ca

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

- Sân bóng chuyền, bóng chuyền, lưới....
- Kế hoạch bài giảng
- Số bài kiểm tra giữa học phần: 01

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10

- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	10%	1. Điểm danh có mặt trên lớp	- Điểm danh	- Rubric R1	4,5,6	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	90%	Kiểm tra kết thúc học phần	Thực hành	- Phát 2/5 (quả) - Chuyển 5/10 lần chạm liên tiếp) - Đệm 5/10 lần chạm liên tiếp)	1,2,3,6	10

Công thức tính điểm: $0,1 \cdot \text{ĐCC} + 0,9 \cdot \text{ĐKTHP}$

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5/2 Tiết
Nghỉ học không phép	0,5/1 Tiết
Đi muộn	0,5

Rubric 2: Thực hành

- Phát bóng: Thực hiện phát bóng qua sân đối phương 5 quả liên tiếp. Mỗi quả phát bóng thành công vào trong sân không phạm lỗi phát bóng được tính 2 điểm.

Yêu cầu: Nam thực hiện kỹ thuật phát bóng cao tay. Nữ thực hiện phát bóng thấp tay có tung bóng.

- Chuyển bóng: Thực hiện chuyển bóng cao tay liên tiếp có người phục vụ

Yêu cầu: Nam thực hiện kỹ thuật chuyển bóng cao tay qua lưới. Nữ thực hiện chuyển bóng cao tay đối diện không qua lưới với khoảng cách 2,5 - 3m.

- Đệm bóng: Thực hiện đệm bóng thấp tay liên tiếp có người phục vụ

Yêu cầu: Nam thực hiện kỹ thuật đệm bóng thấp tay qua lưới. Nữ thực hiện đệm bóng thấp tay đối diện không qua lưới với khoảng cách 2,5 - 3m.

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập:

Đinh Văn Lắm (2006), *Giáo trình Bóng chuyền*, NXB TDTT

2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Phạm Nguyên Phùng (2012), *Giáo trình Thể dục tập I*, NXB TDTT

[2]. Phạm Đình Bẩm (1999), *Tâm lý học trong thể thao*, NXB TDTT

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

Ngày tháng	Nội dung giảng thực hành	Giờ	Lớp	Cán bộ giảng dạy
12/12/2022	Tư thế chuẩn bị trong bóng chuyền	4	YHDPK14	Nguyễn Minh Tuấn
14/12/2022	Kỹ thuật di chuyển trong bóng chuyền	4	YHDPK14	Nguyễn Minh Tuấn
19/12/2022	Kỹ thuật chuyển bóng cao tay	4	YHDPK14	Đào Tuấn Minh
21/12/2022	Kỹ thuật chuyển bóng thấp tay (đệm bóng)	4	YHDPK14	Đào Tuấn Minh
23/12/2022	Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt	4	YHDPK14	Đào Minh Trị
26/12/2022	Kỹ thuật phát bóng thấp tay nghiêng mình	4	YHDPK14	Đào Minh Trị
28/12/2022	Kỹ thuật phát bóng cao tay	4	YHDPK14	Trần Thị Tố Hoa

	trước mặt			
30/12/2022	Kỹ thuật phát bóng cao tay nghiêng mình	4	YHDPK14	Lại Anh Nhật

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Đại diện sinh viên (Ban cán sự lớp) liên hệ với Giáo vụ Bộ môn để nhận kế hoạch học tập và được phổ biến về các quy định của bộ môn về học phần cũng như sự hướng dẫn học tập (có thể qua E-mail) sau đó phổ biến lại cho lớp.

- Sinh viên phải có trách nhiệm phân nhóm học tập (có danh sách, sơ đồ kèm theo) để giảng viên kiểm soát lớp công khai, thuận lợi và công bằng.

- Nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.

- Hoàn thành các bài tập được giao

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ học thực hành (theo quy chế). Cụ thể, điều kiện để sinh viên được thi kết thúc học phần khi:

+ Thực hành: Sinh viên phải có mặt đầy đủ các buổi thực hành trên lớp

+ Thực hiện các kỹ thuật động tác sau khi giảng viên hướng dẫn

- Sinh viên phải chuẩn bị và hoàn thành bài tập (cá nhân, nhóm) theo quy định.

- Sinh viên có trách nhiệm phản hồi và có quyền thắc mắc (có tổ chức) về các nội dung học tập cũng như cách quản lý, đánh giá của giảng viên trong quá trình học tập (mọi ý kiến thắc mắc của sinh viên sẽ được bộ môn xét giải quyết).

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương chi tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1	Lần 1	.../...../2019	Nguyễn Minh Tuấn
2	Lần 2	.../...../2021	Nguyễn Minh Tuấn
4	Dự kiến lần 3	.../...../2023	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

BỘ MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****Năm 2021**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Giáo dục Thể chất 3

Tên tiếng Anh: Physical Education III

Mã học phần: 9110PHYSED3P

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

III. Hành chính.**1. Thông tin chung:**

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☒ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	01
Số tiết Lý thuyết:	0
Thảo luận :	0
Số giờ tự học:	0
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	32
Thảo luận:	0
Số giờ tự học:	18
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	01
Giữa học phần:	0
Kết thúc học phần:	01

Học phần học trước:	0
Học phần tiên quyết:	0
Học phần song hành:	0
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Giáo dục Thể chất

2. Mô tả chung về học phần:

Học phần Giáo dục Thể chất III nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng các kỹ thuật cầu lông vào trong tập luyện và thi đấu. Một số điều luật môn cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Nguyên lý kỹ thuật môn cầu lông, chiến thuật trong thi đấu đơn và đôi, chiến thuật phát cầu trong thi đấu cầu lông, thực hành tốt các kỹ thuật đập cầu thuận tay, bỏ nhỏ sát lưới, chém cầu, chặn cầu sát lưới và đánh cầu trên lưới, các bài tập phối hợp đánh cầu và bài tập thể lực thi đấu trong môn cầu lông.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

T T	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Nguyễn Minh Tuấn	ThS	0914368310	tuannmtb78@gmail.com	Phụ trách
2.	Đào Tuấn Minh	ThS	0913517133	daotuanminh1974@gmail.com	Tham gia
3.	Đào Minh Trị	ThS	0904656582	daominhtri9@gmail.com	Tham gia
4.	Trần Thị Tố Hoa	TS	0934388493	flortohoa234@yahoo.com.vn	Tham gia
5.	Lại Anh Nhật	CN	0965993883	nhatlaite92@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Trình bày được kiến thức cơ bản và nguyên lý kỹ thuật (Tư thế chuẩn bị và di chuyển, giao cầu, đánh cầu) của môn cầu lông	PEO 1,4
2	Rèn luyện tính nghiêm túc, tự giác, tích cực, sự khéo léo. Nâng cao ý chí và tinh thần đoàn kết tập thể trong học tập	PEO 1,4

3	Thực hiện hình thức các động tác hỗ trợ kỹ thuật và những yêu cầu chính của các kỹ thuật như: giao cầu, đập cầu.	PEO 1,4
---	--	----------------

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
Kiến thức		
1.	Trình bày được kiến thức cơ bản và nguyên lý kỹ thuật (Tư thế chuẩn bị và di chuyển, giao cầu, đánh cầu) của môn cầu lông	S: PLO 2
2.	Rèn luyện tính nghiêm túc, tự giác, tích cực, sự khéo léo. Nâng cao ý chí và tinh thần đoàn kết tập thể trong học tập	S: PLO 2
3.	Thực hiện hình thức các động tác hỗ trợ kỹ thuật và những yêu cầu chính của các kỹ thuật như: giao cầu, đập cầu.	S: PLO 2
4.	Tham dự đầy đủ các buổi học.	S: PLO 10
5.	Tham gia tích cực và chủ động các hoạt động học tập theo tổ.	S: PLO 10
6.	Chấp hành mọi nội quy, quy chế của nhà trường và bộ môn.	S: PLO 10

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

STT	Tên bài	Số	Mục tiêu học tập	CĐR
-----	---------	----	------------------	-----

		tiết		HP
1	Bài 1: Kỹ thuật di chuyển 1. Kỹ thuật di chuyển bước lên lưới 2. Kỹ thuật bước di chuyển lùi sau 3. Kỹ thuật bước di chuyển sang hai bên 4. Kỹ thuật bước di chuyển bật nhảy đánh cầu 5. Thực hành các bài tập bổ trợ	04	MT 1,2	CLO 1,2,4,5,6
2	Bài 2: Cách cầm vợt 1. Cách cầm vợt thuận tay 2. Cách cầm vợt trái tay 3. Tính linh hoạt của cầm vợt 4. Thực hành các bài tập	04	MT 2,3	CLO 1,2,4,5,6
3	Bài 3: Kỹ thuật phát cầu thuận tay (tiếp) 1. Thực hiện phát cầu cao sâu 2. Thực hiện phát cầu thấp sát lưới 3. Các bài tập thực hành	04	MT 2,3	CLO 3,4,5,6
4	Bài 4: Kỹ thuật phát cầu trái tay 1. Thực hiện phát cầu cao sâu 2. Thực hiện phát cầu thấp sát lưới 3. Các bài tập thực hành	04	MT 2,3	CLO 3,4,5,6
5	Bài 5: Kỹ thuật đỡ phát cầu 1. Vị trí đứng trong đánh đơn 2. Vị trí đứng trong đánh đôi 3. Các bài tập thực hành	04	MT 2,3	CLO 3,4,5,6

6	Bài 6: Kỹ thuật đỡ phát cầu (tiếp) 1. Đỡ phát cầu cao sâu 2. Đỡ phát cầu sát lưới 3. Các bài tập thực hành	04	MT 2,3	CLO 3,4,5,6
6	Bài 7: Kỹ thuật đánh cầu 1. Cầu cao 2. Treo cầu 3. Các bài tập thực hành	04	MT 2,3	CLO 3,4,5,6
8	Bài 8: Kỹ thuật đánh cầu (tiếp) 1. Đập cầu 2. Hất cầu 3. Các bài tập thực hành	04	MT 2,3	CLO 3,4,5,6

III. Phương pháp dạy/học

- GV làm mẫu trực tiếp trên sân tập
- Dạy - học theo nhóm, chia ca

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

- Sân cầu lông, quả cầu, lưới....
- Kế hoạch bài giảng
- Số bài kiểm tra giữa học phần: 01

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	10%	1. Điểm danh có mặt trên lớp	- Điểm danh	- Rubric R1	4,5,6	10
Điểm kết	90%	Kiểm tra kết	Thực	- Phát 2/5	1,2,3,6	10

thức học phần (ĐKTHP)		thức học phần	hành	(quả) - Đập cầu 5/10 lần chạm liên tiếp) - Thẻ lực		
--------------------------------------	--	----------------------	-------------	--	--	--

Công thức tính điểm: $0,1 \cdot \text{ĐCC} + 0,9 \cdot \text{ĐKTHP}$

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5/2 Tiết
Nghỉ học không phép	0,5/1 Tiết
Đi muộn	0,5

Rubric 2: Thực hành

- Phát cầu: Thực hiện phát cầu cao sâu qua sân đối phương vào ô quy định 5 quả liên tiếp. Mỗi quả phát cầu thành công vào ô quy định trong sân, không phạm lỗi phát cầu được tính 2 điểm.

- Đập cầu: Thực hiện đập cầu dọc biên qua sân đối phương vào ô quy định 5 quả liên tiếp (có người phục vụ). Mỗi quả phát cầu thành công vào ô quy định trong sân, không phạm lỗi phát cầu được tính 2 điểm.

- Thẻ lực: Thực hiện chạy thẻ lực trong vòng 1 phút khoảng cách từ đường biên ngang cuối sân lên trên lưới rồi quay trở về. Yêu cầu thực hiện chạy nhanh nhất có thể trong vòng 1 phút, Thành tích được tính bằng số vòng thực hiện được quy ra điểm. Yêu cầu Nữ đạt được từ 10,5 vòng trở lên và nam đạt được từ 12,5 vòng trở lên.

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập:

Phạm Xuân Thành (2014), *Giáo trình cầu lông*, NXB TĐTT

2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Phạm Nguyên Phùng (2012), *Giáo trình Thể dục tập I*, NXB TĐTT

[2]. Phạm Đình Bẩm (1999), *Tâm lý học trong thể thao*, NXB TĐTT

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

Ngày tháng	Nội dung giảng thực hành	Giờ	Lớp	Cán bộ giảng dạy
08/09/2022	Kỹ thuật di chuyển	4	YHDPK13	Nguyễn Minh Tuấn
14/09/2022	Cách cầm vợt	4	YHDPK13	Nguyễn Minh Tuấn
20/09/2022	Kỹ thuật phát cầu thuận tay	4	YHDPK13	Đào Tuấn Minh
27/09/2022	Kỹ thuật phát cầu trái tay	4	YHDPK13	Đào Tuấn Minh
29/09/2022	Kỹ thuật phát cầu trái tay	4	YHDPK13	Đào Tuấn Minh
03/10/2022	Kỹ thuật đỡ phát cầu	4	YHDPK13	Đào Minh Trị
05/10/2022	Kỹ thuật đánh cầu	4	YHDPK13	Trần Thị Tố Hoa
10/10/2022	Kỹ thuật đánh cầu (tiếp)	4	YHDPK13	Lại Anh Nhật

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Đại diện sinh viên (Ban cán sự lớp) liên hệ với Giáo vụ Bộ môn để nhận kế hoạch học tập và được phổ biến về các quy định của bộ môn về học phần cũng như sự hướng dẫn học tập (có thể qua E-mail) sau đó phổ biến lại cho lớp.

- Sinh viên phải có trách nhiệm phân nhóm học tập (có danh sách, sơ đồ kèm theo) để giảng viên kiểm soát lớp công khai, thuận lợi và công bằng.

- Nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.

- Hoàn thành các bài tập được giao

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ học thực hành (theo quy chế). Cụ thể, điều kiện để sinh viên được thi kết thúc học phần khi:

+ Thực hành: Sinh viên phải có mặt đầy đủ các buổi thực hành trên lớp

+ Thực hiện các kỹ thuật động tác sau khi giảng viên hướng dẫn

- Sinh viên phải chuẩn bị và hoàn thành bài tập (cá nhân, nhóm) theo quy định.

- Sinh viên có trách nhiệm phản hồi và có quyền thắc mắc (có tổ chức) về các nội dung học tập cũng như cách quản lý, đánh giá của giảng viên trong quá trình học tập (mọi ý kiến thắc mắc của sinh viên sẽ được bộ môn xét giải quyết).

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT Cập nhật đề cương chi tiết lần Ngày/tháng/năm Người cập nhật

1	Lần 1	/...../2019	Nguyễn Minh Tuấn
2	Lần 2	/...../2021	Nguyễn Minh Tuấn
4	Dự kiến lần 3	/...../2023	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Năm 2021

Tên học phần

Tên tiếng Việt: Triết học Mác – Lênin

Tên tiếng Anh: Philosophy of Marxism - Leninism

Mã học phần: 9110MLPHIL0T

Ngành: Y học dự phòng trình độ đại học

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☒ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng
Số tín chỉ : 3 Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	45 15 90 0 0 0
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: Kết thúc học phần:	01 01

Học phần học trước:	K
Học phần tiên quyết:	K
Học phần song hành:	K
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Lý luận chính trị

2. Mô tả chung về học phần

Học phần triết học Mác – Lênin gồm 03 chương, được giảng dạy và thảo luận trên lớp với thời lượng 45 tiết (03 tín)). Chương 1 trình bày những tri thức cơ bản về triết học, triết học Mác – Lênin, vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; Ý thức xã hội; triết học về con người

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Hà Thị Loan	ThS	0914808567	loanllct@gmail.com	Phụ trách
2.	Lê Lan Anh	ThS	0917586998	Lelananh.ydtb@gmail.com	Tham gia
3.	Hà Kim Hoàn	ThS	0919993285	dungthanh372@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần

TT	Mục tiêu học phần (CEO)	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	CEO 1. Trình bày và phân tích những kiến thức có tính nền tảng và hệ thống của triết học Mác – Lênin, từ đó hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học cho hoạt động nhận thức và thực tiễn của bản thân; đồng thời làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các	PEO1, 3

	vấn đề, nội dung của những môn học khác.	
2.	CEO 2. Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của triết học Mác – Lênin vào hoạt động nhận thức và chuyên môn của bản thân.	PEO1, 3
3.	CEO 3. Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác – Lênin; tin tưởng vào nền tảng tư tưởng và con đường cách mạng mà Đảng ta đã lựa chọn; tin tưởng các chủ trương, đường lối, chính sách mà Đảng và Nhà nước ta đã đề ra.	PEO1, 3

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CDR Học phần (CLO)	Mức độ đạt (S, H)/CDR của CTĐT (PLO)
1.	CLO 1. Trình bày được điều kiện ra đời của triết học Mác - Lênin; thực chất cuộc cách mạng trong triết học do Mác và Ăngghen thực hiện và các giai đoạn hình thành, phát triển triết học Mác – Lênin; vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong thời đại ngày nay.	S: PLO 2, PLO 9 H: PLO 11
2.	CLO 2. Hiểu và phân tích được quan điểm của CNDVBC về vật chất, ý thức, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; những nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Hiểu và phân tích được các nội dung cơ bản của học thuyết hình thái kinh tế – xã hội; về giai cấp và đấu tranh giai cấp; về nhà nước và cách mạng xã hội; về dân tộc và quan hệ giai cấp-dân tộc-nhân loại; về ý thức xã hội; về con người.	S: PLO 2, PLO 9 H: PLO 12
3.	CLO 3. Vận dụng được thế giới quan, phương pháp luận của triết học Mác – Lênin vào hoạt động nhận thức và chuyên môn của bản thân.	S: PLO 2, PLO 9 H: PLO 12
4.	CLO 4. Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác – Lênin; vững tin vào nền tảng tư tưởng và con đường cách mạng mà Đảng, Nhà nước ta đã lựa chọn	S: PLO 2, PLO 9 H: PLO 12

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

ST T	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập (CEO)	CĐR HP (CLO)
1	Chương 1: KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC VÀ TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN I. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học 1. Khái lược về triết học 2. Vấn đề cơ bản của triết học 3. Biện chứng và siêu hình II. Triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội 1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác – Lênin 2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác – Lênin 3. Vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay	08	CEO 1	CLO 1
2	Chương 2: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG I. Vật chất và ý thức 1. Vật chất và phương thức tồn tại của vật chất 2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức 3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức II. Phép biện chứng duy vật 1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật 2. Nội dung của phép biện chứng duy vật III. Lý luận nhận thức	20	CEO 2	CLO 2

	1. Quan niệm về nhận thức trong lịch sử triết học 2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng			
3	Chương 3: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ I. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội 1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội 2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất 3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội 4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên II. Giai cấp và dân tộc 1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp 2. Dân tộc 3. Mối quan hệ giai cấp – dân tộc – nhân loại III. Nhà nước và cách mạng xã hội 1. Nhà nước 2. Cách mạng xã hội IV. Ý thức xã hội 1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội 2. Khái niệm, kết cấu, tính giai cấp, các hình thái của ý thức xã hội 3. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, tính độc lập tương đối của ý thức xã hội V. Triết học về con người 1. Con người và bản chất con người 2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người 3. Quan điểm của triết học Mác – Lênin về quan	17	CEO 3	CLO 3,4

	hệ cá nhân và xã hội; về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử			
	4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam			

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: Thuyết trình; đàm thoại; nêu vấn đề; thảo luận nhóm...

2. Thực hành: Không

3. Lâm sàng: Không

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

- Giáo án; tài liệu học tập; kế hoạch bài giảng; giáo trình.

- Máy chiếu Projector

- Phấn, bảng, micro...

2. Thực hành: Không

3. Lâm sàng: Không

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm: 10

- Các điểm thành phần:

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	Quy chế ĐTDH	Quy chế ĐTDH	Quy chế ĐTDH	Quy chế ĐTDH	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,2		Tự luận			10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,7	01	Tự luận	Chất lượng bài thi	Quy chế ĐTDH	10

Công thức tính điểm:

$$\text{Đ.HP} = \text{Đ.CC} \times 0,1 + \text{Đ.GHP} \times 0,2 + \text{Đ.KTHP} \times 0,7$$

Trong đó:

Đ.CC: Điểm chuyên cần

Đ.GHP: Điểm kiểm tra giữa học phần

Đ.KTHP: Điểm thi kết thúc học phần

*** Trường hợp $\text{Đ.KTHP} \leq 1$ thì $\text{Đ.HP} = \text{Đ.KTHP}$**

VI. TÀI LIỆU HỌC TẬP VÀ THAM KHẢO**1. Tài liệu học tập:**

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình triết học Mác – Lênin* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên Lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Sự thật, Hà Nội.

2. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (1999), *Giáo trình triết học Mác – Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

3. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia (2010), *Giáo trình triết học Mác – Lênin* (Tái bản), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

4. C Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập, T1 (Gia đình thần thánh)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. C Mác và Ph. Ăngghen (1994), *Toàn tập, T2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

6. C Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập, T3 (Hệ tư tưởng Đức)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

7. C Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập, T4 (Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

8. C Mác và Ph. Ăngghen (1994), *Toàn tập, T 20 (Chống Duyrinh, Biện chứng của tự nhiên)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

9. C Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập, T21 (Lútviích Phơibắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

13. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập, T 4, T5, T9* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

14. V.I. Lênin (1980), *Toàn tập, T 18*, Nxb Tiến bộ Mátxcova

15. V.I. Lênin (2005), *Bút ký triết học, Toàn tập, T 29*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

VII. Lịch học:

STT	TÊN BÀI GIẢNG	SỐ TIẾT	CÁN BỘ GIẢNG
1	Chương 1	12	Thạc sĩ Hà Kim Hoàn
2	Chương 2	16	Thạc sĩ Hà Kim Hoàn Thạc sĩ Lê Lan Anh
3	Chương 3	16	Thạc sĩ Hà Thị Loan Thạc sĩ Lê Lan Anh Thạc sĩ Hà Kim Hoàn

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ trường đại học và các quy chế, nội quy của Nhà trường.

- Học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục, đào tạo của cơ sở giáo dục đại học; chủ động, tích cực tự học, nghiên cứu, sáng tạo và rèn luyện đạo đức, lối sống.

- Tôn trọng nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và nhân viên của cơ sở giáo dục đại học; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình học tập và rèn luyện; thực hiện tốt nếp sống văn hóa trong trường học.

- Giữ gìn và bảo vệ tài sản; hành động góp phần bảo vệ, xây dựng và phát huy truyền thống của Nhà trường.

- Thực hiện đầy đủ quy định về việc khám sức khỏe đầu khóa và khám sức khỏe định kỳ trong thời gian học tập theo quy định của Nhà trường.

- Đóng học phí, bảo hiểm y tế đầy đủ, đúng thời hạn.

- Tham gia lao động công ích, hoạt động tình nguyện, hoạt động xã hội vì cộng đồng phù hợp với năng lực và sức khỏe theo yêu cầu của Nhà trường.

- Chấp hành nghĩa vụ làm việc có thời hạn theo sự Điều động của Nhà nước khi được hưởng học bổng, chi phí đào tạo do Nhà nước cấp hoặc do nước ngoài tài trợ theo Hiệp định ký kết với Nhà nước, nếu không chấp hành phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo theo quy định của Chính phủ.

- Tham gia phòng, chống tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử và các hoạt động khác của sinh viên; kịp thời báo cáo với khoa, phòng chức năng, Ban Giám hiệu Nhà trường hoặc các cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện những hành vi tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử hoặc những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy, quy chế khác của sinh viên, cán bộ, nhà giáo trong trường.

- Tham gia công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong trường học, gia đình và cộng đồng.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của pháp luật và của Nhà trường.

2. Quy định điều kiện dự thi

- Sinh viên tham dự ít nhất 80% số tiết học theo quy định của từng học phần, thời gian nghỉ học (nếu có) phải có lý do hợp lệ và có điểm kiểm tra giữa học phần > 4,0 điểm.

- Sinh viên nghỉ học từ 20% đến 50% số tiết học phải học bù đủ chương trình để được xem xét duyệt thi. Sinh viên nghỉ học > 50% số tiết học phải học lại toàn bộ chương trình.

- Sinh viên hoãn thi đủ các điều kiện duyệt thi sẽ được duyệt thi vào lần kế tiếp của học phần đó (cùng hoặc khác lớp).

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
TRƯỞNG PHÒNG

BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
PHÓ TRƯỞNG PT BỘ MÔN

PGS.TS. Ngô Thanh Bình

ThS. Hà Kim Hoàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**Năm 2021****Tên học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin**Tên tiếng Việt: **Kinh tế chính trị Mác - Lênin**

Tên tiếng Anh: Marxist- Leninist political Economy

Mã học phần: 9110MLPLEC0T

Ngành: Y học Dự phòng trình độ đại học

Mã ngành:

I. Hành chính**1. Thông tin chung:**

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☒ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Các ngành đào tạo trình độ đại học
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): 2	
Số tiết Lý thuyết:	30
Thảo luận :	10
Số giờ tự học:	60
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	
Giữa học phần:	0
Kết thúc học phần:	01
Học phần học trước:	1. Triết học Mác- Lênin
Học phần tiên quyết:	1. Triết học Mác- Lênin
Học phần song hành:	Không
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Lý luận chính trị

2. Mô tả chung về học phần

Chương trình học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin gồm 6 chương:

Chương I: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác- Lênin.

Chương II : Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.

Chương III : Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.

Chương IV : Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.

Chương V: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.

Chương VI : Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

TT	Họ tên	Học hàm/ học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1	Hà Kim Hoành	ThS	0919993285	dungthanh372@gmail.com	Phụ trách
2	Lê Lan Anh	ThS	0917586998	lananhllct@gmail.com	Tham gia
3	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	ThS	0976615526	diepcdsptb@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	CEO 1. Trình bày được lịch sử hình thành, đối tượng, phương pháp, chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về hàng hóa, tiền tệ, thị trường, các quy luật kinh tế chủ yếu của sản xuất hàng hóa; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	PEO1

2	CEO 2. Xây dựng và nâng cao lập trường tư tưởng chính trị, ý thức hệ của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với người học. Xây dựng ý thức chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; đấu tranh chống lại những hành vi vi phạm pháp luật về kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.	PEO 1,3
3	CEO 3. Hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá các vấn đề kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Biết vận dụng kiến thức của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo. Vận dụng các vấn đề lý luận đã học để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.	PEO1,3

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)
1	CLO 1. Vận dụng được kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.	S: PLO 2
2	CLO 2. Hành nghề theo pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và có trách nhiệm với xã hội.	S: PLO 2, 10
3	CLO 3. Trung thực, khách quan, khiêm tốn, có tinh thần học tập vươn lên. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và phối hợp được với các bên liên quan có hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp.	S: PLO 2,8,10

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập (CEO)	CĐR HP (CLO)
1	Chương I: ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC- LÊNIN I. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác-Lênin II. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác-Lênin III. Chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin	02	CEO 1	CLO 1,2,3
2	Chương II: HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG I. Lý luận của Mác về Sản xuất hàng hóa và hàng hóa II. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường	05	CEO 1,2	CLO 1
3	Chương III: GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG I. Lý luận của C. Mác về giá trị thặng dư II. Tích lũy tư bản III. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường	08	CEO 1,2	CLO 1
4	Chương IV: CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG I. Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường II. Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường	04	CEO 3	CLO 2
5	Chương V: KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG	05	CEO 3	CLO 2

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập (CEO)	CĐR HP (CLO)
	XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM I. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam II. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam			
6	Chương VI: CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM I. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam II. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	06	CEO 3	CLO 2,3

2. Thực hành: Không

3. Lâm sàng: Không

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết:

Thuyết trình; Đàm thoại; Nêu vấn đề; Kể chuyện; Thảo luận nhóm...

2. Thực hành: Không

3. Lâm sàng: Không

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

- Giáo án; Tài liệu học tập; Kế hoạch bài giảng; Giáo trình.
- Máy chiếu Proijector
- Phấn, bảng, micro...

2. Thực hành: Không

3. Lâm sàng: Không

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm: 10
- Các điểm thành phần:

Điểm	Trọng số	Bài	Hình	Tiêu chí	CĐR	Điểm tối đa
------	----------	-----	------	----------	-----	-------------

thành phần	tính điểm	đánh giá	thức đánh giá	đánh giá	được đánh giá	
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	Quy chế ĐTDH	Quy chế ĐTDH	Quy chế ĐTDH	Quy chế ĐTDH	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,2		Tự luận			10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,7	01	Tự luận	Chất lượng bài thi	Quy chế ĐTDH	10

Công thức tính điểm:

$$\text{ĐHP} = (\text{Đ.CC} \times 0,1) + (\text{Đ.GHP} \times 0,2) + (\text{Đ.KTHP} \times 0,9)$$

Trong đó:

- Đ.CC: Điểm chuyên cần
- Đ.GHP: Điểm kiểm tra giữa học phần
- Đ.KTHP: Điểm thi kết thúc học phần

*** Trường hợp $\text{Đ.KTHP} \leq 1$ thì $\text{Đ.HP} = \text{Đ.KTHP}$**

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập:

Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin*, dành cho bậc đại học - không chuyên lý luận chính trị, Nxb. Sự thật, Hà Nội.

2. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ GD&ĐT, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin* (Dành cho bậc đại học - không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2019.

2. Bộ GD&ĐT, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin* (Dùng cho các khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng), Nxb CTQG, Hà Nội, năm 2006.

3. Bộ GD&ĐT, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin* (Dùng cho các khối ngành kinh tế - quản trị kinh doanh), Nxb CTQG, Hà Nội, năm 2006.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986, 1991, 1996, 2001, 2006, 2011, 2016.

5. Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, Bộ môn Kinh tế Chính trị Mác- Lênin, Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế, Nxb Giáo dục, 1999.

6. C.Mác – Ph.Ăngghen: Toàn tập, tập 20, tập 23, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.

VII. Lịch học

STT	TÊN BÀI GIẢNG	SỐ TIẾT	CÁN BỘ GIẢNG
1	Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác- Lênin.	02	Hà Kim Hoàn
2	Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.	05	Nguyễn Thị Ngọc Diệp
3	Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường	08	Nguyễn Thị Ngọc Diệp
4	Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.	04	Nguyễn Thị Ngọc Diệp
5	Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.	05	Nguyễn Thị Ngọc Diệp
6	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.	06	Hà Kim Hoàn

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ trường đại học và các quy chế, nội quy của Nhà trường.

- Học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục, đào tạo của cơ sở giáo dục đại học; chủ động, tích cực tự học, nghiên cứu, sáng tạo và rèn luyện đạo đức, lối sống.

- Tôn trọng nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và nhân viên của cơ sở giáo dục đại học; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình học tập và rèn luyện; thực hiện tốt nếp sống văn hóa trong trường học.

- Giữ gìn và bảo vệ tài sản; hành động góp phần bảo vệ, xây dựng và phát huy truyền thống của Nhà trường.

- Thực hiện đầy đủ quy định về việc khám sức khỏe đầu khóa và khám sức khỏe định kỳ trong thời gian học tập theo quy định của Nhà trường.

- Đóng học phí, bảo hiểm y tế đầy đủ, đúng thời hạn.

- Tham gia lao động công ích, hoạt động tình nguyện, hoạt động xã hội vì cộng đồng phù hợp với năng lực và sức khỏe theo yêu cầu của Nhà trường.

- Chấp hành nghĩa vụ làm việc có thời hạn theo sự Điều động của Nhà nước khi được hưởng học bổng, chi phí đào tạo do Nhà nước cấp hoặc do nước ngoài tài trợ theo Hiệp định ký kết với Nhà nước, nếu không chấp hành phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo theo quy định của Chính phủ.

- Tham gia phòng, chống tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử và các hoạt động khác của sinh viên; kịp thời báo cáo với khoa, phòng chức năng, Ban Giám hiệu Nhà trường hoặc các cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện những hành vi tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử hoặc những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy, quy chế khác của sinh viên, cán bộ, nhà giáo trong trường.

- Tham gia công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong trường học, gia đình và cộng đồng.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của pháp luật và của Nhà trường.

2. Quy định điều kiện dự thi

- Sinh viên tham dự ít nhất 80% số tiết học theo quy định của từng học phần, thời gian nghỉ học (nếu có) phải có lý do hợp lệ và có điểm kiểm tra giữa học phần > 4,0 điểm.

- Sinh viên nghỉ học từ 20% đến 50% số tiết học phải học bù đủ chương trình để được xem xét duyệt thi. Sinh viên nghỉ học > 50% số tiết học phải học lại toàn bộ chương trình.

- Sinh viên hoàn thi đủ các điều kiện duyệt thi sẽ được duyệt thi vào lần kế tiếp của học phần đó (cùng hoặc khác lớp).

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
TRƯỞNG PHÒNG

BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
PHÓ TRƯỞNG PT BỘ MÔN

PGS.TS. Ngô Thanh Bình**ThS. Hà Kim Hoàn****IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết:**

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	5/2021	ThS. Hà Kim Hoàn
2.	Lần 2 (Dự kiến)	5/2023	ThS. Hà Kim Hoàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**Năm 2021****Tên học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học**Tên tiếng Việt: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Tên tiếng Anh: Scientific Socialism

Mã học phần: 9110SOCIAL0T

Ngành: Y học Dự phòng trình độ đại học

Mã ngành:

II. Hành chính.**1. Thông tin chung:**

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☒ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Các ngành đào tạo trình độ đại học
Số tín chỉ :	2
Số tiết Lý thuyết:	22
Thảo luận :	08
Số giờ tự học:	70
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	0
Thảo luận:	0
Số giờ tự học:	0
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	
Giữa học phần:	0
Kết thúc học phần:	01
Học phần học trước:	- Triết học Mác – Lênin - Kinh tế chính trị Mác – Lênin
Học phần tiên quyết:	- Triết học Mác – Lênin - Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Học phần song hành:	K
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Lý luận chính trị

2. Mô tả chung về học phần

Học phần **Chủ nghĩa xã hội khoa học** gồm 07 chương, được giảng dạy và thảo luận trên lớp với thời lượng 30 tiết (02 tín)). *Chương 1* trình bày những tri thức cơ bản về sự ra đời, các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu CNXHKKH. *Chương 2* trình bày những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, nội dung, biểu hiện và ý nghĩa của sứ mệnh đó trong bối cảnh hiện nay. *Chương 3* trình bày quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH; sự vận dụng vấn đề này ở Việt Nam. *Chương 4* trình bày bản chất nền dân chủ XHCN và nhà nước XHCN nói chung, ở Việt Nam nói riêng. *Chương 5* trình bày vấn đề cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp ở nước ta trong thời kỳ quá độ lên CNXH. *Chương 6* trình bày vấn đề dân tộc, tôn giáo, mối quan hệ dân tộc – tôn giáo và quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về vấn đề này. *Chương 7* trình bày vấn đề gia đình, xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH, xây dựng gia đình ở Việt nam hiện nay.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Hà Kim Hoàn	ThS	0919993285	dungthanh372@gmail.com	Phụ trách
2.	Lê Lan Anh	ThS	0917586998	Lelananh.ydtb@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	CEO 1. Trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa xã hội khoa học - một trong ba bộ phận cấu thành chủ	PEO 1

	nghĩa Mác – Lênin, từ đó hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học cho hoạt động nhận thức và thực tiễn của bản thân.	
2.	CEO 2. Vận dụng các kiến thức đã học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước cũng như con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.	PEO 1
3.	CEO 3. Tích cực học tập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; tin vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công của công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo.	PEO 1,3

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CDR Học phần	Mức độ đạt/ CDR của CTĐT (PLO)
1	CLO 1. - Trình bày được quá trình ra đời, các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu CNXHKKH - Phân tích được quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; nội dung, biểu hiện và ý nghĩa của sứ mệnh đó trong bối cảnh hiện nay. - Trình bày được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH; sự vận dụng vấn đề này ở Việt Nam. - Trình bày được bản chất nền dân chủ XHCN và nhà nước XHCN nói chung, ở Việt Nam nói riêng.	S: PLO2

	- Trình bày được vấn đề cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp; sự vận dụng vấn đề này ở nước ta trong thời kỳ quá độ lên CNXH. - Phân tích được vấn đề dân tộc, tôn giáo, mối quan hệ dân tộc – tôn giáo; quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về vấn đề này. - Phân tích được vấn đề gia đình, xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH, xây dựng gia đình ở Việt nam hiện nay.	
2	CLO 2. Vận dụng được các kiến thức đã học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước cũng như con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.	S: PLO2
3	CLO 3. Hiểu được tính khoa học, cách mạng của môn chủ nghĩa xã hội khoa học; tin vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công của công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo.	S: PLO2,14

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập (CEO)	CĐR HP (CLO)
1	Chương 1: NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC I. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học 1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học 2. Vai trò của Các Mác và Ăngghen II. Các giai đoạn phát triển cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học 1. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học 2. Lênin vận dụng và phát triển	4	CEO 1	CLO 1

	chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới 3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi Lênin qua đời đến nay III. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học 1. Đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học 2. Phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học 3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học			
2	Chương 2: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN I. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân 1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân 2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân II. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay 1. Giai cấp công nhân hiện nay 2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay III. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam 1. đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam 2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay 3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay	4	CEO 1,2	CLO 1

3	Chương 3: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI I. Chủ nghĩa xã hội 1. Chủ nghĩa xã hội - giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa 2. Điều kiện ra đời của chủ nghĩa xã hội 3. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội II. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội III. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa 2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay	4	CEO 1,2	CLO 1,2
4	Chương 4: DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA I. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa 1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ 2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa II. Nhà nước xã hội chủ nghĩa 1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa 2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa III. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	5	CEO 2,3	CLO 1, 2

	3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay			
5	Chương 5: CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI I. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội 2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội II. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 1. Xét dưới góc độ chính trị 2. Xét dưới góc độ kinh tế III. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	5	CEO 2	CLO 1, 2
6	Chương 6: VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI I. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 1. Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc 2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam II. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo	4	CEO 2,3	CLO 2, 3

	2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay III. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam 1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam 2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay			
7	Chương 7: VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI I. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình 1. Khái niệm gia đình 2. Vị trí của gia đình 3. Chức năng của gia đình II. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 1. Cơ sở kinh tế xã hội 2. Cơ sở chính trị - xã hội 3. Cơ sở văn hóa 4. Chế độ hôn nhân tiến bộ III. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	4	CEO 2,3	CLO 2, 3

2. Thực hành: Không

3. Lâm sàng: Không

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: Thuyết trình; đàm thoại; nêu vấn đề; thảo luận nhóm...

2. Thực hành: Không

3. Lâm sàng: Không

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

- Giáo án; tài liệu học tập; kế hoạch bài giảng; giáo trình.
- Máy chiếu Proijector
- Phấn, bảng, micro...

2. Thực hành: Không

3. Lâm sàng: Không

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm: 10
- Các điểm thành phần:

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	Quy chế ĐTDH	Quy chế ĐTDH	Quy chế ĐTDH	Quy chế ĐTDH	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,2		Tự luận			10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,7	01	Tự luận	Chất lượng bài thi	Quy chế ĐTDH	10

Công thức tính điểm:

$$\text{ĐHP} = \text{Đ.CC} \times 0,1 + \text{Đ.GHP} \times 0,2 + \text{Đ.KTHP} \times 0,7$$

Trong đó:

Đ.CC: Điểm chuyên cần

Đ.GHP: Điểm kiểm tra giữa học phần

Đ.KTHP: Điểm thi kết thúc học phần

***Trường hợp $\text{Đ.KTHP} < 1$ thì $\text{Đ.HP} = \text{Đ.KTHP}$**

VI. TÀI LIỆU HỌC TẬP VÀ THAM KHẢO

1. Tài liệu học tập chủ yếu:

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Sự thật, Hà Nội.

2. Tài liệu tham khảo chính:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb Giáo dục và đào tạo.
3. Ban tuyên giáo Trung ương Đảng (2004), *Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Dương Xuân Ngọc (2004), *Giai cấp công nhân Việt Nam trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Đảng Cộng Sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
6. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2011), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (Bổ sung và phát triển năm 2011)*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
7. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2008), *Văn kiện hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
8. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2011, 2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, XII*, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
9. Đào Duy Tùng (2004), *Quá trình hình thành con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. GS.TS Phùng Hữu Phú, GS.TS Lê Hữu Nghĩa, GS.TS Vũ Văn Hiền, PGS.TS Nguyễn Viết Thông...(Đồng chủ biên) (2016), *Một số vấn đề lý luận – thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua 30 năm đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. GS Đỗ Tư (2004), *Lược khảo tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
12. Hoàng Chí Bảo, Nguyễn Viết Thông, Bùi Đình Bôn (đồng chủ biên) (2010), *Một số vấn đề lý luận về giai cấp công nhân Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*, Nxb Lao động, Hà Nội.

13. Nguyễn Quang Mạnh (2010), *Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN: Lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

14. Tạ Tấn Ngọc (2010), *Một số vấn đề biến đổi cơ cấu xã hội Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

VII. Lịch học:

STT	TÊN BÀI GIẢNG	SỐ TIẾT	CÁN BỘ GIẢNG
1	Chương 1	4	Thạc sĩ Hà Kim Hoàn
2	Chương 2	4	Thạc sĩ Lê Lan Anh
3	Chương 3	4	Thạc sĩ Lê Lan Anh
4	Chương 4	5	Thạc sĩ Hà Kim Hoàn
5	Chương 5	5	Thạc sĩ Hà Kim Hoàn
6	Chương 6	4	Thạc sĩ Lê Lan Anh
7	Chương 7	4	Thạc sĩ Lê Lan Anh

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ trường đại học và các quy chế, nội quy của Nhà trường.

- Học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục, đào tạo của cơ sở giáo dục đại học; chủ động, tích cực tự học, nghiên cứu, sáng tạo và rèn luyện đạo đức, lối sống.

- Tôn trọng nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và nhân viên của cơ sở giáo dục đại học; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình học tập và rèn luyện; thực hiện tốt nếp sống văn hóa trong trường học.

- Giữ gìn và bảo vệ tài sản; hành động góp phần bảo vệ, xây dựng và phát huy truyền thống của Nhà trường.

- Thực hiện đầy đủ quy định về việc khám sức khỏe đầu khóa và khám sức khỏe định kỳ trong thời gian học tập theo quy định của Nhà trường.

- Đóng học phí, bảo hiểm y tế đầy đủ, đúng thời hạn.

- Tham gia lao động công ích, hoạt động tình nguyện, hoạt động xã hội vì cộng đồng phù hợp với năng lực và sức khỏe theo yêu cầu của Nhà trường.

- Chấp hành nghĩa vụ làm việc có thời hạn theo sự Điều động của Nhà nước khi được hưởng học bổng, chi phí đào tạo do Nhà nước cấp hoặc do nước ngoài tài trợ

theo Hiệp định ký kết với Nhà nước, nếu không chấp hành phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo theo quy định của Chính phủ.

- Tham gia phòng, chống tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử và các hoạt động khác của sinh viên; kịp thời báo cáo với khoa, phòng chức năng, Ban Giám hiệu Nhà trường hoặc các cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện những hành vi tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử hoặc những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy, quy chế khác của sinh viên, cán bộ, nhà giáo trong trường.

- Tham gia công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong trường học, gia đình và cộng đồng.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của pháp luật và của Nhà trường.

2. Quy định điều kiện dự thi

- Sinh viên tham dự ít nhất 80% số tiết học theo quy định của từng học phần, thời gian nghỉ học (nếu có) phải có lý do hợp lệ và có điểm kiểm tra giữa học phần > 4,0 điểm.

- Sinh viên nghỉ học từ 20% đến 50% số tiết học phải học bù đủ chương trình để được xem xét duyệt thi. Sinh viên nghỉ học > 50% số tiết học phải học lại toàn bộ chương trình.

- Sinh viên hoàn thi đủ các điều kiện duyệt thi sẽ được duyệt thi vào lần kế tiếp của học phần đó (cùng hoặc khác lớp).

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
TRƯỞNG PHÒNG

BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
PHÓ TRƯỞNG PT BỘ MÔN

PGS.TS. Ngô Thanh Bình

ThS. Hà Kim Hoàn

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết:

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	5/2021	ThS. Hà Kim Hoàn
2.	Lần 2 (Dự kiến)	5/2023	ThS. Hà Kim Hoàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**Năm 2021****Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh**Tên tiếng Việt: **Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Tên tiếng Anh: Ho Chi Minh 's thought

Mã học phần: 9110HCMIDL0T

Ngành: Y học Dự phòng trình độ đại học

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính**1. Thông tin chung:**

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☒ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Các ngành đào tạo trình độ đại học
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: 23 Thảo luận : 7 Số giờ tự học: 70 Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: 0 Thảo luận: 0 Số giờ tự học: 0	
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: 0 Kết thúc học phần: 01	
Học phần học trước:	1. Triết học Mác- Lênin 2. Kinh tế chính trị 3. Chủ nghĩa xã hội khoa học
Học phần tiên quyết:	1. Triết học Mác- Lênin

	2. Kinh tế chính trị 3. Chủ nghĩa xã hội khoa học
Học phần song hành:	Không
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Lý luận chính trị

2. Mô tả chung về học phần

Chương trình của học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 7 chương:

Chương I : Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học.

Chương II : Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chương III : Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Chương IV : Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam. và Nhà nước Việt Nam.

Chương V: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế.

Chương VI : Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

TT	Họ tên	Học hàm/ học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1	Hà Kim Hoành	ThS	0919993285	dungthanh372@gmail.com	Phụ trách
2	Nguyễn Thị Kim Nhung	ThS	0975537269	nguyenkimnhung1968@gmail.com	Tham gia
3	Nguyễn Thị Ngọc Diệp		0976615526	diepcdsptb@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	CEO 1. - Trình bày được khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành,	PEO1

	nội dung, bản chất cách mạng khoa học, đặc điểm của các quan điểm trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. - Trình bày được phương pháp và phương pháp luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc nhận thức và giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn của dân tộc và nhân loại. - Hiểu được những giá trị khoa học, cách mạng, nhân văn trong cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng Hồ Chí Minh. - Hiểu được một cách có hệ thống nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta trong quá trình nhận thức, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh qua các giai đoạn cách mạng. - Nhận thức được các giá trị tư tưởng lý luận của Hồ Chí Minh đối với kho tàng tư tưởng lý luận cách mạng thế giới của thời đại.	
2	CEO 2. Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh với Đảng và dân tộc Việt Nam, thấy được trách nhiệm của bản thân trong học tập, rèn luyện để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	PEO1,3
3	CEO 3. - Rèn luyện năng lực tư duy lý luận, phương pháp nghiên cứu. - Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong việc nghiên cứu, phân tích các tác phẩm lý luận của Hồ Chí Minh và kỹ năng trình bày, thuyết trình một số vấn đề lý luận. - Có kỹ năng vận dụng lý luận, phương pháp và phương pháp luận của HCM để nghiên cứu, phân tích các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới.	PEO1,4

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CDR Học phần	Mức độ đạt/ CDR của CTĐT (PLO)
----	--------------	--------------------------------

1	CLO 1. Vận dụng được kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.	S: PLO2
2	CLO 2. Hành nghề theo pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và có trách nhiệm với xã hội.	S: PLO2 H: PLO 10,12,13
3	CLO 3. Trung thực, khách quan, khiêm tốn, có tinh thần học tập vươn lên. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và phối hợp được với các bên liên quan có hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp.	S: PLO2 H: PLO 8,10,12,13

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập (CEO)	CDR HP (CLO)
1	Chương I: KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA VIỆC HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH I. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh II. Đối tượng nghiên cứu III. Phương pháp nghiên cứu IV. Ý nghĩa của việc học tập môn học đối với sinh viên	02	CEO 1,2	CLO 1,2
2	Chương II: CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH I. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh II. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh III. Ý nghĩa sự ra đời tư tưởng Hồ Chí Minh	04	CEO 1,2	CLO 1,2
3	Chương III: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	08	CEO 1,2	CLO 1,2,3

	I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. IV. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay.			
4	Chương IV: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM. I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đảng cộng sản Việt Nam. II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước Việt Nam. III. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng đảng và xây dựng nhà nước.	08	CEO 1,2,3	CLO 1,2,3
5	Chương V: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế III. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay	04	CEO 1,2,3	CLO 1,2,3
6	Chương VI: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI. I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức	04	CEO 1,2,3	CLO 1,2,3

	III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người. IV. Xây dựng văn hóa, đạo đức con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh			
--	--	--	--	--

2. Thực hành: Không

3. Lâm sàng: Không

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết:

Thuyết trình; Đàm thoại; Nêu vấn đề; Kể chuyện; Thảo luận nhóm...

2. Thực hành: Không

3. Lâm sàng: Không

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

- Giáo án; Tài liệu học tập; Kế hoạch bài giảng; Giáo trình.

- Máy chiếu Projector

- Phấn, bảng, micro...

2. Thực hành: Không

3. Lâm sàng: Không

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm: 10

- Các điểm thành phần:

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	Quy chế ĐTDH	Quy chế ĐTDH	Quy chế ĐTDH	Quy chế ĐTDH	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,2		Tự luận			10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,7	01	Tự luận	Chất lượng bài thi	Quy chế ĐTDH	10

Công thức tính điểm:

$$\text{ĐHP} = (\text{Đ.CC} \times 0,1) + (\text{Đ.GHP} \times 0,2) + (\text{Đ.KTHP} \times 0,7)$$

Trong đó:

- Đ.CC: Điểm chuyên cần
- Đ.GHP: Điểm kiểm tra giữa học phần
- Đ.KTHP: Điểm thi kết thúc học phần

*** Trường hợp $\text{Đ.KTHP} \leq 1$ thì $\text{Đ.HP} = \text{Đ.KTHP}$**

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập:

Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2021): *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, sử dụng trong các trường đại học - không chuyên lý luận chính trị, NXb. Sự thật. Hà Nội.

2. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2003), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Hồ Chí Minh (2016), Biên niên tiểu sử, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Song Thành (2005) *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
- Song Thành (chủ biên) (2006), *Hồ Chí Minh – Tiểu sử*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
- Duiker William J: *Hồ Chí Minh a life*, Hyperion, New York, 2000.
- Pierre Brocheux: *Hồ Chí Minh*, Presses des Sciences Politiques, Paris, 2000.
- Đảng cộng sản Việt Nam (2016, 2021): *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia.
- WEBSITE:
<http://www.dangcongsan..>
 - <http://www.cpv.org.vn>
 - <http://www.tapchicongsan.org.vn>

VII. Lịch học

STT	TÊN BÀI GIẢNG	SỐ TIẾT	CÁN BỘ GIẢNG
1	Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh	02	Hà Kim Hoàn
2	Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	04	Nguyễn Thị Kim Nhung
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.	08	Nguyễn Thị Kim Nhung
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản và nhà nước Việt Nam.	08	Nguyễn Thị Kim Nhung
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế.	04	Nguyễn Thị Ngọc Diệp
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và con người.	04	Nguyễn Thị Ngọc Diệp

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ trường đại học và các quy chế, nội quy của Nhà trường.

- Học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục, đào tạo của cơ sở giáo dục đại học; chủ động, tích cực tự học, nghiên cứu, sáng tạo và rèn luyện đạo đức, lối sống.

- Tôn trọng nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và nhân viên của cơ sở giáo dục đại học; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình học tập và rèn luyện; thực hiện tốt nếp sống văn hóa trong trường học.

- Giữ gìn và bảo vệ tài sản; hành động góp phần bảo vệ, xây dựng và phát huy truyền thống của Nhà trường.

- Thực hiện đầy đủ quy định về việc khám sức khỏe đầu khóa và khám sức khỏe định kỳ trong thời gian học tập theo quy định của Nhà trường.

- Đóng học phí, bảo hiểm y tế đầy đủ, đúng thời hạn.

- Tham gia lao động công ích, hoạt động tình nguyện, hoạt động xã hội vì cộng đồng phù hợp với năng lực và sức khỏe theo yêu cầu của Nhà trường.

- Chấp hành nghĩa vụ làm việc có thời hạn theo sự Điều động của Nhà nước khi được hưởng học bổng, chi phí đào tạo do Nhà nước cấp hoặc do nước ngoài tài trợ theo Hiệp định ký kết với Nhà nước, nếu không chấp hành phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo theo quy định của Chính phủ.

- Tham gia phòng, chống tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử và các hoạt động khác của sinh viên; kịp thời báo cáo với khoa, phòng chức năng, Ban Giám hiệu Nhà trường hoặc các cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện những hành vi tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử hoặc những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy, quy chế khác của sinh viên, cán bộ, nhà giáo trong trường.

- Tham gia công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong trường học, gia đình và cộng đồng.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của pháp luật và của Nhà trường.

2. Quy định điều kiện dự thi

- Sinh viên tham dự ít nhất 80% số tiết học theo quy định của từng học phần, thời gian nghỉ học (nếu có) phải có lý do hợp lệ và có điểm kiểm tra giữa học phần > 4,0 điểm.

- Sinh viên nghỉ học từ 20% đến 50% số tiết học phải học bù đủ chương trình để được xem xét duyệt thi. Sinh viên nghỉ học > 50% số tiết học phải học lại toàn bộ chương trình.

- Sinh viên hoàn thi đủ các điều kiện duyệt thi sẽ được duyệt thi vào lần kế tiếp của học phần đó (cùng hoặc khác lớp).

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
TRƯỞNG PHÒNG

BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
PHÓ TRƯỞNG PT BỘ MÔN

PGS,TS. Ngô Thanh Bình

ThS. Hà Kim Hoàn

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết:

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	5/2021	ThS. Hà Kim Hoành
2.	Lần 2 (Dự kiến)	5/2023	ThS. Hà Kim Hoành

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**Năm 2021****Tên học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**Tên tiếng Việt: **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

Tên tiếng Anh: History of the Communist Party of Vietnam

Mã học phần: 9110REVVCP0T

Ngành: Y học Dự phòng trình độ đại học

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính**1. Thông tin chung:**

Học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☒ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Các ngành đào tạo trình độ đại học
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: 22 Thảo luận : 8 Số giờ tự học: 70 Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: 0 Thảo luận: 0 Số giờ tự học: 0	
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: 01 Kết thúc học phần: 01	
Học phần học trước:	1. Triết học Mác-Lênin 2. Kinh tế chính trị 3. Chủ nghĩa xã hội khoa học 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần tiên quyết:	1. Triết học Mác-Lênin 2. Kinh tế chính trị 3. Chủ nghĩa xã hội khoa học 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh
Học phần song hành:	Không
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Lý luận chính trị

2. Mô tả chung về học phần

Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

TT	Họ tên	Học hàm/ học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1	Hà Kim Hoàn	ThS	0919993285	dungthanh372@gmail.com	Phụ trách
2	Nguyễn Thị Kim Nhung	ThS	0975537269	nguyenkimnhung1968@gmail.com	Tham gia
3	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	ThS	0976615526	ngocdieplct@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
----	-------------------	---------------------

1	CEO 1. Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1923-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).	PEO1
2	CEO 2. Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.	PEO1,3
3	CEO 3. Thông qua các sự kiện lịch sử và kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.	PEO1,5

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt/ CĐR của CTĐT (PLO)
1	CLO 1. - Nêu được những bối cảnh thời đại lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu XX và yêu cầu, nhiệm vụ của CMVN qua các thời kỳ. Hiểu được lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam từ 1930 đến 2019 - Hiểu được vai trò lãnh đạo của ĐCSVN đối với tiến trình phát triển của CMVN.	S: PLO2
2	CLO 2. - Khả năng giao tiếp, thuyết trình và viết báo cáo. - Có khả năng vận dụng, liên hệ kiến thức đã học để giải quyết vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội... liên quan	S: PLO2, 9

	đến đường lối cách mạng của Đảng. - Có khả năng làm việc nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến đường lối cách mạng của Đảng.	
3	CLO 3. - Hiểu rõ quá trình ĐCSVN vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào lãnh đạo CMVN, liên hệ với bản thân trong giai đoạn hiện nay. - Có tinh thần yêu nước, ý thức trách nhiệm công dân, ý thức kỷ luật và thái độ nghề nghiệp đúng đắn, ham tìm hiểu và học tập suốt đời. - Có phẩm chất đạo đức tốt, có niềm tin và trung thành với đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước. - Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo quan điểm của Đảng và nhà nước.	S: PLO2, 9

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập (CEO)	CĐR HP (CLO)
1	Chương mở đầu: ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM I. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử ĐCSVN II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học	02	CEO 1	CLO 1

	III. Phương pháp nghiên cứu, học tập của môn Lịch sử ĐCSVN			
2	Chương mở I: ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945) I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng II. Lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)	12	CEO 1	CLO 1,2,3
3	Chương mở II: ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975) I. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) II. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)	08	CEO 1	CLO 1,2,3
4	Chương III: ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ	08	CEO 2,3	CLO 1,2,3

	TIỀN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975-2018) I. Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986) II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế (1986-2018)			
--	---	--	--	--

2. Thực hành: Không

3. Lâm sàng: Không

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết:

Thuyết trình; Đàm thoại; Nêu vấn đề; Thảo luận nhóm...

2. Thực hành: Không

3. Lâm sàng: Không

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

- Giáo án; Tài liệu học tập; Kế hoạch bài giảng; Giáo trình.
- Máy chiếu Projector
- Phấn, bảng, micro...

2. Thực hành: Không

3. Lâm sàng: Không

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10

- Các điểm thành phần:

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10

- Các điểm thành phần:

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh	Điểm tối đa
-----------------	--------------------	--------------	----------------	-------------------	---------------	-------------

			giá		giá	
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	Quy chế ĐTDH	Quy chế ĐTDH	Quy chế ĐTDH	Quy chế ĐTDH	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,2	1	Tự luận			10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,7	1	Tự luận	Chất lượng bài thi	Quy chế ĐTDH	10

Công thức tính điểm:

$$\text{ĐHP} = (\text{Đ.CC} \times 0,1) + (\text{Đ.GHP} \times 0,2) + (\text{Đ.KTHP} \times 0,7)$$

Trong đó:

- Đ.CC: Điểm chuyên cần
- Đ.GHP: Điểm kiểm tra giữa học phần
- Đ.KTHP: Điểm thi kết thúc học phần

*** Trường hợp $\text{Đ.KTHP} \leq 1$ thì $\text{Đ.HP} = \text{Đ.KTHP}$**

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5 điểm/2 tiết
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/1 tiết
Đi muộn	0,5 điểm/1 lần. Sau 15 phút sẽ tính vắng không có lý do

Rubric 2: Vấn đáp

Không tổ chức thi vấn đáp

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập:

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021): *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb Sự thật, Hà Nội.

2. Tài liệu tham khảo

- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Viện Lịch sử Đảng, *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập I*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2018.

- Viện Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác – Lênin. Viện Lịch sử Đảng, *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập II*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1995.

- Đảng Cộng sản Việt Nam, toàn tập, từ tập 1 đến tập 65, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1998- 2018.
- Hồ Chí Minh toàn tập, từ tập 1 đến tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2011
- Đảng Cộng sản Việt Nam 80 năm xây dựng và phát triển, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2010.
- Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị, Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945-1975- thắng lợi và bài học, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2000.
- Đảng Cộng sản Việt Nam - Ban Chấp hành Trung ương - Ban Chỉ đạo tổng kết, *Báo cáo Tổng kết một số vấn đề lý luận- thực tiễn qua 30 năm đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2015.
- Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (tái bản có sửa chữa bổ sung)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2018.
- Bộ Ngoại giao, *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2002.
- Bộ Ngoại giao, Mặt trận Ngoại giao với cuộc đàm phán Paris về Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2002.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2006.
- Archymedes LA. Patti, *Why Vietnam?(Tại sao Việt Nam)*, Nxb Đà Nẵng 1995.
- Robert S McNamara, Nhìn lại quá khứ - tấn thảm kịch và những bài học về Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2006.
- Đảng cộng sản Việt Nam (1996): *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia.
- Đảng cộng sản Việt Nam (2001): *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia.
- Đảng cộng sản Việt Nam (2006): *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia.
- Đảng cộng sản Việt Nam (2011): *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia.
- Đảng cộng sản Việt Nam (2016): *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia.

VII. Lịch học

STT	TÊN BÀI GIẢNG	SỐ TIẾT	CÁN BỘ GIẢNG
1	Chương mở đầu	02	Hà Kim Hoàn
2	Chương II	12	Hà Kim Hoàn Nguyễn Thị Kim Nhung
3	Chương III	08	Hà Kim Hoàn
4	Chương IV	08	Hà Kim Hoàn Nguyễn Thị Ngọc Diệp

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ trường đại học và các quy chế, nội quy của Nhà trường.

- Học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục, đào tạo của cơ sở giáo dục đại học; chủ động, tích cực tự học, nghiên cứu, sáng tạo và rèn luyện đạo đức, lối sống.

- Tôn trọng nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và nhân viên của cơ sở giáo dục đại học; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình học tập và rèn luyện; thực hiện tốt nếp sống văn hóa trong trường học.

- Giữ gìn và bảo vệ tài sản; hành động góp phần bảo vệ, xây dựng và phát huy truyền thống của Nhà trường.

- Thực hiện đầy đủ quy định về việc khám sức khỏe đầu khóa và khám sức khỏe định kỳ trong thời gian học tập theo quy định của Nhà trường.

- Đóng học phí, bảo hiểm y tế đầy đủ, đúng thời hạn.

- Tham gia lao động công ích, hoạt động tình nguyện, hoạt động xã hội vì cộng đồng phù hợp với năng lực và sức khỏe theo yêu cầu của Nhà trường.

- Chấp hành nghĩa vụ làm việc có thời hạn theo sự Điều động của Nhà nước khi được hưởng học bổng, chi phí đào tạo do Nhà nước cấp hoặc do nước ngoài tài trợ theo Hiệp định ký kết với Nhà nước, nếu không chấp hành phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo theo quy định của Chính phủ.

- Tham gia phòng, chống tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử và các hoạt động khác của sinh viên; kịp thời báo cáo với khoa, phòng chức năng, Ban Giám hiệu

Nhà trường hoặc các cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện những hành vi tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử hoặc những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy, quy chế khác của sinh viên, cán bộ, nhà giáo trong trường.

- Tham gia công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong trường học, gia đình và cộng đồng.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của pháp luật và của Nhà trường.

2. Quy định điều kiện dự thi

- Sinh viên tham dự ít nhất 80% số tiết học theo quy định của từng học phần, thời gian nghỉ học (nếu có) phải có lý do hợp lệ và có điểm kiểm tra giữa học phần > 4,0 điểm.

- Sinh viên nghỉ học từ 20% đến 50% số tiết học phải học bù đủ chương trình để được xem xét duyệt thi. Sinh viên nghỉ học > 50% số tiết học phải học lại toàn bộ chương trình.

- Sinh viên hoàn thi đủ các điều kiện duyệt thi sẽ được duyệt thi vào lần kế tiếp của học phần đó (cùng hoặc khác lớp).

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
TRƯỞNG PHÒNG

BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
PHÓ TRƯỞNG PT BỘ MÔN

PGS.TS. Ngô Thanh Bình

ThS. Hà Kim Hoàn

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết:

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	5/2021	ThS. Hà Kim Hoàn
2.	Lần 2 (Dự kiến)	5/2023	ThS. Hà Kim Hoàn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 THÁI BÌNH **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
BỘ MÔN/KHOA: NGOẠI NGỮ
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Năm 2021

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: NGOẠI NGỮ 1 – TIẾNG ANH

Tên tiếng Anh: ENGLISH 1

Mã học phần: 3110FRLGEN1T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. HÀNH CHÍNH

1. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☒ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Sinh viên ngành Y học dự phòng - Năm thứ nhất
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học:	3 LT 35 25 90
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: Kết thúc học phần:	2 1 1
Học phần học trước:	

Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mô tả chung về học phần:

Cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng về các lĩnh vực thương mại, thể thao, hàng hóa, mua sắm, gia đình, công việc, tình cảm, phim ảnh... Kết hợp, lồng ghép phát triển 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết nhằm phát triển khả năng ngôn ngữ của các em. Nhiều hiện tượng ngữ pháp được giới thiệu, ôn tập, củng cố và mở rộng như: hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, lượng từ, danh từ và mạo từ Sự đa dạng của bài tập giúp sinh viên thực hành tốt hơn kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đánh giá và tự đánh giá.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1	Đặng Thị Nhuận	ThS/GVC	0978973559		Phụ trách
2	Trần Thị Loan	TS/GVC	0868660666		Tham gia
3	Nguyễn Thị Hoa	ThS/GVC	0989194001		Tham gia
4	Phạm Thị Thanh Huyền	ThS/GVC	0904289922		Tham gia
5	Nguyễn Hoàng Sơn	ThS	0913379374		Tham gia
6	Nguyễn Thị Thanh Hương	ThS	0986255750		Tham gia
7	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	ThS	0965797362		Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Sinh viên có được những kiến thức cơ bản và tương đối hệ thống về tiếng Anh giao tiếp ở trình độ đầu B1 nhằm phát triển 4 kỹ năng thực hành ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết.	PEO 1, PEO 3
2	Người học có kỹ năng tự làm việc và làm việc nhóm	PEO 1, PEO 3
3	Hình thành kỹ năng học tiếng và phát triển tư duy để phát triển năng lực ngôn ngữ toàn diện.	PEO 3, PEO 4

4	Tự tin hơn trong giao tiếp và ứng xử.	PEO 3, PEO 4
---	---------------------------------------	--------------

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CDR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CDR của CTĐT (PLO)
1	CL0 1. Nghe hiểu các câu hỏi, đoạn hội thoại trong bài khóa.	S: PLO 2
2	CL0 2. Diễn đạt tự nhiên (có thể mắc lỗi ngữ pháp) các nhu cầu giao tiếp cơ bản về các lĩnh vực thuộc đời sống sinh hoạt hàng ngày	S: PLO 3, 7, 8, 9, 11, 13
3	CL0 3. Có thể đọc hiểu được đại bộ phận thông tin, dữ kiện, ý chính ... của văn bản.	S: PLO 4, 7, 8, 9
4	CL0 4. Có khả năng viết đúng ngữ pháp, chính tả về các chủ đề quen thuộc	S: PLO 4, 8
5	CL0 5. Người học rèn luyện và phát triển kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề	S: PLO 3, 4, 8, 9

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG LÝ THUYẾT

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CLO
1	Bài 1 : All about you 1. Từ vựng: Tính cách con người Các tiền tố phủ định 2. Ngữ pháp: Hiện tại đơn và Hiện tại tiếp diễn ; V+Infinitive; V+Gerund 3. Nghe: Miêu tả tính cách 4. Nói: Nói về tính cách, sở thích, về các hoạt động đang diễn ra	11	Sau khi học xong bài sinh viên cần có khả năng: - Vận dụng được từ vựng, cấu trúc đã học để trao đổi bằng lời nói hoặc văn bản về bản thân, gia đình và về sở thích.	1 2 3 4 5

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CLO
			chơi trực tuyến	
4	Bài 4 : Lights, camera and action 1. Từ vựng: Các thể loại phim ảnh Tính từ miêu tả phim Tính từ có đuôi –ing và –ed. 2. Ngữ pháp: So sánh hơn So sánh nhất So sánh ngang bằng Cấu trúc với Too/Enough 3. Nghe: Đoạn trích trong phim 4. Nghe, Đọc và Thảo luận: Về một giải thưởng điện ảnh; Về các pha hành động trong phim điện ảnh; 5. Nói: Mua vé xem phim/ca nhạc 6. Viết: Đoạn văn bình luận phim	12	Sau khi học xong bài sinh viên cần có khả năng: - Vận dụng được từ vựng, cấu trúc đã học để trao đổi bằng lời nói hoặc văn bản về một thể loại phim/nhân vật/điển viên yêu thích. - Trình bày được ý kiến cá nhân và đưa ra nhận xét về một số vấn đề gây tranh cãi trong điện ảnh.	1 2 3 4 5

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết:

- Thuyết trình, ghép cặp, làm việc nhóm, thảo luận

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

- Phân bảng, đề cương, giáo trình, giáo án
- Máy chiếu, máy tính, loa

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính	Bài đánh giá	Hình thức	Tiêu chí đánh giá	CDR được	Điểm tối đa
-----------------	---------------	--------------	-----------	-------------------	----------	-------------

	điểm		đánh giá		đánh giá	
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	5%	Điểm danh có mặt trên lớp	Điểm danh	Theo quy chế	CLO 1	10
	5%	Phát biểu, làm việc nhóm trên lớp	- Phát vấn tại chỗ - Làm việc theo cặp, nhóm	Rubric R1	CLO 2 CLO 3 CLO 5	10
		Làm bài tập được giao.	- Chấm bài tập	Rubric R2	CLO 4	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	20%	Bài kiểm tra	Thuyết trình và Nghe hiểu	Theo đáp án và thang chấm	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	70%	Thi kết thúc học phần	Thi viết cải tiến	Theo thang chấm	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	10

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5 điểm/02 tiết học
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/01 tiết học
Đi muộn	0,5 điểm/lần

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)

Nội dung câu hỏi	Không trả lời được	Trả lời chưa hết các câu hỏi	Trả lời hết các câu hỏi nhưng không hoàn chỉnh	Trả lời đầy đủ, đúng câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Trả lời đầy đủ, đúng câu hỏi, trình bày rõ ràng
------------------	--------------------	------------------------------	--	---	---

Công thức tính điểm: Đ.HP = (ĐCC*1+ĐGHP*2+ĐKTHP*7)/10

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập

1. Falla, T. & Davies, P.A. (2016) *Solutions Pre-intermediate*. Oxford University Press. (sách giáo trình và sách bài tập)

2. Tài liệu tham khảo

1. Murphy, R. (1995) *English Grammar in Use*. Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Mann, M. và Taylor-Knowles, S., (2007) *Destination B1 Grammar and Vocabulary*, Macmillan Publishers Limited.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Sinh viên phải có tối thiểu 01 bộ giáo trình chính và một số tài liệu tham khảo.
- Dự lớp đúng quy định, cụ thể $\geq 80\%$ số tiết học của Học phần.
- Hoàn thành tốt nội dung tự học mà giảng viên giao cho cá nhân hàng tuần.
- Các bài kiểm tra phải nộp đúng thời gian quy định, đúng yêu cầu cả về nội dung và hình thức.

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Sinh viên vắng mặt trong buổi kiểm tra giữa kỳ tại lớp nếu không có lý do thì nhận điểm 0.
- Sinh viên vắng mặt không có lý do chính đáng trong quá trình học tập hoặc bị điểm 0 trong bài kiểm tra giữa kỳ sẽ không đủ tư cách dự thi.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
	Lần 1	05/2019	
	Lần 2	05/2021	

	Lần 3 (Dự kiến)	07/2023	
--	------------------------	----------------	--

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

BỘ MÔN/KHOA: NGOẠI NGỮ**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****Năm 2021**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: NGOẠI NGỮ 2 – TIẾNG ANH

Tên tiếng Anh: ENGLISH 2

Mã học phần: 3110FRLGEN2T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. HÀNH CHÍNH**1. Thông tin chung:**

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☒ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Sinh viên ngành Y học dự phòng - Năm thứ nhất
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	3 LT
Số tiết Lý thuyết:	35
Thảo luận :	25
Số giờ tự học:	90
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	2
Giữa học phần:	1
Kết thúc học phần:	1
Học phần học trước:	Ngoại ngữ 1 – Tiếng Anh
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	

Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Ngoại ngữ
------------------------	------------------

2. Mô tả chung về học phần:

Cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng về các lĩnh vực như mua sắm, phát minh và khoa học, các thiết bị điện tử, văn hoá và giao tiếp phi ngôn ngữ... Kết hợp, lồng ghép phát triển 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết nhằm phát triển khả năng ngôn ngữ của các em. Nhiều hiện tượng ngữ pháp được giới thiệu, ôn tập, củng cố và mở rộng như: Hiện tại hoàn thành, tương lai đơn và tương lai dự định, các câu điều kiện loại không, loại 1, các động từ tính thái Sự đa dạng của bài tập giúp sinh viên thực hành tốt hơn kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đánh giá và tự đánh giá.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Đặng Thị Nhuận	ThS/GVC	0978973559		Phụ trách
2.	Trần Thị Loan	TS/GVC	0868660666		Tham gia
3.	Nguyễn Thị Hoa	ThS/GVC	0989194001		Tham gia
4.	Phạm Thị Thanh Huyền	ThS/GVC	0904289922		Tham gia
5.	Nguyễn Hoàng Sơn	ThS	0913379374		Tham gia
6.	Nguyễn Thị Thanh Hương	ThS	0986255750		Tham gia
7.	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	ThS	0965797362		Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Sinh viên có được những kiến thức cơ bản và tương đối hệ thống về tiếng Anh giao tiếp ở trình độ đầu B1 nhằm phát triển 4 kỹ năng thực hành ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết.	PEO 1, PEO 3
2.	Người học có kỹ năng tự làm việc và làm việc nhóm	PEO 1, PEO 3
3.	Hình thành kỹ năng học tiếng và phát triển tư duy để phát triển năng lực ngôn ngữ toàn diện.	PEO 3, PEO 4

4.	Tự tin hơn trong giao tiếp và ứng xử.	PEO 3, PEO 4
----	---------------------------------------	--------------

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1	CLO 1. Nghe hiểu các câu hỏi, đoạn hội thoại trong bài khóa.	S: PLO 2
2	CLO 2. Diễn đạt tự nhiên (có thể ít mắc lỗi ngữ pháp) các nhu cầu giao tiếp cơ bản về các lĩnh vực thuộc đời sống sinh hoạt hàng ngày	S: PLO 3, 7, 9, 11, 13 H: PLO 8
3	CLO 3. Có thể đọc hiểu được đại bộ phận thông tin, dữ kiện, ý chính ... của văn bản.	S: PLO 7, 9 H: PLO 4, 8
4	CLO 4. Có khả năng viết đúng ngữ pháp, chính tả về các chủ đề quen thuộc	H: PLO 4, 8
5	CLO 5. Người học rèn luyện và phát triển kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề	S: PLO 3, 4, 8, 9

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG LÝ THUYẾT

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 5: Shopping 1. Từ vựng: Các loại cửa hàng Các động từ trong mua sắm Các dịp đặc biệt. 2. Ngữ pháp: Thì Hiện tại hoàn thành 3. Nghe: Hội thoại trong cửa hàng	15	Sau khi học xong bài sinh viên cần có khả năng: - Vận dụng được từ vựng, cấu trúc đã học để trao đổi bằng lời nói hoặc văn bản về một trải nghiệm khi đi	1 2 3 4 5

	Thói quen mua sắm 4. Nghe, Đọc và Thảo luận: Về mua sắm trực tuyến; Về Thói quen mua sắm dịp Giáng sinh; 5. Nói: Mua quà và tặng quà ; Khiếu nại ở cửa hàng ; Nêu quan điểm 6. Viết: Thư trang trọng		mua sắm. - Trình bày được ý kiến cá nhân và đưa ra nhận xét về mua sắm trực tuyến.	
2	Bài 6: How techie are you? 1. Từ vựng: Các thiết bị công nghệ điện tử; Các hoạt động liên quan việc sử dụng thiết bị 2. Ngữ pháp: <i>Will</i> và <i>Going to</i> Câu điều kiện loại không Động từ tình thái <i>May, Might, Could</i> 3. Nghe: Quảng cáo thiết bị điện tử 4. Đọc và Thảo luận: Bài báo về các phát minh phương tiện giao thông 5. Nói: Mời/ Chấp nhận/ Từ chối lời mời 6. Viết: Ghi chú hướng dẫn sử dụng máy móc	15	Sau khi học xong bài sinh viên cần có khả năng: - Vận dụng được từ vựng, cấu trúc đã học để trao đổi bằng lời nói hoặc văn bản về những ứng dụng của công nghệ trong cuộc sống và dự đoán về tương lai. - Củng cố khả năng giao tiếp xã hội - Trình bày rõ ràng các bước trong quy trình.	1 2 3 4 5
3	Bài 7: Around the world 1. Từ vựng: Giao tiếp và ngôn ngữ cơ thể; Các dịp lễ/ dịp đặc biệt 2. Ngữ pháp: Các động từ tình thái <i>Must, Mustn't, Needn't</i>; Câu điều kiện loại một 3. Nghe: Cách chào hỏi trong các nền văn hoá khác nhau; Bài	15	Sau khi học xong bài sinh viên cần có khả năng: - Vận dụng được từ vựng, cấu trúc đã học để trao đổi bằng lời nói hoặc văn bản về những nhưng khác biệt về văn	1 2 3 4 5

	nghe về một món quà tặng 4. Đọc và Thảo luận: Về văn hoá tặng quà và nhận quà: Bài báo về một truyền thống văn hoá 5. Nói: Các tình huống ứng xử trong giao tiếp; Trao đổi thông tin về điểm thu hút du lịch văn hoá 6. Viết: Viết tin nhắn đáp lại lời mời		hoá trong một số hoạt động hàng ngày. - Cùng cố khả năng giao tiếp xã hội trong các tình huống như đề xuất ý kiến, khuyên nhủ hay lời mời	
--	--	--	--	--

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết:

- Thuyết trình, ghép cặp, làm việc nhóm, thảo luận

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

- Phấn bảng, đề cương, giáo trình, giáo án
- Máy chiếu, máy tính, loa

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	5%	Điểm danh có mặt trên lớp	Điểm danh	Theo quy chế	CLO 1	10
	5%	Phát biểu, làm việc nhóm trên lớp	- Phát vấn tại chỗ - Làm việc theo cặp, nhóm	Rubric R1	CLO 2 CLO 3 CLO 5	10
		Làm bài tập	- Chấm	Rubric R2	CLO 4	10

		được giao.	bài tập			
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	20%	Bài kiểm tra	Thuyết trình và Nghe hiểu	Theo đáp án và thang chấm	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	70%	Thi kết thúc học phần	Thi viết cải tiến	Theo thang chấm	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	10

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5 điểm/02 tiết học
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/01 tiết học
Đi muộn	0,5 điểm/lần

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không trả lời được	Trả lời chưa hết các câu hỏi	Trả lời hết các câu hỏi nhưng không hoàn chỉnh	Trả lời đầy đủ, đúng câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Trả lời đầy đủ, đúng câu hỏi, trình bày rõ ràng

Công thức tính điểm: Đ.HP = (ĐCC*1+ĐGHP*2+ĐKTHP*7)/10

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập

1. Falla, T. & Davies, P.A. (2016) *Solutions Pre-intermediate*. Oxford University Press. (sách giáo trình và sách bài tập)

2. Tài liệu tham khảo

1. Murphy, R. (1995) *English Grammar in Use*. Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Mann, M. và Taylor-Knowles, S., (2007) *Destination B1 Grammar and Vocabulary*, Macmillan Publishers Limited.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Sinh viên phải có tối thiểu 01 bộ giáo trình chính và một số tài liệu tham khảo.
- Dự lớp đúng quy định, cụ thể $\geq 80\%$ số tiết học của Học phần.
- Hoàn thành tốt nội dung tự học mà giảng viên giao cho cá nhân hàng tuần.
- Các bài kiểm tra phải nộp đúng thời gian quy định, đúng yêu cầu cả về nội dung và hình thức.

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Sinh viên vắng mặt trong buổi kiểm tra giữa kỳ tại lớp nếu không có lý do thì nhận điểm 0.
- Sinh viên vắng mặt không có lý do chính đáng trong quá trình học tập hoặc bị điểm 0 trong bài kiểm tra giữa kỳ sẽ không đủ tư cách dự thi.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	05/2019	
2.	Lần 2	05/2021	
3.	Lần 3 (Dự kiến)	07/2023	

Lịch trình tổ chức dạy học cụ thể

Tuần 1: Unit 5 A, B

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu SV chuẩn bị	Ghi chú
Lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Giảng đường	Từ vựng: Các loại cửa hàng và các hoạt động khi mua sắm Ngữ pháp: Thì Hiện tại hoàn thành; Phân biệt <i>been</i> và <i>gone</i> ; <i>for</i> và <i>since</i> ; Câu hỏi <i>How long...?</i> ; So sánh Hiện tại Hoàn thành và Quá khứ đơn Nghe: Hội thoại trong cửa hàng Nói: Các trải nghiệm khi mua sắm	Tìm hiểu về Thì Hiện tại hoàn thành (dạng thức và những lưu ý) Phân biệt Thì Hiện tại hoàn thành và Quá khứ đơn.	
Tự học	Tự bố trí	Luyện tập các nội dung trên	- Làm bài tập WB: 5A-B-D	

Tuần 2: Unit 5 C, D

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu SV chuẩn bị	Ghi chú
Lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Giảng đường	Độc: Về một trung tâm mua sắm nổi tiếng Ngữ pháp: So sánh Hiện tại Hoàn thành và Quá khứ đơn Nghe: Các mục quảng cáo Nói: Về khu mua sắm tại nơi ở	Phân biệt Thì Hiện tại hoàn thành và Quá khứ đơn.	
Tự học	Tự bố trí	Luyện tập các nội dung trên	- Làm bài tập WB: 5A-B-D	

Tuần 3: Unit 5 E, F

Hình thức tổ chức	Thời gian, địa	Nội dung chính	Yêu cầu SV chuẩn bị	Ghi chú
-------------------	----------------	----------------	---------------------	---------

dạy học	điểm			
Lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Giảng đường	Chữa bài tập và phản hồi Đọc và Thảo luận: Bài báo về bán đấu giá trực tuyến Nói: Khiếu nại ở cửa hàng		
Tự học	Tự bố trí	- Luyện tập các nội dung trên	- Làm bài tập WB: 5E,F	

Tuần 4: Unit 5 G, Get ready for your exam

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu SV chuẩn bị	Ghi chú
Lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Giảng đường	Chữa bài tập và phản hồi Viết: Thư khiếu nại Get ready for your exam: Luyện tập thêm về các kĩ năng nghe, nói và đọc về các chủ đề Phim ảnh và Mua sắm.		
Tự học	Tự bố trí	Luyện tập các nội dung trên	- Làm bài tập WB:	

Tuần 5: Unit 6 A, B

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu SV chuẩn bị	Ghi chú
Lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Giảng đường	Từ vựng: Các thiết bị công nghệ điện tử; Các hoạt động liên quan việc sử dụng thiết bị Ngữ pháp: <i>Will</i> và <i>Going to</i> Nghe: Quảng cáo thiết bị điện tử	Tìm hiểu về <i>Will</i> và <i>Going to</i>	
Tự học	Tự bố trí	Luyện tập các nội dung trên	- Làm bài tập	

			WB: 5A-B-D	
--	--	--	------------	--

Tuần 6: Unit 6 C, D

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu SV chuẩn bị	Ghi chú
Lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Giảng đường	Đọc: Về mạng xã hội Ngữ pháp: Câu điều kiện loại không; Động từ tình thái <i>May, Might, Could</i> Nghe: Bài phỏng vấn về thói quen sử dụng mạng xã hội Nói: Về việc sử dụng mạng xã hội trong thanh thiếu niên	Tìm hiểu về Câu điều kiện loại không; Động từ tình thái <i>May, Might, Could</i>	
Tự học	Tự bố trí	Luyện tập các nội dung trên	- Làm bài tập WB: 5A-B-D	

Tuần 7: Unit 6 E, F

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu SV chuẩn bị	Ghi chú
Lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Giảng đường	Chữa bài tập và phản hồi Đọc và Thảo luận: Bài báo về các phát minh phương tiện giao thông Nói: Mời/ Chấp nhận/ Từ chối lời mời		
Tự học	Tự bố trí	- Luyện tập các nội dung trên	- Làm bài tập WB: 6 D,E,F	

Tuần 8: Unit 6 G, Language Review + Skills Round up

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu SV chuẩn bị	Ghi chú
Lý thuyết,	Giảng	Chữa bài tập và phản hồi		

kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	đường	Viết: Ghi chú hướng dẫn sử dụng máy móc Language Review + Skills Round up: Ôn tập về từ vựng và ngữ pháp trong Bài 5,6; Luyện kỹ năng nghe, nói và đọc về các chủ đề trong Bài 5 và 6		
Tự học	Tự bố trí	- Luyện tập các nội dung trên	- Làm bài tập WB: 6 G	

Tuần 9: Unit 7 A, B

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu SV chuẩn bị	Ghi chú
Lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Giảng đường	Chữa bài tập và phản hồi Từ vựng: Giao tiếp và ngôn ngữ cơ thể Ngữ pháp: Các động từ tình thái Must, Mustn't, Needn't; Nghe: Cách chào hỏi trong các nền văn hoá khác nhau Nói: Các tình huống ứng xử trong giao tiếp	Tìm hiểu về Các động từ tình thái Must, Mustn't, Needn't; Câu điều kiện loại một (dạng thức và những lưu ý)	
Tự học	Tự bố trí	Luyện tập các nội dung trên	- Làm bài tập WB: 7A-B-D	

Tuần 10: Unit 7 C, D

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu SV chuẩn bị	Ghi chú
Lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt	Giảng đường	Từ vựng: Các dịp lễ/ dịp đặc biệt Đọc: Về văn hoá tặng quà và nhận quà	Tìm hiểu về Câu điều kiện loại không; Động từ tình thái May,	

động cặp/nhóm		Ngữ pháp: Câu điều kiện loại một Nghe: Bài nghe về một món quà tặng Nói: Các tình huống trong tương lai	<i>Might, Could</i>	
Tự học	Tự bố trí	Luyện tập các nội dung trên	- Làm bài tập WB: 5A-B-D	

Tuần 11: Unit 7 E, F

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu SV chuẩn bị	Ghi chú
Lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Giảng đường	Chữa bài tập và phản hồi Đọc và Thảo luận: Bài báo về một truyền thống văn hoá Nói: Trao đổi thông tin về điểm thu hút du lịch văn hoá		
Tự học	Tự bố trí	- Luyện tập các nội dung trên	- Làm bài tập WB: 7E,F,G	

Tuần 12: Unit 7 G, Get ready for your exam

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu SV chuẩn bị	Ghi chú
Lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Giảng đường	Viết: Thư phúc đáp lời mời Chữa bài tập và phản hồi Get ready for your exam: Luyện tập thêm về các kĩ năng nghe, nói và đọc về các chủ đề Khoa học và Văn hoá		
Tự học	Tự bố trí	Luyện tập các nội dung trên	Ôn tập	

Phê duyệt	Xác nhận	Ngày.....tháng.....năm...
		...
Ngày.....tháng.....năm...	Ngày.....tháng.....năm...	Giáo vụ bộ môn
...	...	
Hiệu trưởng	Trưởng bộ môn	(Ký và ghi rõ họ tên)
(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký và ghi rõ họ tên)	

BỘ MÔN/KHOA: NGOẠI NGỮ**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****Năm 2021**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: NGOẠI NGỮ 3 – TIẾNG ANH

Tên tiếng Anh: ENGLISH 3

Mã học phần: 3110FRLGEN3T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. HÀNH CHÍNH**1. Thông tin chung:**

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☒ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Sinh viên ngành Y học dự phòng - Năm thứ hai
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	3 LT
Số tiết Lý thuyết:	35
Thảo luận :	25
Số giờ tự học:	90
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	2
Giữa học phần:	1
Kết thúc học phần:	1
Học phần học trước:	Ngoại ngữ 1,2 – Tiếng Anh
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	

Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Ngoại ngữ
------------------------	------------------

2. Mô tả chung về học phần:

Cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng về các lĩnh vực như môi trường, thiên tai, thảm họa, an ninh tội phạm, văn hoá đọc,... Kết hợp, lồng ghép phát triển 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết nhằm phát triển khả năng ngôn ngữ của các em. Nhiều hiện tượng ngữ pháp được giới thiệu, ôn tập, củng cố và mở rộng như: Thì quá khứ hoàn thành, Câu điều kiện loại 2, Câu trúc với Wish, Câu bị động, Câu tường thuật Sự đa dạng của bài tập giúp sinh viên thực hành tốt hơn kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đánh giá và tự đánh giá.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Đặng Thị Nhuận	ThS/GVC	0978973559		Phụ trách
2.	Trần Thị Loan	TS/GVC	0868660666		Tham gia
3.	Nguyễn Thị Hoa	ThS/GVC	0989194001		Tham gia
4.	Phạm Thị Thanh Huyền	ThS/GVC	0904289922		Tham gia
5.	Nguyễn Hoàng Sơn	ThS	0913379374		Tham gia
6.	Nguyễn Thị Thanh Hương	ThS	0986255750		Tham gia
7.	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	ThS	0965797362		Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Sinh viên có được những kiến thức cơ bản và tương đối hệ thống về tiếng Anh giao tiếp ở trình độ cuối B1 A2 nhằm phát triển 4 kỹ năng thực hành ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết.	PEO 1, PEO 3
2.	Người học có kỹ năng tự làm việc và làm việc nhóm	PEO 1, PEO 3
3.	Hình thành kỹ năng học tiếng và phát triển tư duy để phát triển năng lực ngôn ngữ toàn diện.	PEO 3, PEO 4
4.	Tự tin hơn trong giao tiếp và ứng xử.	PEO 3, PEO 4

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	CLO 1. Nghe hiểu các câu hỏi, đoạn hội thoại	H: PLO 2

	trong bài khóa.	
2.	CLO 2. Diễn đạt tự nhiên (có thể mắc lỗi ngữ pháp) các nhu cầu giao tiếp cơ bản về các lĩnh vực thuộc đời sống sinh hoạt hàng ngày	S: PLO 3, 7, 11, 13 H: PLO 8, 9
3.	CLO 3. Có thể đọc hiểu được đại bộ phận thông tin, dữ kiện, ý chính ... của văn bản.	S: PLO 7, 9 H: PLO 4, 8
4.	CLO 4. Có khả năng viết đúng ngữ pháp, chính tả về các chủ đề quen thuộc	H: PLO 4, 8
5.	CLO 5. Người học rèn luyện và phát triển kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề	S: PLO 3, 9 H: PLO 4, 8

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG LÝ THUYẾT

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 8: What if... ? 7. Từ vựng: Chủ đề môi trường, thiên tai, thảm họa 8. Ngữ pháp: Câu điều kiện Loại 2 Cấu trúc với I wish... 9. Nghe: Về một hiện tượng thiên tai Quan điểm về tái chế 10. Nghe, Đọc và Thảo luận: Về rác thải sinh hoạt; Về các hoạt động cá nhân nhằm tái chế, tái sử dụng sản phẩm và bảo vệ môi trường; Bài báo về thảm họa thiên nhiên 11. Nói: Thảo luận nêu ý kiến cho một sự kiện gây quỹ; Các từ và	15	Sau khi học xong bài sinh viên cần có khả năng: - Vận dụng được từ vựng, cấu trúc đã học để trao đổi bằng lời nói hoặc văn bản về một trải nghiệm trước thảm họa môi trường. - Trình bày được ý kiến về tình huống giả định - Trình bày được ý kiến cá nhân và đưa ra nhận xét về bảo vệ môi trường	1 2 3 4 5

	cụm từ dùng để nêu ý kiến khi thảo luận 12. Viết: Bài luận ngắn về nâng cao chất lượng môi trường-cuộc sống.			
2	Bài 9: Crime scene 7. Từ vựng: Các loại hình tội phạm và hành vi phạm tội; Hậu tố chỉ người. 8. Ngữ pháp: Thì Quá khứ Hoàn thành. Câu tường thuật 9. Nghe: Bản tin an ninh tội phạm Tường thuật về một vụ phạm tội 10. Đọc và Thảo luận: Về một nhân vật huyền thoại ; Bài báo về các Tội phạm công nghệ cao 11. Nói: Về loại hình tội phạm nguy hiểm nhất ; Quan điểm về trộm cắp 12. Viết: Viết thư điện tử tường thuật về một vụ phạm tội	15	Sau khi học xong bài sinh viên cần có khả năng: - Vận dụng được từ vựng, cấu trúc đã học để trao đổi bằng lời nói hoặc văn bản về các loại hình tội phạm. - củng cố khả năng tường thuật thông tin trong giao tiếp - Trình bày rõ ràng trình tự xảy ra của sự việc	1 2 3 4 5
3	Bài 10: The written word 7. Từ vựng: Các loại hình ấn phẩm, sách báo 8. Ngữ pháp: Câu bị động 9. Nghe: Về thói quen đọc sách 10. Đọc và Thảo luận: Về đại văn hào Shakespeare ; Quan điểm về các tác phẩm của Shakespeare ; Bài đọc về các tiểu thuyết kinh dị	15	Sau khi học xong bài sinh viên cần có khả năng: - Vận dụng được từ vựng, cấu trúc đã học để trao đổi bằng lời nói hoặc văn bản về văn hoá đọc trong giới trẻ hiện nay cũng như nêu quan điểm về một số	1 2 3 4 5

11.Nói: Về thói quen đọc sách; Thảo luận về một số tác giả-tác phẩm nổi tiếng trong nước; Trao đổi thông tin; Sắp xếp gấp gở	12.Viết: Thư về một cuốn sách đã đọc	ấn phẩm - Củng cố khả năng giao tiếp xã hội trong các tình huống như trao đổi thông tin, sắp xếp gấp gở, nêu quan điểm cá nhân	
---	--------------------------------------	---	--

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết:

- Thuyết trình, ghép cặp, làm việc nhóm, thảo luận

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

- Phần bảng, đề cương, giáo trình, giáo án
- Máy chiếu, máy tính, loa

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	5%	Điểm danh có mặt trên lớp	Điểm danh	Theo quy chế	CLO 1	10
	5%	Phát biểu, làm việc nhóm trên lớp	- Phát vấn tại chỗ - Làm việc theo cặp, nhóm	Rubric R1	CLO 2 CLO 3 CLO 5	10
		Làm bài tập được giao.	- Chấm bài tập	Rubric R2	CLO 4	10
Điểm giữa học phần	20%	Bài kiểm tra	Thuyết trình và	Theo đáp án và	CLO 1 CLO 2	10

(ĐGHP)			Nghe hiểu	thang chấm	CLO 3 CLO 4	
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	70%	Thi kết thúc học phần	Thi viết cải tiến	Theo thang chấm	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	10

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5 điểm/02 tiết học
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/01 tiết học
Đi muộn	0,5 điểm/lần

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không trả lời được	Trả lời chưa hết các câu hỏi	Trả lời hết các câu hỏi nhưng không hoàn chỉnh	Trả lời đầy đủ, đúng câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Trả lời đầy đủ, đúng câu hỏi, trình bày rõ ràng

Công thức tính điểm: Đ.HP = (ĐCC*1+ĐGHP*2+ĐKTHP*7)/10

VI. Tài liệu học tập và tham khảo**1. Tài liệu học tập**

1. Falla, T. & Davies, P.A. (2016) *Solutions Pre-intermediate*. Oxford University Press. (sách giáo trình và sách bài tập)

2. Tài liệu tham khảo

1. Murphy, R. (1995) *English Grammar in Use*. Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Mann, M. và Taylor-Knowles, S., (2007) *Destination B1 Grammar and Vocabulary*, Macmillan Publishers Limited.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Sinh viên phải có tối thiểu 01 bộ giáo trình chính và một số tài liệu tham khảo.
- Dự lớp đúng quy định, cụ thể $\geq 80\%$ số tiết học của Học phần.
- Hoàn thành tốt nội dung tự học mà giảng viên giao cho cá nhân hàng tuần.
- Các bài kiểm tra phải nộp đúng thời gian quy định, đúng yêu cầu cả về nội dung và hình thức.

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Sinh viên vắng mặt trong buổi kiểm tra giữa kỳ tại lớp nếu không có lý do thì nhận điểm 0.
- Sinh viên vắng mặt không có lý do chính đáng trong quá trình học tập hoặc bị điểm 0 trong bài kiểm tra giữa kỳ sẽ không đủ tư cách dự thi.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	05/2019	
2.	Lần 2	05/2021	
3.	Lần 3	07/2023	
4.	Dự kiến	Năm 2025	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

BỘ MÔN/KHOA: NGOẠI NGỮ**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****Năm 2021**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: NGOẠI NGỮ 4 – TIẾNG ANH

Tên tiếng Anh: ENGLISH 4

Mã học phần: 3110FRLGEN4T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. HÀNH CHÍNH**1. Thông tin chung:**

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☒ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Sinh viên ngành Y học dự phòng - Năm thứ hai
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	3 LT
Số tiết Lý thuyết:	35
Thảo luận :	25
Số giờ tự học:	90
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	2
Giữa học phần:	1
Kết thúc học phần:	1
Học phần học trước:	Ngoại Ngữ 1,2,3 – Tiếng Anh
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	

Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Ngoại ngữ
------------------------	------------------

2. Mô tả chung về học phần:

Thông qua chương trình người học được chú trọng luyện tập các kỹ năng ngôn ngữ như nghe, nói, đọc, viết đồng thời nắm vững những từ, tổ hợp từ và cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh cơ bản liên quan đến ngành Y học Dự phòng như Y đức, các bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm, vắc xin, số liệu thống kê y học, vệ sinh, an toàn lao động, Sự đa dạng của bài tập giúp sinh viên thực hành tốt hơn kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đánh giá và tự đánh giá.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Đặng Thị Nhuận	ThS/GVC	0978973559		Phụ trách
2.	Trần Thị Loan	TS/GVC	0868660666		Tham gia
3.	Nguyễn Thị Hoa	ThS/GVC	0989194001		Tham gia
4.	Phạm Thị Thanh Huyền	ThS/GVC	0904289922		Tham gia
5.	Nguyễn Hoàng Sơn	ThS	0913379374		Tham gia
6.	Nguyễn Thị Thanh Hương	ThS	0986255750		Tham gia
7.	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	ThS	0965797362		Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Sinh viên có được những kiến thức cơ bản về tiếng Anh chuyên ngành Y học Dự phòng ở trình độ cuối B1 nhằm chú trọng phát triển các kỹ năng thực hành ngôn ngữ: nói, đọc, viết.	PEO 1, PEO2, PEO 3, PEO 5
2.	Người học có kỹ năng tự làm việc và làm việc nhóm	PEO 1, PEO 3
3.	Hình thành kỹ năng học tiếng và phát triển tư duy để phát triển năng lực ngôn ngữ toàn diện.	PEO 3, PEO 4
4.	Tự tin hơn trong giao tiếp và ứng xử.	PEO 3, PEO 4

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CDR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CDR của CTĐT (PLO)
1.	CLO 1. Nghe hiểu các câu hỏi, đoạn hội thoại trong bài khóa.	H: PLO 2

2.	CLO 2. Diễn đạt tự nhiên (có thể mắc một số lỗi ngữ pháp) khi trao đổi các thông tin cơ bản về các tình huống giao tiếp trong môi trường y tế. Có thể tham gia tranh luận về một số chủ đề đơn giản phổ biến trong chuyên ngành sức khỏe.	S: PLO 3, 7, 11, 13 H: PLO 8, 9
3.	CLO 3. Có thể đọc hiểu được đại bộ phận thông tin, dữ kiện, ý chính ... của văn bản. Hiểu được những văn bản mang văn phong học thuật, các bảng biểu thông tin, cũng như các đoạn văn ngắn khác có chủ điểm về Y học dự phòng.	S: PLO 7, 9 H: PLO 4, 8
4.	CLO 4. Có khả năng viết đúng ngữ pháp, đúng chính tả về các loại văn bản trong y khoa như ghi chú, biểu mẫu, báo cáo, đối chiếu so sánh, miêu tả biểu đồ, quy trình.	H: PLO 4, 8
5.	CLO 5. Người học rèn luyện và phát triển kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề	S: PLO 3, 9 H: PLO 4, 8

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG LÝ THUYẾT

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CLO
1	Unit 1: Medical Ethics * Đọc hiểu: Y đức * Từ vựng: Về đạo đức y tế * Nghe hiểu: Tầm quan trọng của Y đức * Ngữ pháp: Mệnh đề trạng ngữ * Nói: Về đạo đức y tế * Viết: Viết câu có gợi ý về đạo đức y tế	4	Sau khi học xong bài sinh viên cần có khả năng: - Sử dụng từ vựng và cấu trúc đã học để trao đổi về ý nghĩa và tầm quan trọng của đạo đức trong thực hành chuyên môn về y tế.	1 2 3 4 5
2	Unit 2: Communicable and Non-communicable diseases	4	Sau khi học xong bài sinh viên cần có khả năng:	1 2

	* Đọc hiểu: Các bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm * Từ vựng: Thuật ngữ y tế về bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm * Nghe hiểu: Bài giảng về bệnh không lây nhiễm; Hội thoại giữa bác sĩ và người bệnh * Ngữ pháp: Từ nối * Nói: Thảo luận về bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm * Viết: Viết câu có gợi ý về bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm		- Sử dụng từ vựng và cấu trúc đã học để trao đổi về những vấn đề liên quan đến bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm trong cộng đồng.	3 4 5
3	Unit 3: Vaccines * Đọc hiểu: Bài đọc về Vắc xin * Từ vựng: Thuật ngữ y tế về vắc xin và tiêm chủng * Nghe hiểu: Bài nói chuyện về vắc xin; Phỏng vấn về chương trình tiêm chủng mở rộng. * Ngữ pháp: Thì Quá khứ đơn và Hiện tại Hoàn thành * Nói: Thảo luận về vắc xin * Viết: Viết câu có gợi ý về vắc xin và tiêm chủng	4	Sau khi học xong bài sinh viên cần có khả năng: - Sử dụng từ vựng và cấu trúc đã học để trao đổi về tầm quan trọng của vắc xin trong tiêm chủng đối với trẻ nhỏ cũng như các mốc tiêm chủng, chăm sóc sau tiêm chủng	1 2 3 4 5
4	Unit 4: Medical statistics * Đọc hiểu: Bài đọc về thống kê y học * Từ vựng: Thuật ngữ y tế về thống kê y học * Nghe hiểu: Bài báo cáo về thống kê y học * Ngữ pháp: Diễn đạt so sánh đối chiếu * Nói: Thảo luận liên quan một biểu đồ thống kê * Viết: Viết câu có gợi ý về thống kê y	4	Sau khi học xong bài sinh viên cần có khả năng: - Vận dụng được từ vựng, cấu trúc đã học để trao đổi bằng lời nói hoặc văn bản số liệu thống kê y học. - Trình bày được ý kiến cá nhân và đưa ra nhận xét về một số vấn đề trong thống kê y học.	1 2 3 4 5

	học Progress Test 1			
5	Unit 5: Environmental Sanitation * Đọc hiểu: Bài đọc về Vệ sinh môi trường * Từ vựng: Thuật ngữ y tế về Vệ sinh môi trường * Nghe hiểu: Nghe thông báo của bệnh viện; Bài nói về Florence Nightingale * Ngữ pháp: Động từ khuyết thiếu * Nói: Thảo luận liên quan Vệ sinh môi trường * Viết: Viết câu có gợi ý về Vệ sinh môi trường	4	Sau khi học xong bài sinh viên cần có khả năng: - Sử dụng từ vựng và cấu trúc đã học để trao đổi về vệ sinh môi trường sống tại cộng đồng.	1 2 3 4 5
6	Unit 6: Workplace Health and Safety * Đọc hiểu: Bài đọc về Sức khỏe và An toàn lao động * Từ vựng: Thuật ngữ y tế về An toàn lao động * Nghe hiểu: Bài nghe về An toàn lao động * Ngữ pháp: Câu bị động * Nói: Thảo luận liên quan An toàn lao động * Viết: Viết câu có gợi ý về An toàn lao động	4	Sau khi học xong bài sinh viên cần có khả năng: - Sử dụng từ vựng và cấu trúc đã học để trao đổi về an toàn lao động. - Trình bày được ý kiến cá nhân và đưa ra nhận xét về một số vấn đề trong an toàn lao động.	1 2 3 4 5
7	Unit 7: Health Education and Communication * Đọc hiểu: Bài đọc về Tuyên truyền và giáo dục sức khỏe * Từ vựng: Thuật ngữ y tế về Tuyên truyền và giáo dục sức khỏe * Nghe hiểu: Bài nghe về các phương pháp giữ gìn và nâng cao sức khỏe	4	Sau khi học xong bài sinh viên cần có khả năng: - Sử dụng từ vựng và cấu trúc đã học để trao đổi về truyền thông và giáo dục sức khỏe trong cộng đồng.	1 2 3 4 5

	* Ngữ pháp: Mệnh đề quan hệ xác định * Nói: Thảo luận liên quan Tuyên truyền và giáo dục sức khỏe * Viết: Viết câu có gợi ý về Tuyên truyền và giáo dục sức khỏe Progress Test 2			
8	Unit 8: Nutrition * Đọc hiểu: Bài đọc về Dinh dưỡng lâm sàng * Từ vựng: Thuật ngữ y tế về Dinh dưỡng lâm sàng * Nghe hiểu: Lời khuyên của nhân viên y tế về dinh dưỡng * Ngữ pháp: Mệnh đề quan hệ không xác định * Nói: Thảo luận liên quan Dinh dưỡng lâm sàng * Viết: Viết câu có gợi ý về Dinh dưỡng lâm sàng	4	Sau khi học xong bài sinh viên cần có khả năng: - Sử dụng từ vựng và cấu trúc đã học để trao đổi về những vấn đề cần lưu ý trong dinh dưỡng tại cộng đồng.	1 2 3 4 5
9	Unit 9: Health management * Đọc hiểu: Bài đọc về Quản lý y tế * Từ vựng: Thuật ngữ về Quản lý y tế * Nghe hiểu: Bài nghe về WHO; Lời khuyên của nhân viên y tế * Ngữ pháp: Mệnh đề quan hệ rút gọn * Nói: Thảo luận liên quan Quản lý y tế * Viết: Viết câu có gợi ý về Quản lý y tế	4	Sau khi học xong bài sinh viên cần có khả năng: - Sử dụng từ vựng và cấu trúc đã học để trao đổi về quản lý y tế.	1 2 3 4 5
10	Unit 10: Food safety * Đọc hiểu: Bài đọc về An toàn thực phẩm * Từ vựng: Thuật ngữ về An toàn thực phẩm * Nghe hiểu: Bài nghe về An toàn thực phẩm trong xã hội hiện đại; Tình hình	5	Sau khi học xong bài sinh viên cần có khả năng: - Sử dụng từ vựng và cấu trúc đã học để trao đổi về an toàn thực phẩm trong cộng đồng.	1 2 3 4 5

An toàn thực phẩm ở Việt nam * Ngữ pháp: Mệnh đề danh ngữ * Nói: Thảo luận liên quan An toàn thực phẩm * Viết: Viết câu có gợi ý về An toàn thực phẩm Progress Test 3			
--	--	--	--

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết:

- Thuyết trình, ghép cặp, làm việc nhóm, thảo luận

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

- Phần bảng, đề cương, giáo trình, giáo án
- Máy chiếu, máy tính, loa

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	5%	Điểm danh có mặt trên lớp	Điểm danh	Theo quy chế	CLO 1	10
	5%	Phát biểu, làm việc nhóm trên lớp	- Phát vấn tại chỗ - Làm việc theo cặp, nhóm	Rubric R1	CLO 2 CLO 3 CLO 5	10
		Làm bài tập được giao.	- Chấm bài tập	Rubric R2	CLO 4	10
Điểm giữa học phần	20%	Bài kiểm tra	Thuyết trình và	Theo đáp án và	CLO 1 CLO 2	10

(ĐGHP)			nghe hiểu	thang chấm	CLO 3 CLO 4	
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	70%	Thi kết thúc học phần	Thi viết cải tiến	Theo thang chấm	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	10

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5 điểm/02 tiết học
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/01 tiết học
Đi muộn	0,5 điểm/lần

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không trả lời được	Trả lời chưa hết các câu hỏi	Trả lời hết các câu hỏi nhưng không hoàn chỉnh	Trả lời đầy đủ, đúng câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Trả lời đầy đủ, đúng câu hỏi, trình bày rõ ràng

Công thức tính điểm: Đ.HP = (ĐCC*1+ĐGHP*2+ĐKTHP*7)/10

VI. Tài liệu học tập và tham khảo***Giáo trình chính***

1. Trần Thị Loan và Đặng Thị Nhuận. *Giáo trình Tiếng Anh ngành Y học Dự phòng*. Bộ môn Ngoại ngữ - Trường Đại học Y Dược Thái Bình. 2023

Tài liệu tham khảo

2. Đặng Thị Nhuận và Nguyễn Thị Hoa, *Bài tập Tiếng Anh Chuyên ngành Y*, Bộ môn Ngoại ngữ - Trường Đại học Y Dược Thái Bình. 2014.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:**1. Nhiệm vụ của sinh viên:**

- Sinh viên phải có tối thiểu 01 bộ giáo trình chính và một số tài liệu tham khảo.
- Dự lớp đúng quy định, cụ thể $\geq 80\%$ số tiết học của Học phần.
- Hoàn thành tốt nội dung tự học mà giảng viên giao cho cá nhân hàng tuần.
- Các bài kiểm tra phải nộp đúng thời gian quy định, đúng yêu cầu cả về nội dung

và hình thức.

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Sinh viên vắng mặt trong buổi kiểm tra giữa kỳ tại lớp nếu không có lý do thì nhận điểm 0.
- Sinh viên vắng mặt không có lý do chính đáng trong quá trình học tập hoặc bị điểm 0 trong bài kiểm tra giữa kỳ sẽ không đủ tư cách dự thi.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	05/2019	
2.	Lần 2	05/2021	
3.	Lần 3 (Dự kiến)	07/2023	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

BỘ MÔN/KHOA: Toán tin

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Năm 2021

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Tin học đại cương

Tên tiếng Anh: Basic Informatics

Mã học phần: 9110INFORM1P

Ngành: **Y học dự phòng**

Mã ngành:

I. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☒ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận: Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	3 (1LT, 2TH) 16 34 48 52
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: Kết thúc học phần:	1 1
Học phần học trước:	

Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	BM Toán Tin

2. Mô tả chung về học phần:

Giới thiệu với sinh viên ba nội dung chính sau:

- **Hệ điều hành Windows:** Sinh viên được cung cấp những khái niệm cơ bản về hệ thống máy tính, hướng dẫn một số thao tác trên hệ điều hành Windows.
- **Tin học văn phòng:** Sinh viên được học chủ yếu dưới dạng thực hành các phần mềm ứng dụng cơ bản bao gồm xử lý văn bản, bảng tính. Phần mềm được chọn dùng cho giảng dạy là bộ Microsoft Office 2010.
- **Khai thác Internet:** Sinh viên được giới thiệu cách khai thác sử dụng một số dịch vụ Internet bao gồm: Các thao tác khi duyệt Web, tìm kiếm thông tin, dịch vụ thư điện tử.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm /học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Nguyễn Thị Thanh Duyên	Thạc sĩ	0936455344	nguyenthanhduyen82@gmail.com	Phụ trách
2.	Đỗ Thị Hòa	Thạc sĩ	0974427372	dtkhkhtn@gmail.com	Tham gia
3.	Vũ Trung Thắng	CN	0919574908	thangvt.ytb@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

Hoàn thành học phần này, sinh viên có được những kiến thức và kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản, hiểu và thực hiện được các thao tác cơ bản trên máy tính; biết cách sử dụng khai thác internet an toàn; sử dụng được bộ phần mềm văn phòng thông dụng (Microsoft Word, Excel, Powerpoint) và từ đó có khả năng ứng dụng được vào trong hoạt động thực tiễn.

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Phân biệt được đặc điểm, chức năng cơ bản của các thành	PEO 1

	phần trong máy tính và trong hệ điều hành Windows	
2.	Có kiến thức cơ bản trong Microsoft Offices để xử lý văn bản, bảng tính và tạo các bài báo cáo có hiệu quả.	PEO 1
3.	Trình bày được vai trò của Internet, khái niệm trình duyệt web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin trên Internet và các quy định về sử dụng Internet an toàn.	PEO 1
4.	Thực hiện được các thao tác cơ bản với máy tính và hệ điều hành Windows.	PEO 1, 3
5.	Sử dụng được thành thạo phần mềm Microsoft Offices để xử lý: Văn bản, bảng tính	PEO 1, 3
6.	Sử dụng được thành thạo các trình duyệt web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin trên Internet và sử dụng Internet an toàn.	PEO 1, 3

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
CLO1	Phân biệt được đặc điểm, chức năng cơ bản của các thành phần trong máy tính và trong hệ điều hành Windows	S: PLO 2,3
CLO2	Thực hiện được các thao tác cơ bản với máy tính và hệ điều hành Windows	S: PLO 2,3
CLO3	Sử dụng được trình duyệt web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin trên Internet, bảo vệ dữ liệu trên môi trường mạng	S: PLO 2, 3, 4
CLO4	Sử dụng thành thạo Microsoft Offices để xử lý văn bản, bảng tính, trình chiếu.	S: PLO 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CLO
1	Bài 1: Hiểu biết về Công nghệ Thông tin và sử dụng máy tính cơ bản 1. Kiến thức cơ bản về máy vi tính và hệ thống máy tính 1.1. Máy vi tính 1.2. Sơ lược về hệ thống máy tính 2. Các vấn đề cơ bản về an toàn thông tin 2.1 Kiểm soát truy nhập, bảo đảm an toàn cho dữ liệu 2.2 Phần mềm độc hại 3. Hệ điều hành Windows 7 3.1. Giới thiệu chung về hệ điều hành 3.2. Một số thành phần giao diện cơ bản của Windows 7 3.3. Màn hình nền (Desktop) 3.4. Cách sử dụng chuột và bàn phím 4. Thao tác trong Windows Explorer 4.1. Một số khái niệm cơ bản 4.2. Xem thông tin của đối tượng 4.3. Thay đổi hình thức hiển thị 4.4. Sắp xếp đối tượng 4.5. Quản lý thư mục và tập tin 5. Một số phần mềm tiện ích 5.1. Phần mềm nén và giải nén WINRAR 5.2. Chuyển đổi định dạng tệp 5.3. Bộ gõ tiếng Việt	1	1. Trình bày được sơ lược về hệ thống máy tính. 2. Hiểu được các vấn đề cơ bản về an toàn thông tin 3. Quản lý dữ liệu bằng Windows Explorer. 4. Thực hiện được một số phần mềm tiện ích cơ bản. 5. Thực hiện được các thao tác cơ bản với máy in.	1,2

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CLO
	6. Máy in 6.1. Chọn máy in mặc định 6.2. Chia sẻ một máy in trong mạng 6.3. Hủy lệnh in trên máy tính			
2	Bài 2: Định dạng văn bản cơ bản với Microsoft Word 2010 1. Làm quen với Microsoft Word 2010 1.1. Những điểm mới trong Microsoft Word 2010 1.2. Khởi động, thoát khỏi phần mềm xử lý văn bản 1.3. Các chế độ hiển thị văn bản trên màn hình 1.4. Mở văn bản có sẵn, tạo văn bản mới, lưu, xóa văn bản 1.5. Các thao tác soạn thảo cơ bản trên MS Word 2010 2. Định dạng văn bản trên Microsoft Word 2010 2.1. Định dạng văn bản text 2.2. Định dạng đoạn văn bản 2.3. Kiểu dáng (Style) 2.4. Đánh dấu, số đầu đoạn 2.5. Đường viền và màu nền khung 2.6. Chữ cái lớn đầu đoạn 2.7. Kỹ thuật chia cột 2.8. Thiết lập bước nhảy Tab	1	1. Thực hiện được kỹ thuật định dạng đối tượng text. 2. Thực hiện được kỹ thuật định dạng đoạn, đường viền, màu nền. 3. Thực hiện được kỹ thuật đánh số đầu đoạn, chữ cái lớn đầu đoạn, chia cột báo 4. Thực hiện được kỹ thuật tạo đường viền, màu nền	4
3	Bài 3. Nhúng các đối tượng vào văn bản 3. Nhúng các đối tượng khác vào văn	2	1. Thiết lập được định dạng Tab cho văn bản.	4

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CLO
	bản trong Microsoft Word 2010 3.1. Đối tượng bảng 3.2. Đối tượng đồ họa 3.3. Hộp văn bản		2. Thực hiện được thao tác chèn và định dạng bảng. 3. Thực hiện được thao tác chèn và định dạng đối tượng đồ họa, hộp văn bản.	
4	Bài 4. In ấn văn bản 4. Kết xuất và phân phối văn bản 4.1. Hoàn tất văn bản 4.2. In văn bản 4.3. Phân phối văn bản	2	1. Chèn được tiêu đề đầu trang, chân trang và đánh số trang cho văn bản. 2. Thiết lập được thông số trang in và in ấn văn bản	4
5	Bài 5: Giới thiệu về Microsoft Excel 2010 1. Làm quen với phần mềm Microsoft Excel 2010 1.1. Những điểm mới trong Microsoft Excel 2010 1.2. Làm việc với Microsoft Excel 2010 1.3. Các thao tác cơ bản với tệp dữ liệu 2. Các thao tác cơ bản trên Microsoft Excel 2010 2.1. Các thao tác xử lý trên ô tính 2.2. Các thao tác trên hàng và cột 2.3. Định dạng cách hiển thị dữ liệu	2	1. Thực hiện được thao tác nhập bảng tính. 2. Thực hiện được các thao tác xử lý trên khối dữ liệu 3. Thực hiện được kỹ thuật trên hàng và cột.	4

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CLO
6	Bài 6. Các hàm cơ bản trên Microsoft Excel 2010 3.1. Cú pháp chung và cách sử dụng 3.2. Các nhóm hàm thông dụng - Nhóm hàm toán học - Nhóm hàm thống kê - Nhóm hàm chuỗi - Nhóm hàm ngày giờ - Nhóm hàm tìm kiếm và tham chiếu	2	1. Viết được cú pháp các hàm cơ bản trong MS Excel 2. Áp dụng các hàm đã học để làm bài tập 3. Sử dụng các hàm cơ bản để tính toán vấn đề thực tế.	4
7	Bài 7. Cơ sở dữ liệu trong Microsoft excel 2010 4.1. Khái niệm về cơ sở dữ liệu 4.2. Sắp xếp dữ liệu trong Microsoft Excel 2010 4.3. Trích lọc dữ liệu trong Microsoft Excel 2010 4.4. Các hàm cơ bản trên cơ sở dữ liệu 4.5. Phân tích dữ liệu sử dụng Pivot Table	2	1. Thực hiện được thao tác sắp xếp dữ liệu, trích lọc dữ liệu theo điều kiện bất kỳ. 2. Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các bài toán thực tế.	4
8	Bài 8. Biểu đồ; In ấn bảng tính. 5. Tạo biểu đồ trong Microsoft Excel 2010 5.1. Các bước dựng biểu đồ 5.2. Hiệu chỉnh biểu đồ 6. Cài đặt trang in và in ấn trong Microsoft Excel 2010 6.1. Định dạng trang in 6.2. In bảng tính Bài 9. Sử dụng Internet cơ bản	2	1. Thực hiện được thao tác chèn và hiệu chỉnh biểu đồ. 2. Thực hiện được các thao tác định dạng trang in và in bảng tính. 3. Thực hiện được kỹ thuật tạo tài khoản, gửi và nhận	3,4

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CLO
	1. Kiến thức cơ bản về Internet 1.1. Các khái niệm/thuật ngữ thường gặp 1.2. Bảo mật khi làm việc với Internet 2. Sử dụng dịch vụ thư tín điện tử 2.1. Khái niệm và nguyên cơ khi sử dụng thư điện tử 2.2. Sử dụng chương trình thư điện tử gmail.com 2.3. Quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng thư điện tử		thư.	
9	Bài 10: Trình chiếu báo cáo 1. Giới thiệu chương trình MS Powerpoint 1.1. Chức năng của Microsoft Powerpoint 1.2. Khởi động PowerPoint và kết thúc làm việc với Powerpoint 1.3. Giới thiệu màn hình giao diện của Powerpoint 2. Thiết kế Sile Presentation 2.1. Tạo mới một bài trình diễn (Blank Presentation) 2.2. Tạo mới một bài trình diễn sử dụng mẫu thiết kế có sẵn (Design Template) 2.3. Lưu Presentation lên đĩa 2.4. Mở một Presentation có sẵn trên đĩa 3. Định dạng Presentation	2	1. Thực hiện được thao tác tạo và định dạng các đối tượng trên trang báo cáo ; 2. Thiết lập được các hiệu ứng trên các đối tượng 3. Trình chiếu, in ấn được báo cáo	4

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CLO
	4. Trình chiếu Presentation, in ấn 4.1. Các chế độ hiển thị Presentation khi soạn thảo 4.2. Thêm một Slide, xóa, sao chép, di chuyển Slide 4.3. In ấn Presentation 4.4. Trình diễn Presentation			

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CLO
1	Bài 1: Word - Kỹ thuật định dạng đối tượng Text 1. Nhập và định dạng đoạn văn bản theo mẫu 2. Sử dụng Bullet and Numbering, Style để định dạng đoạn văn bản theo mẫu 3. Thiết lập quy tắc viết tắt	4	1. Thực hiện được một số kỹ thuật định dạng cơ bản. 2. Thực hiện được thao tác thiết lập quy tắc viết tắt, tìm kiếm và thay thế đoạn VB	4
2	Bài 2: Word - Thiết lập bước nhảy Tab + Kỹ thuật định dạng bảng 1. Thiết lập bước nhảy Tab 2. Tạo và sửa cấu trúc bảng 3. Kỹ thuật ghép ô và chia ô 4. Định dạng bảng tính	4	1. Thực hiện được kỹ thuật thiết lập định dạng tab 2. Thực hiện được kỹ thuật tạo và định dạng đối tượng bảng	4
3	Bài 3: Word - Kỹ thuật định dạng đối tượng ảnh	4	1. Thực hiện được thao tác chèn ảnh,	4

	1. Nhập và định dạng đoạn văn bản theo mẫu 2. Sử dụng đối tượng hình khối để tạo và định dạng sơ đồ theo mẫu 3. Sử dụng Smart Art vẽ sơ đồ theo mẫu.		chữ nghệ thuật, hình khối vào văn bản 2. Tạo và định dạng sơ đồ theo mẫu.	
4	Bài 4: Excel – Các nhóm hàm cơ bản 1. Quản lý lương nhân viên 2. Dữ liệu tuyển sinh	4	1. Trang trí được bảng tính 2. Sử dụng thành thạo 3 nhóm hàm cơ bản: toán học, thống kê và logic	4
5	Bài 5: Excel - Các nhóm hàm cơ bản 1. Bảng quản lý cửa hàng thuốc 2. Bảng lương nhân viên bệnh viện đa khoa	4	1. Vận dụng thành thạo các hàm xử lý chuỗi, các hàm ngày giờ. 2. Vận dụng thành thạo các hàm tham chiếu. 3. Vẽ được biểu đồ	4
6	Bài 6: Excel - Cơ sở dữ liệu trong Microsoft Excel 2010 1. Cơ sở dữ liệu viện phí – Bảo hiểm y tế. 2. Bảng thanh toán tiền điện	4	1. Thực hiện được thao tác sắp xếp, lọc dữ liệu, Pivot Table. 2. Vận dụng được các hàm cơ bản trên CSDL	4
7	Bài 7: Bài thực hành tổng hợp 1. Microsoft Word bài thực hành tổng hợp 2. Microsoft Excel bài thực hành tổng	4	1. Thực hiện được các thao tác định dạng văn bản Word 2. Thực hiện được các chương trình	4

	hợp		quản lý trên Excel	
8	Bài 8: Bài thực hành tổng hợp 1. Microsoft Word bài thực hành tổng hợp 2. Microsoft Excel bài thực hành tổng hợp	4	1. Thực hiện được các thao tác định dạng văn bản Word 2. Thực hiện được các chương trình quản lý trên Excel	4
9	Bài 9: Bài thực hành tổng hợp 1. Microsoft Word bài thực hành tổng hợp 2. Microsoft Excel bài thực hành tổng hợp	4	1. Thực hiện được các thao tác định dạng văn bản Word 2. Thực hiện được các chương trình quản lý trên Excel	4
10	Bài 10: Powerpoint – Báo cáo doanh thu bán hàng	4	1. Thực hiện được thao tác chèn các đối tượng vào báo cáo. 2. Định dạng các đối tượng trên Slide	4
11	Bài 11: Powerpoint – Kết quả tuyển sinh	4	1. Thiết lập các hiệu ứng lật trang trên báo cáo 2. Thiết lập các hiệu ứng động trên từng đối tượng trong Slide	4
12	Bài 12: Powerpoint – Báo cáo đề tài	4	1. Thực hiện được thao tác chèn và định dạng trang tính. 2. Trình chiếu và in	4

			ấn bài báo cáo	
--	--	--	----------------	--

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: Thuyết trình, thảo luận nhóm
2. Thực hành: Thảo luận nhóm, dạy – học theo nghiên cứu từng nhóm

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết: Máy tính xách tay, máy chiếu
2. Thực hành: Máy tính bàn, máy tính xách tay, máy chiếu

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	5%	1. Điểm danh có mặt trên lớp	Điểm danh	Rubric R1	1	10
	5%	2. Phát biểu, thảo luận trên lớp	- Vấn đáp	- Rubric R2	1	
		3. Làm bài tập được giao	Chấm bài tập	Theo đáp án, thang chấm	1, 3, 4	
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	20%	1 bài kiểm tra thực hành	Chấm bài	Theo đáp án, thang chấm	1,2,3,4	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	70%	Bài thi kết thúc học phần	Thi thực hành trên máy tính	Theo đáp án và thang chấm	1, 2, 4	10

Công thức tính điểm: Điểm HP = 0,1 . ĐCC + 0,2 . ĐGHP + 0,7 . ĐKTHP

Rubric 1: Điểm danh: 5 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5/2 Tiết
Nghỉ học không phép	0,5/1 Tiết
Đi muộn	0,5

Rubric 2: Bài tập trên lớp và Bài tập về nhà

Mức độ đạt chuẩn quy định						Trọng số
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)	
Số lượng bài tập	Số lượng bài nộp <30%	Số lượng bài tập nộp <50%	Số lượng bài tập nộp <70%	Số lượng bài tập nộp <90%	Số lượng bài tập nộp 100%	50%
Nội dung bài tập	Không giải được	Giải chưa hết các bài tập	Giải đầy đủ các bài tập nhưng còn một số sai sót	Giải đầy đủ và đúng tất cả các bài tập nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ và đúng tất cả các bài tập và trình bày rõ ràng	50%

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập:

[1]. Đặng Xuân Lưu (2015), *Giáo trình Tin học đại cương*, Công ty cổ phần sách đại học – dạy nghề HEVOBCO, Hà Nội

2. Tài liệu tham khảo:

[1]. **Hoàng Minh Hằng** (2008), *Tin học ứng dụng trong y - sinh học*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội

[2]. **Huỳnh Đình Chiến** (2008), *Hướng dẫn tìm kiếm và sử dụng thông tin: Dành cho học viên các khoá học qua mạng*, Nhà xuất bản Đại học Huế, Huế

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.**VIII. Quy định với sinh viên:**

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Đại diện sinh viên (Ban cán sự lớp) liên hệ với Giáo vụ Bộ môn để nhận kế hoạch học tập và được phổ biến về các quy định của bộ môn về học phần cũng như sự hướng dẫn học tập (có thể qua E-mail) sau đó phổ biến lại cho lớp.
- Sinh viên phải có trách nhiệm phân nhóm học tập (có danh sách, sơ đồ kèm theo) để giảng viên kiểm soát lớp công khai, thuận lợi và công bằng.
- Nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ học lý thuyết, thực hành (theo quy chế). Cụ thể, điều kiện để sinh viên được thi kết thúc học phần khi:
 - + Lý thuyết: Phải nghe giảng $\geq 80\%$ số buổi (nghỉ phải có phép).
 - + Thực hành: Phải tham gia thực hành 100% số buổi (nghỉ phải có phép và học bù)
 - + Bài tập, thảo luận tham gia đầy đủ.
 - + Điểm ĐGHP $\geq 1,0$.
- Sinh viên phải chuẩn bị và hoàn thành bài tập (cá nhân, nhóm) theo quy định.
- Sinh viên có trách nhiệm phản hồi và có quyền thắc mắc (có tổ chức) về các nội dung học tập cũng như cách quản lý, đánh giá của giảng viên trong quá trình học tập (mọi ý kiến thắc mắc của sinh viên sẽ được bộ môn xét giải quyết).
- Mỗi lớp có một địa chỉ e-mail để giảng viên gửi các tình huống, bài tập về nhà cho sinh viên. Sinh viên phải thường xuyên kiểm tra email của lớp để nhận các thông tin cần thiết để thực hiện.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	05/2019	
2.	Lần 2	05/2021	
3.	Lần 3 (Dự kiến)	04/2023	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Năm 2021

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Tin học ứng dụng

Tên tiếng Anh: Applied Informatics

Mã học phần: 9110INFORM2P

Ngành: **Y học dự phòng**

Mã ngành:

I. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☒ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận: Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	2 (1LT, 1TH) 16 34 32 0 18
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: Kết thúc học phần:	1 1
Học phần học trước:	Tin học đại cương
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	Xác suất thống kê

Bộ môn/Khoa giảng dạy:	BM Toán Tin
------------------------	--------------------

2. Mô tả chung về học phần:

Giới thiệu với sinh viên ba nội dung chính sau:

- Quản lý số liệu với **EpiData Entry**: Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về quy trình nhập và quản lý số liệu sử dụng phần mềm EpiData Entry, cách mã hóa một phiếu điều tra, kiểm soát quá trình nhập số liệu, nhập và quản lý số liệu nhập.
- Xử lý số liệu với **EpiData Analysis**: Sinh viên được trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản để mô tả, kiểm tra bộ số liệu và làm sạch bộ số liệu trước khi phân tích.
- Phân tích số liệu với **EpiData Analysis**: Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản và kỹ năng thực hành để phân tích, thống kê số liệu, trình bày số liệu dưới dạng bảng và biểu đồ, kiểm định giả thuyết thống kê...

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm /học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thanh Duyên	Thạc sĩ	0936455344	nguyenthanhduyen82@gmail.com	Phụ trách
2	Đỗ Thị Hòa	Thạc sĩ	0974427372	dtkhkhtn@gmail.com	Tham gia
3	Vũ Trung Thắng	CN	0919574908	thangvt.ytb@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

Hoàn thành học phần này, sinh viên có được những kiến thức và kỹ năng xử lý số liệu, phân tích thống kê y học giúp sinh viên có khả năng thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và từ đó có khả năng ứng dụng được vào các hoạt động nghiên cứu khoa học trong thực tiễn.

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Mô tả và giải thích được quy trình quản lý số liệu thống kê y học, phiên giải kết quả thống kê.	PEO 1,3
2	Ứng dụng phần mềm EpiData Entry để nhập và quản lý số liệu thống kê y học.	PEO 1, 3
3	Ứng dụng phần mềm EpiData Analysis để mô tả, kiểm tra bộ số liệu, phân tích, thống kê số liệu, trình bày số liệu dưới dạng bảng và biểu đồ, kiểm định giả thuyết thống kê...	PEO 1, 3

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CDR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CDR của CTĐT (PLO)
CLO1	Sử dụng được phần mềm EpiData Entry để mã hóa phiếu điều tra, kiểm soát quá trình nhập số liệu và nhập/xuất số liệu thống kê y học	S: PLO 1, 2, 4, 5, 7
CLO2	Sử dụng được phần mềm EpiData Analysis để mô tả, kiểm tra và làm sạch bộ số liệu.	S: PLO 1, 2, 4, 5, 7
CLO3	Sử dụng phần mềm EpiData Analysis để phân tích, thống kê số liệu, trình bày số liệu dưới dạng bảng và biểu đồ, kiểm định giả thuyết thống kê...	S: PLO 1, 2, 4, 5, 7

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	Bài 1. Tổng quan về EpiData. 1. Tổng quan về EpiData - Giới thiệu phần mềm EpiData - Quy trình làm việc trong EpiData - Cài đặt và làm quen với phần mềm EpiData - Thiết lập các tham số tùy chọn trong EpiData 2. Mã hóa bộ câu hỏi trong EpiData - Nguyên tắc mã hóa bộ câu hỏi trong EpiData	2	1. Cài đặt được phần mềm và thiết lập được các tùy chọn trên EpiData Entry; 2. Phân loại được các loại câu hỏi trong phiếu điều tra;	1
2	Bài 2. Mã hóa bộ câu hỏi 2. Mã hóa bộ câu hỏi trong EpiData - Thực hiện mã hóa bộ câu hỏi bằng EpiData. - Xây dựng biểu mẫu nhập số liệu.	2	1. Phân biệt được các loại câu hỏi trong phiếu điều tra 2. Hiểu được quy trình mã hóa một	1

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
			phiếu điều tra	
3	Bài 3. Kiểm soát quá trình nhập số liệu 1. Quy trình kiểm soát nhập dữ liệu 2. Giới hạn miền số liệu hợp lý và giá trị hợp lệ 3. Bước nhảy (Jumps) 4. Bắt buộc nhập giá trị (Must enter) 5. Ràng buộc lặp giá trị (Repeat variables) 6. Khai báo nhãn cho các giá trị nhập (Value label) 7. Một số câu lệnh check nâng cao.	2	1. Hiểu được tầm quan trọng của quá trình nhập số liệu cơ bản; 2. Thực hiện được các kiểm soát quá trình nhập số liệu cơ bản.	1
4	Bài 4. Nhập và quản lý dữ liệu 1. Thực hiện nhập số liệu bằng EpiData 2. Tìm kiếm bản ghi 3. Báo cáo mô tả dữ liệu 4. Xuất tệp số liệu sang các định dạng khác	2	1. Nhập và quản lý số liệu đã nhập vào máy tính; 2. Xuất được số liệu đã nhập sang các định dạng khác nhau phục vụ thống kê bằng các phần mềm thống kê như SPSS, Stata.	1
5	Bài 5. Giới thiệu chung về EpiData Analysis 2.1. Tổng quan về EpiData Analysis 2.2. Các phép toán cơ bản trong Epi Data Analysis 2.3. Quản lý biên bản làm việc (Log File) 2.4. Quản lý hệ thống câu lệnh (Program Editor) 2.5. Quản lý tệp số liệu (Data) 2.6. Một số câu lệnh cơ bản trong EpiData Analysis	2	1. Cài đặt được phần mềm EpiData Analysis ; 2. Thực hiện được các câu lệnh cơ bản trong EpiData Analysis;	2
6	Bài 6. Xử lý số liệu; biểu đồ	2	1. Hiểu được quy	2,3

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
	1. Xử lý số liệu với EpiData Analysis - Khái niệm xử lý số liệu - Mô tả, kiểm tra bộ số liệu - Làm sạch số liệu - Hoàn chỉnh bộ số liệu 2. Biểu đồ trong EpiData Analysis - Biểu đồ phân tán (Scatter) - Biểu đồ hình cột (Bar chart) - Biểu đồ hình tròn (Pie chart) - Biểu đồ tần suất (Histogram) - Biểu đồ hộp -Box plot		trình xử lý số liệu 2. Ứng dụng quy trình đã học vào các đề tài thực tế 3. Vẽ và định dạng biểu đồ trong EpiData	
7	Bài 7. Phân tích thống kê mô tả trên EpiData Analysis 1. Khái niệm phân tích số liệu - Kiểu dữ liệu - Phân tích thống kê mô tả - Phân tích thống kê suy luận 2. Phân tích thống kê mô tả - Thống kê mô tả biến định tính - Thống kê mô tả biến định lượng - Thống kê mô tả biến định lượng theo định tính	2	1. Phân biệt được khái niệm biến định lượng và biến định tính. 2. Phân biệt được phân tích thống kê mô tả và phân tích thống kê suy luận. 3. Thực hiện được một số phân tích thống kê mô tả cơ bản cho biến định lượng và định tính	2,3
8	Bài 8. Phân tích thống kê suy luận trên EpiData Analysis 1. So sánh tìm sự khác biệt thống kê 2. Xác định hệ số tương quan 3. Phân tích hồi quy (regression)	2	1. Thực hiện được một số phân tích thống kê suy luận cơ bản. 2. Xác định được hệ số tương quan. 3. Hiểu được khái niệm và ứng dụng của phân tích hồi	2,3

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
			quy.	

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR
1	Bài 1: Điều tra kiến thức mẹ sức khỏe con 1. Mã hóa bộ câu hỏi 2. Tạo tệp tin chứa CSDL	4	1. Mã hóa được phiếu điều tra kiến thức mẹ sức khỏe con; 2. Xây dựng được màn hình nhập số liệu	1
2	Bài 2: Phiếu điều tra kiến thức và thái độ thực hành của học sinh trong phòng chống bệnh tả 1. Mã hóa bộ câu hỏi 2. Tạo tệp tin chứa CSDL 3. Kiểm soát số liệu theo yêu cầu 4. Nhập số liệu 5. Tìm kiếm, liệt kê SL 6. Xem cấu trúc tệp số liệu 7. Xuất số liệu 8. Nối số liệu	4	1. Mã hóa được phiếu điều tra và xây dựng màn hình nhập số liệu 2. Kiểm soát, được số liệu cho phiếu điều tra đã mã hóa; 3. Nhập/xuất được số liệu theo yêu cầu của bài.	1
3	Bài 3: Phiếu điều tra chỉ số xét nghiệm của bệnh nhân điều trị 1. Mã hóa bộ câu hỏi 2. Tạo tệp tin chứa CSDL 3. Kiểm soát số liệu theo yêu cầu 4. Nhập số liệu	4	1. Mã hóa được phiếu điều tra và xây dựng màn hình nhập số liệu 2. Kiểm soát, được số liệu cho phiếu điều tra đã mã hóa; 3. Nhập/xuất được số	1

	5. Phân tích thống kê mô tả		liệu theo yêu cầu của bài. 4. Thực hiện được các phân tích thống kê mô tả cho biến định tính	
4	Bài 4: Phiếu phỏng vấn phụ nữ có chồng độ tuổi 15-49 1. Mã hóa bộ câu hỏi 2. Tạo tệp tin chứa CSDL 3. Kiểm soát số liệu theo yêu cầu 4. Nhập số liệu 5. Phân tích thống kê mô tả	4	1. Mã hóa được phiếu điều tra và xây dựng màn hình nhập số liệu 2. Kiểm soát được số liệu cho phiếu điều tra đã mã hóa; 3. Nhập/xuất được số liệu theo yêu cầu của bài. 4. Thực hiện được các phân tích thống kê mô tả cho biến định lượng	1, 2
5	Bài 5: Phiếu điều tra sản khoa – phụ khoa 1. Mã hóa bộ câu hỏi 2. Tạo tệp tin chứa CSDL 3. Kiểm soát số liệu theo yêu cầu 4. Nhập số liệu 5. Phân tích thống kê mô tả 6. Phân tích thống kê suy luận	4	1. Mã hóa được phiếu điều tra và xây dựng màn hình nhập số liệu 2. Kiểm soát, được số liệu cho phiếu điều tra đã mã hóa; 3. Nhập/xuất được số liệu theo yêu cầu của bài. 4. Thực hiện được các phân tích thống kê mô tả và phân tích thống kê suy luận	1, 2, 3

6	Bài 6: Phiếu điều tra về HIV 1. Mã hóa bộ câu hỏi 2. Tạo tệp tin chứa CSDL 3. Kiểm soát số liệu theo yêu cầu 4. Nhập số liệu 5. Phân tích thống kê mô tả 6. Phân tích thống kê suy luận	4	1. Mã hóa được phiếu điều tra và xây dựng màn hình nhập số liệu 2. Kiểm soát, được số liệu cho phiếu điều tra đã mã hóa; 3. Nhập/xuất được số liệu theo yêu cầu của bài. 4. Thực hiện được các phân tích thống kê mô tả và phân tích thống kê suy luận 5. Vẽ được biểu đồ	1, 2, 3
7	Bài 7: Phiếu điều tra về ngộ độc thực phẩm tại trường tiểu học Bắc Sơn 1. Mã hóa bộ câu hỏi 2. Tạo tệp tin chứa CSDL 3. Kiểm soát số liệu theo yêu cầu 4. Nhập số liệu 5. Phân tích thống kê mô tả 6. Phân tích thống kê suy luận 7. Vẽ biểu đồ	4	1. Mã hóa được phiếu điều tra và xây dựng màn hình nhập số liệu 2. Kiểm soát, được số liệu cho phiếu điều tra đã mã hóa; 3. Nhập/xuất được số liệu theo yêu cầu của bài. 4. Thực hiện được các phân tích thống kê mô tả và phân tích thống kê suy luận 5. Vẽ được biểu đồ	1, 2, 3
8	Bài 8: Phiếu điều tra bệnh nhân nhập viện do hôn mê gan. 1. Mã hóa bộ câu hỏi	4	1. Mã hóa được phiếu điều tra và xây dựng màn hình nhập số liệu 2. Kiểm soát, được số	1, 2, 3

	2. Tạo tệp tin chứa CSDL 3. Kiểm soát số liệu theo yêu cầu 4. Nhập số liệu 5. Phân tích thống kê mô tả 6. Phân tích thống kê suy luận 7. Vẽ biểu đồ		liệu cho phiếu điều tra đã mã hóa; 3. Nhập/xuất được số liệu theo yêu cầu của bài. 4. Thực hiện được các phân tích thống kê mô tả và phân tích thống kê suy luận 5. Vẽ được biểu đồ	
--	--	--	--	--

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: Thuyết trình, thảo luận nhóm
2. Thực hành: Thảo luận nhóm, dạy – học theo nghiên cứu từng nhóm

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết: Máy tính xách tay, máy chiếu
2. Thực hành: Máy tính bàn, máy tính xách tay, máy chiếu

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	5%	1. Điểm danh có mặt trên lớp	Điểm danh	Rubric R1	1	10
	5%	2. Phát biểu, thảo luận trên lớp	- Vấn đáp	- Rubric R2	1,2,3	
		3. Làm bài tập được giao	Chấm bài tập	Theo đáp án, thang chấm	1,2,3	
Điểm giữa	20%	1 bài kiểm tra	Chấm bài	Theo đáp	1,2,3	10

học phần (ĐGHP)		thực hành	thực hành	án, thang chấm		
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	70%	Bài thi kết thúc học phần	Thi thực hành trên máy tính	Theo đáp án và thang chấm	1,2,3	10

Công thức tính điểm: Điểm HP = 0,1 . ĐCC + 0,2 . ĐGHP + 0,7 . ĐKTHP

Rubric 1: Điểm danh: 5 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5/2 Tiết
Nghỉ học không phép	0,5/1 Tiết
Đi muộn	0,5

Rubric 2: Bài tập trên lớp và Bài tập về nhà

Mức độ đạt chuẩn quy định						Trọng số
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)	
Số lượng bài tập	Số lượng bài nộp <30%	Số lượng bài tập nộp<50%	Số lượng bài tập nộp<70%	Số lượng bài tập nộp<90%	Số lượng bài tập nộp 100%	50%
Nội dung bài tập	Không giải được	Giải chưa hết các các bài tập	Giải đầy đủ các các bài tập nhưng còn một số sai sót	Giải đầy đủ và đúng tất cả các bài tập nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ và đúng tất cả các bài tập và trình bày rõ ràng	50%

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập:

[1]. Đặng Xuân Lưu (2015), *Giáo trình Tin học đại cương*, Công ty cổ phần sách đại học – dạy nghề HEVOBCO, Hà Nội

2. Tài liệu tham khảo:

[1]. **Hoàng Minh Hằng** (2008), *Tin học ứng dụng trong y - sinh học*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội

[2]. **Huỳnh Đình Chiến** (2008), Hướng dẫn tìm kiếm và sử dụng thông tin: Dành cho học viên các khoá học qua mạng, *Nhà xuất bản Đại học Huế*, Huế

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Đại diện sinh viên (Ban cán sự lớp) liên hệ với Giáo vụ Bộ môn để nhận kế hoạch học tập và được phổ biến về các quy định của bộ môn về học phần cũng như sự hướng dẫn học tập (có thể qua E-mail) sau đó phổ biến lại cho lớp.
- Sinh viên phải có trách nhiệm phân nhóm học tập (có danh sách, sơ đồ kèm theo) để giảng viên kiểm soát lớp công khai, thuận lợi và công bằng.
- Nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ học lý thuyết, thực hành (theo quy chế). Cụ thể, điều kiện để sinh viên được thi kết thúc học phần khi:
 - + Lý thuyết: Phải nghe giảng $\geq 80\%$ số buổi (nghỉ phải có phép).
 - + Thực hành: Phải tham gia thực hành 100% số buổi (nghỉ phải có phép và học bù)
 - + Bài tập, thảo luận tham gia đầy đủ.
 - + Điểm ĐGHP $\geq 1,0$.
- Sinh viên phải chuẩn bị và hoàn thành bài tập (cá nhân, nhóm) theo quy định.
- Sinh viên có trách nhiệm phản hồi và có quyền thắc mắc (có tổ chức) về các nội dung học tập cũng như cách quản lý, đánh giá của giảng viên trong quá trình học tập (mọi ý kiến thắc mắc của sinh viên sẽ được bộ môn xét giải quyết).
- Mỗi lớp có một địa chỉ e-mail để giảng viên gửi các tình huống, bài tập về nhà cho sinh viên. Sinh viên phải thường xuyên kiểm tra email của lớp để nhận các thông tin cần thiết để thực hiện.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	05/2019	
2.	Lần 2	05/2021	
3.	Lần 3 (Dự kiến)	04/2023	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Năm 2021

Tên học phần: Toán cao cấp

Tên tiếng Việt: Toán cao cấp

Tên tiếng Anh: Advanced Mathematics

Mã học phần: 3110ADVMAT0T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành:

I.Hành chính.

1.Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☒ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Sinh viên Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận/Bài tập : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	02 LT 32 00 68 0 0 0
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: Kết thúc học phần:	02 01 (Tự luận 45 phút) 01 (Tự luận 60 phút)
Học phần học trước:	0

Học phần tiên quyết:	0
Học phần song hành:	0
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Toán Tin

2. Mô tả chung về học phần:

Học phần Toán cao cấp cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về Toán cao cấp như: Ma trận, Định thức, Hệ phương trình tuyến tính; các kiến thức cơ bản về hàm số một biến số (hàm chẵn, hàm lẻ, hàm tuần hoàn, tính liên tục, tính khả vi, khả tích, phương trình vi phân).

Học phần này sẽ giúp sinh viên có những kiến thức nền tảng để học phần Xác suất – Thống kê.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Vũ Thị Lê	ThS	0904966263	levt@tbump.edu.vn	Phụ trách
2.	Trần Thị Thu Hà	ThS	0902058962	hattt@tbump.edu.vn	Tham gia
3.	Ngô Mạnh Tường	ThS	0397843025	tuongnm@tbump.edu.vn	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Thực hiện được các phép toán về ma trận, tính được hạng của ma trận, tính được định thức của ma trận vuông, giải và biện luận được một số phương trình tuyến tính.	PEO 1
2.	Nhận diện được và lấy được ví dụ về các khái niệm cơ bản của hàm số một biến số như: tập xác định, tập giá trị, tính chẵn lẻ, tính tuần hoàn, hàm hợp.	PEO 1
3.	Tính được giới hạn của một số dãy số, hàm số một biến số, xét được tính liên tục của hàm số và ứng dụng được tính liên tục vào một số hàm số	PEO 1
4.	Tính được đạo hàm của một số hàm số thường gặp cơ bản, áp dụng được tính khả vi vào một số hàm số, viết được công thức khai triển Taylor, công thức Maclaurin của một số hàm số.	PEO 1

5.	Tính được nguyên hàm, tích phân của một số hàm số bằng định nghĩa, hiểu được mối liên hệ giữa nguyên hàm và tích phân và tính được tích phân theo nguyên hàm bằng công thức Newton – Leibnitz; tính được tích phân suy rộng và xét được tính hội tụ của tích phân suy rộng của một số hàm số.	PEO 1
6.	Nhận diện được và lấy được ví dụ về một số khái niệm của phương trình vi phân; giải được một phương trình vi phân cấp 1.	PEO 1

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
CLO1	Thực hiện được các phép toán về ma trận, giải và biện luận được một số phương trình tuyến tính.	S: PLO 2
CLO2	Tính được giới hạn của một số dãy số, hàm số một biến số, xét được tính liên tục của hàm số và ứng dụng được tính liên tục vào một số hàm số.	S: PLO 2
CLO3	Tính được đạo hàm của một số hàm số thường gặp cơ bản, áp dụng được tính khả vi vào một số hàm số, viết được công thức khai triển Taylor, công thức Maclaurin của một số hàm số.	S: PLO 2
CLO4	Tính được nguyên hàm, tích phân của một số hàm số bằng định nghĩa, giải thích được mối liên hệ giữa nguyên hàm và tích phân và tính được tích phân theo nguyên hàm bằng công thức Newton – Leibnitz; tính được tích phân suy rộng và xét được tính hội tụ của tích phân suy rộng của một số hàm số.	S: PLO 2
CLO5	Nhận diện được và lấy được ví dụ về một số khái niệm của phương trình vi phân; giải được một phương trình vi phân cấp 1.	S: PLO 2

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra;

II. NỘI DUNG

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 1. Ma trận – Định thức – Hệ phương trình tuyến tính 1. Khái niệm chung về ma trận 2. Các phép toán về ma trận 3. Định thức 4. Tính chất định thức 5. Khái niệm chung về hệ phương trình tuyến tính 6. Hệ phương trình Cramer 7. Định lí Kronecker - Capelli	08	1. Nhận diện và lấy được ví dụ về một số khái niệm ma trận, thực hiện được các phép toán về ma trận 2. Tính được định thức, hạng, tìm được ma trận nghịch đảo của một số ma trận. 3. Giải và biện luận được một số hệ phương trình tuyến tính.	1
2	Bài 2: Giới hạn và tính liên tục của hàm số một biến số 1. Các khái niệm chung về hàm số một biến số và một số hàm số thường gặp thường gặp 2. Giới hạn của hàm số 3. Quy tắc tính giới hạn 4. Tính liên tục của hàm số 5. Tính chất của hàm liên tục	04	1. Nhận diện và lấy được ví dụ về một số khái niệm hàm số như: tập xác định, tập giá trị, hàm số chẵn, hàm số lẻ, hàm tuần hoàn. Vận dụng được các khái niệm của hàm số vào một số hàm số sơ cấp 2. Tính được giới hạn của một số hàm số 3. Xét được tính liên tục của một số hàm số thường gặp 4. Áp dụng được tính chất của hàm liên tục vào một số hàm số	2
3	Bài 3: Đạo hàm và tính khả vi của hàm một biến số 1. Đạo hàm của hàm số 2. Đạo hàm của một số hàm số thường gặp 3. Một số tính chất hàm khả vi	08	1. Tính được đạo hàm của một số hàm số thường gặp 2. Áp dụng được tính khả vi vào một số hàm số thường gặp	2,3

4	Bài 4: Nguyên hàm và tích phân hàm số một biến số 1. Nguyên hàm 2. Tích phân xác định 3. Tích phân suy rộng	08	1. Tính được nguyên hàm một số hàm số thường gặp 2. Tính được tích phân một số hàm số bằng định nghĩa và bằng công thức Newton – Leibnitz 3. Tính được tích phân suy rộng và xét được tính hội tụ của một số tích phân suy rộng	4
5	Bài 5: Phương trình vi phân 1. Khái niệm chung về phương trình vi phân 2. Một số phương trình vi phân cấp một	04	1. Nhận diện và lấy được ví dụ về một số khái niệm của phương trình vi phân 2. Giải được một số phương trình vi phân cấp 1	5

III. Phương pháp dạy/học

- Phương pháp thuyết trình.
- Phương pháp phát vấn.

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

- Laptop, máy chiếu, máy tính cầm tay.
- Bảng phấn.
- Giáo trình, kế hoạch bài giảng, ngân hàng câu hỏi.
- Số bài kiểm tra giữa học phần: 01

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên	5%	1. Điểm danh có mặt trên lớp	- Điểm danh	- Rubric R1		10

cần (ĐCC)	5%	2. Phát biểu, thảo luận trên lớp.	- Vấn đáp	- Rubric R2	1,2,3,4,5	
		3. Làm bài tập được giao.	- Chấm bài tập	- Rubric R3	1,2,3,4, 5	
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	20%	Bài kiểm tra 1 tiết	- Tự luận	Theo đáp án và thang chấm	1,2,3	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	70%	Bài thi kết thúc học phần	- Tự luận (Thời gian 60 phút)	Theo đáp án và thang chấm	1,2,3,4,5	10

Công thức tính điểm: $0,1 \cdot \text{ĐCC} + 0,2 \cdot \text{ĐGHP} + 0,7 \cdot \text{ĐKTHP}$

Rubric 1: Điểm danh

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5/2 Tiết
Nghỉ học không phép	0,5/1 Tiết
Đi muộn	0,5

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không giải được	Giải chưa hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi và trình bày rõ ràng

Rubric 3: Bài tập trên lớp và Bài tập về nhà

Mức độ đạt chuẩn quy định						Trọng số
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)	

Số lượng bài tập	Số lượng bài nộp <30%	Số lượng bài tập nộp <50%	Số lượng bài tập nộp <70%	Số lượng bài tập nộp <90%	Số lượng bài tập nộp 100%	50%
Nội dung bài tập	Không giải được	Giải chưa hết các bài tập	Giải đầy đủ các bài tập nhưng còn một số sai sót	Giải đầy đủ và đúng tất cả các bài tập nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ và đúng tất cả các bài tập và trình bày rõ ràng	50%

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập:

Đặng Xuân Lưu, *Giáo trình Toán cao cấp*, Lưu hành nội bộ

2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Nguyễn Đình Trí (2006), *Toán cao cấp Tập 1, Tập 2, Tập 3*, NXB Giáo dục.

[2]. Nguyễn Đình Trí (2006), *Bài tập toán cao cấp Tập 1, Tập 2, Tập 3*, NXB Giáo dục.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Đại diện sinh viên (Ban cán sự lớp) liên hệ với Giáo vụ Bộ môn để nhận kế hoạch học tập và được phổ biến về các quy định của bộ môn về học phần cũng như sự hướng dẫn học tập (có thể qua E-mail) sau đó phổ biến lại cho lớp.
- Sinh viên phải có trách nhiệm phân nhóm học tập (có danh sách, sơ đồ kèm theo) để giảng viên kiểm soát lớp công khai, thuận lợi và công bằng.
- Nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ học lý thuyết (theo quy chế). Cụ thể, điều kiện để sinh viên được thi kết thúc học phần khi:
 - + Lý thuyết: phải nghe giảng $\geq 80\%$ số buổi (nghỉ phải có phép).
 - + Bài tập, thảo luận tham gia đầy đủ.

+ Điểm ĐGHP $\geq 4,0$.

- Sinh viên phải chuẩn bị và hoàn thành bài tập (cá nhân, nhóm) theo quy định.
- Sinh viên có trách nhiệm phản hồi và có quyền thắc mắc (có tổ chức) về các nội dung học tập cũng như cách quản lý, đánh giá của giảng viên trong quá trình học tập (mọi ý kiến thắc mắc của sinh viên sẽ được bộ môn xét giải quyết).
- Mỗi lớp có một địa chỉ e-mail để giảng viên gửi các tình huống, bài tập về nhà cho sinh viên. Sinh viên phải thường xuyên kiểm tra email của lớp để nhận các thông tin cần thiết để thực hiện.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	05/2019	Vũ Thị Lê
2.	Lần 2	05/2021	Vũ Thị Lê
3.	Lần 3 (Dự kiến)	04/2023	Vũ Thị Lê

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN

Vũ Thị Lê

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Năm 2021

Tên học phần: Xác suất - Thống kê

Tên tiếng Việt: Xác suất - Thống kê

Tên tiếng Anh: Probability and Mathematical Statistics

Mã học phần: 3120STATIS0T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành:

I. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☒ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	02 LT
Số tiết Lý thuyết:	32
Thảo luận/Bài tập :	0
Số giờ tự học:	68
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	0
Thảo luận:	0
Số giờ tự học:	0
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	02

Giữa học phần:	01 (Tự luận 45 phút)
Kết thúc học phần:	01 (Tự luận 60 phút)
Học phần học trước:	0
Học phần tiên quyết:	0
Học phần song hành:	0
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Toán Tin

2. Mô tả chung về học phần:

Học phần Xác suất - Thống kê cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê, giúp sinh viên hiểu được khái niệm xác suất, các công thức tính xác suất và ứng dụng các quy luật phân phối xác suất để giải các bài toán thống kê: bài toán ước lượng, bài toán kiểm định; bài toán tương quan hồi quy tuyến tính đơn biến.

Học phần này sẽ giúp sinh viên vận dụng kiến thức xác suất - thống kê vào việc học tập kiến thức chuyên ngành và cập nhật thông tin khoa học trong lĩnh vực y dược.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Vũ Thị Lê	ThS	0904966263	vule0812@gmail.com	Phụ trách
2.	Trần Thị Thu Hà	TS	0902058962	tranhaytb@gmail.com	Tham gia
3.	Ngô Mạnh Tường	ThS	0397843025	ngotuong2006@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Vận dụng được các công thức tính xác suất để tính xác suất.	PEO 1, 3
2.	Tính được khoảng tin cậy với số liệu cho trước.	PEO 1, 3
3.	Kiểm định giả thuyết về: hai giá trị trung bình; hai tỉ lệ.	PEO 1, 3
4.	Phân tích được sự tương quan và lập được phương trình hồi quy	PEO 1, 3

	tuyến tính đơn biến	
--	---------------------	--

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
CLO1	Vận dụng được các công thức tính xác suất	S: PLO 2, 4
CLO2	Tính được khoảng tin cậy với số liệu cho trước.	S: PLO 2, 4
CLO3	Kiểm định giả thuyết về: hai giá trị trung bình; hai tỉ lệ.	S: PLO 2, 4
CLO4	Kiểm định sự tương quan và lập phương trình hồi quy tuyến tính đơn biến	S: PLO 2, 4

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra;

II. NỘI DUNG

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CLO
1	Bài 1: Các công thức tính xác suất 1. Xác suất của biến cố 2. Công thức nhân xác suất 3. Công thức cộng xác suất 4. Công thức xác suất toàn phần, công thức Bayes 5. Công thức xác suất nhị thức 6. Bài tập áp dụng	06	Áp dụng được công thức xác suất cô điển, công thức cộng, công thức nhân, công thức xác suất có điều kiện, công thức xác suất toàn phần, công thức Bayes để giải một số bài toán. Tính được độ nhạy, độ đặc hiệu, giá trị của kết quả dương tính, giá trị của kết quả âm tính, giá trị của xét nghiệm.	1
2	Bài 2: Biến ngẫu nhiên và quy luật phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên 1. Định nghĩa biến ngẫu nhiên 2. Phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên 3. Các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên 4. Một số quy luật phân phối của biến ngẫu nhiên rời rạc	08	1. Lấy được ví dụ về biến ngẫu nhiên rời rạc và biến ngẫu nhiên liên tục. 2. Lập được bảng phân phối, hàm phân phối của biến ngẫu nhiên, tính được các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên. 3. Tính được xác suất của các biến cố liên quan đến biến ngẫu nhiên có phân phối nhị	1

	5. Một số quy luật phân phối của biến ngẫu nhiên liên tục 6. Bài tập áp dụng		thức, phân phối chuẩn.	
3	Bài 3: Mẫu và các tham số đặc trưng mẫu 1. Một số khái niệm cơ bản về mẫu và tổng thể 2. Các tham số đặc trưng mẫu 3. Bài tập áp dụng	02	5. Nêu được các khái niệm tập hợp chính, mẫu, các phương pháp trình bày số liệu mẫu 6. Viết được các công thức tính các tham số đặc trưng mẫu, phát biểu được ý nghĩa của các tham số đặc trưng mẫu. 7. Sử dụng được máy tính casio tính các tham số đặc trưng mẫu quan trọng.	2
4	Bài 4: Bài toán ước lượng 1. Một số khái niệm cơ bản 2. Ước lượng cho kỳ vọng của biến ngẫu nhiên có phân phối chuẩn 3. Ước lượng khoảng cho tỉ lệ. 4. Bài tập áp dụng	04	3. Trình bày được các khái niệm ước lượng điểm, ước lượng khoảng, một số sai lầm của bài toán ước lượng. 4. Xác định được khoảng tin cậy của giá trị trung bình, tỉ lệ, số lượng 5. Tính được cỡ mẫu của bài toán ước lượng tỉ lệ.	2
5	Bài 5: Bài toán kiểm định giả thuyết về giá trị trung bình 1. Một số khái niệm cơ bản 2. So sánh phương sai của hai tổng thể có phân phối chuẩn 3. So sánh giá trị trung bình của hai tổng thể có phân phối chuẩn 4. So sánh hai giá trị trung bình khi có số liệu theo cặp 5. So sánh giá trị trung bình của một tổng thể (biến ngẫu nhiên) có phân phối chuẩn với một giá trị cho trước.	06	Sử dụng được các bước tiến hành bài toán kiểm định giả thuyết thống kê để giải bài toán kiểm định giả thuyết thống kê về hai giá trị trung bình.	3

	6. Bài tập áp dụng			
6	Bài 6: Bài toán kiểm định giả thuyết về hai hay nhiều tỉ lệ 1. So sánh tỉ lệ quan sát với tỉ lệ lý thuyết 2. So sánh hai tỉ lệ quan sát. 3. Bài tập áp dụng	04	Sử dụng được các bước tiến hành bài toán kiểm định giả thuyết thống kê để giải bài toán kiểm định giả thuyết thống kê về hai tỉ lệ.	3
7	Bài 7: Bài toán tương quan hồi quy 1. Phân tích tương quan 2. Đường hồi quy tuyến tính thực nghiệm 3. Bài tập áp dụng	02	Kiểm định sự tương quan và lập phương trình hồi quy tuyến tính đơn biến	4

III. Phương pháp dạy/học

- Phương pháp thuyết trình.
- Phương pháp phát vấn.
- Thảo luận nhóm

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

- Laptop, máy chiếu, máy tính cầm tay.
- Bảng phấn.
- Giáo trình, kế hoạch bài giảng, ngân hàng câu hỏi.
- Số bài kiểm tra giữa học phần: 01

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	5%	1. Điểm danh có mặt trên lớp	- Điểm danh	- Rubric R1		10
	5%	2. Phát biểu, thảo luận trên lớp.	- Vấn đáp	- Rubric R2	1,2,3,4	

		3. Làm bài tập được giao.	- Chấm bài tập	- Rubric R3	1,2,3,4	
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	20%	Bài kiểm tra 1 tiết	- Tự luận	Theo đáp án và thang chấm	1,2,3,4	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	70%	Bài thi kết thúc học phần	Tự luận (Thời gian 60 phút)	Theo đáp án và thang chấm	1,2,3,4	10

Công thức tính điểm: $0,1 \cdot \text{ĐCC} + 0,2 \cdot \text{ĐGHP} + 0,7 \cdot \text{ĐKTHP}$

Rubric 1: Điểm danh

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5/2 Tiết
Nghỉ học không phép	0,5/1 Tiết
Đi muộn	0,5

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không giải được	Giải chưa hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi và trình bày rõ ràng

Rubric 3: Bài tập trên lớp và Bài tập về nhà

Mức độ đạt chuẩn quy định						Trọng số
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)	
Số lượng bài tập	Số lượng bài nộp <30%	Số lượng bài nộp <50%	Số lượng bài nộp <70%	Số lượng bài tập nộp <90%	Số lượng bài tập nộp 100%	50%

Nội dung bài tập	Không giải được	Giải chưa hết các bài tập	Giải đầy đủ các bài tập nhưng còn một số sai sót	Giải đầy đủ và đúng tất cả các bài tập nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ và đúng tất cả các bài tập và trình bày rõ ràng	50%
------------------	-----------------	---------------------------	--	---	---	-----

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập:

Đặng Xuân Lưu (2014), *Giáo trình Lý thuyết Xác suất và Thống kê*, NXB Giáo dục Việt Nam

2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Vũ Thị Lê (2021), *Giáo trình Lý thuyết Xác suất và Thống kê*, Giáo trình lưu hành nội bộ.

[2] Đặng Đức Hậu (2008), *Xác suất thống kê*, NXB Giáo dục.

[3]. Chu Văn Thọ (2016), *Xác suất thống kê ứng dụng trong Y Sinh học*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Đại diện sinh viên (Ban cán sự lớp) liên hệ với Giáo vụ Bộ môn để nhận kế hoạch học tập và được phổ biến về các quy định của bộ môn về học phần cũng như sự hướng dẫn học tập (có thể qua E-mail) sau đó phổ biến lại cho lớp.
- Sinh viên phải có trách nhiệm phân nhóm học tập (có danh sách, sơ đồ kèm theo) để giảng viên kiểm soát lớp công khai, thuận lợi và công bằng.
- Nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ học lý thuyết (theo quy chế). Cụ thể, điều kiện để sinh viên được thi kết thúc học phần khi:
 - + Lý thuyết: phải nghe giảng $\geq 80\%$ số buổi (nghỉ phải có phép).
 - + Bài tập, thảo luận tham gia đầy đủ.
 - + Điểm ĐGHP $\geq 4,0$.
- Sinh viên phải chuẩn bị và hoàn thành bài tập (cá nhân, nhóm) theo quy định.

- Sinh viên có trách nhiệm phản hồi và có quyền thắc mắc (có tổ chức) về các nội dung học tập cũng như cách quản lý, đánh giá của giảng viên trong quá trình học tập (mọi ý kiến thắc mắc của sinh viên sẽ được bộ môn xét giải quyết).
- Mỗi lớp có một địa chỉ e-mail để giảng viên gửi các tình huống, bài tập về nhà cho sinh viên. Sinh viên phải thường xuyên kiểm tra email của lớp để nhận các thông tin cần thiết để thực hiện.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	05/2019	Vũ Thị Lê
2.	Lần 2	05/2021	Vũ Thị Lê
3.	Lần 3 (Dự kiến)	04/2023	Vũ Thị Lê

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN

Vũ Thị Lê

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH
BỘ MÔN/KHOA: Y VẬT LÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Năm 2021

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Lý sinh

Tên tiếng Anh: Biophysics

Mã học phần: 3110BIOPHY0T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành:

I. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☒ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Sinh viên Y học Dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	2/1
Số tiết Lý thuyết:	30
Thảo luận :	0
Số giờ tự học:	70
Số tiết Thực hành/Thảo luận:	30
Số giờ tự học:	0
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS)	20
Giữa học phần:	02
Thực hành:	01
	01

Kết thúc học phần:	
Học phần học trước:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Y vật lý

2. Mô tả chung về học phần:

Lý sinh y học là môn học ứng dụng lý thuyết và phương pháp của khoa học vật lý vào nghiên cứu một số vấn đề về sinh học và cơ thể sống.

Lý sinh y học sử dụng định luật, hiện tượng, hiệu ứng vật lý để giải thích một số phương pháp và ứng dụng trong chẩn đoán và điều trị. Nguyên tắc hoạt động và cấu tạo của một số thiết bị sử dụng trong Y học.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/ học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Nguyễn Thị Thu Oanh	Ths	0973787625	oanhntt@tbmc.edu.vn	Phụ trách
2.	Bùi Thị Lệ Quyên	Ths	0904615577	builequyenytb@gmail.com	Tham gia
3.	Đinh Thị Thúy	Ths	0975229919	thuydp.dhy@gmail.com	Tham gia
4.	Nguyễn Thị Hạnh	Ths	0398824718	ngongtroi1983@gmail.com	Tham gia
5.	Lê Xuân Hưng	Ths	0936982768	Lehungtbump@gmail.com	Tham gia
6.	Phạm Thi Hoan	CN	0914762113	phamthihoanytb@gmail.vn	Tham gia

7.	Nguyễn Viết Cường	Ths	086680007	nvcuongytb@gmail.com	Tham gia
----	-------------------	-----	-----------	----------------------	----------

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Trình bày được các khái niệm cơ bản của nhiệt động học, chuyển động cơ học, sóng âm, siêu âm, dòng điện, xung điện, sóng điện từ và bức xạ ion hóa trong cơ thể sống.	PEO 1
2	Trình bày được đặc điểm của quá trình biến đổi entropy trong hệ nhiệt động, hiện tượng vận chuyển vật chất qua màng, chuyển động của chất lỏng thực, điện sinh vật trong cơ thể sống và cơ sở lý sinh của các cơ quan thụ cảm.	PEO 1
3	Trình bày được sự bảo toàn năng lượng, cơ chế của quá trình nghe, quá trình nhìn, sự phát sinh sóng điện tim và sóng điện não trong cơ thể.	PEO 1
4	Giải thích được cơ chế tác dụng của sóng siêu âm, dòng điện, tia hồng ngoại, tử ngoại, tia laser và bức xạ ion hóa lên cơ thể sống.	PEO 1
5	Giải thích được cơ sở ứng dụng của nhiệt, sóng âm, siêu âm, dòng điện, bức xạ hồng ngoại, tử ngoại, tia X và tia laser trong chẩn đoán và điều trị.	PEO 1

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1	Vận dụng được kiến thức lý sinh để giải thích sự cân bằng nhiệt, quá trình vận chuyển vật chất, sự phát sinh và lan truyền điện thế sinh vật trên cơ thể, tác dụng của ánh sáng và bức xạ ion hóa lên cơ thể.	S: PLO 2
2	Vận dụng được kiến thức vật lý để giải thích nguyên tắc hoạt động của các thiết bị sử dụng cho chẩn đoán và điều trị trong thực hành chuyên môn điều dưỡng	S: PLO 2
3	Đề xuất biện pháp đảm bảo an toàn điện, an toàn bức xạ và vệ sinh môi trường trong quá trình dự phòng, chẩn đoán và điều trị.	S: PLO 2

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 1: Nhiệt động học trong cơ thể sống 1.Các dạng năng lượng có thể tồn tại trong cơ thể 2.Sự biến đổi năng lượng ở cơ thể sống 3.Nguyên lý thứ nhất của nhiệt động lực học 4.Nguyên lý thứ hai nhiệt động học	4	MT1, MT2, MT3	1

2	Bài 2: Chuyển động của vật chất trong cơ thể sống 1. Các hiện tượng vận chuyển chất trong cơ thể 2. Chuyển động của chất lỏng 3. Chuyển động của máu trong hệ tuần hoàn 4. Chuyển động cơ học của cơ thể	6	MT1, MT2	1
3	Bài 3: Sóng âm trên cơ thể sống 1. Sóng âm 2. Cơ chế của quá trình nghe 3. Ứng dụng của âm và siêu âm	2	MT1, MT5	2
4	Bài 4: Điện sinh vật 1. Các loại điện thế sinh vật 2. Ghi điện sinh vật 3. Tác dụng của dòng điện lên cơ thể sinh vật 4. Tác dụng và một số ứng dụng của dòng điện trong y học	5	MT1, MT2, MT4	2,3
5	Bài 5: Tác dụng của ánh sáng lên cơ thể sống 1. Mắt và dụng cụ hỗ trợ 2. Các tật quang hình của mắt 3. Tác dụng của ánh sáng lên cơ thể sống 4. Tác dụng của tia hồng ngoại và tia tử ngoại lên cơ thể sống	5	MT1, MT2, MT4	1
6	Bài 6: Laser và ứng dụng trong Y học 1. Cơ chế hấp thụ và phát quang 2. Laser và ứng dụng trong y học	2	MT4, MT5	1,2
7	Bài 7: Bức xạ ion hoá và cơ thể sống 1. Mắt và dụng cụ hỗ trợ 2. Các tật quang hình của mắt 3. Tác dụng của ánh sáng lên cơ thể sống 4. Ứng dụng của bức xạ ion hoá trong Y học	6	MT4, MT5	1,2

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR
-----	---------	---------	------------------	-----

1	Bài 1: Một số dụng cụ đo cơ bản	4	MT1	1
2	Bài 2: Xác định hệ số nhớt của chất lỏng bằng phương pháp Stokes	4	MT2	2
3	Bài 2: Khảo sát hiệu ứng Doppler	4	MT2	2
4	Bài 4: Khảo sát cặp nhiệt điện và xác định suất nhiệt điện động	4	MT4	2
5	Bài 5 : Khảo sát hiện tượng quang điện ngoài và xác định hằng số Plank	4	MT1	1
6	Bài 6 : Xác định hằng số Faraday và điện tích nguyên tố theo phương pháp điện phân	4	MT4	2
7	Bài 7: Xác định hệ số hấp thụ tia phóng xạ bằng máy đếm Geiger – Muller	4	MT5	3
	Kiểm tra	4		

III. Phương pháp dạy/học

- Lý thuyết: Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm.
- Thực hành: Phát vấn, làm mẫu, thảo luận nhóm

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

- Phương tiện dạy/học: Bảng phân, projector, máy vi tính, micro, các bộ dụng cụ thực hành.
- Vật liệu dạy/học: Giáo trình, Powerpoint, câu hỏi ngắn, chủ đề thảo luận.

V. Phương pháp lượng giá: Thi viết cải tiến bằng câu hỏi ngắn

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần	0,1	1. Điểm danh có	- Điểm danh	- Rubric1	1	10

(ĐCC)		mặt trên lớp. 2. Phát biểu, thảo luận trên lớp	- Vấn đáp	- Rubic 2		
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,1	Bài kiểm tra 1 tiết	- Tự luận	Theo đáp án và thang chấm	1,2	10
Điểm thực hành (ĐTH)	0,2	Bài kiểm tra 1 tiết	- Vấn đáp	Theo đáp án và thang chấm	2,3	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,6	Bài thi kết thúc học phần	- Tự luận (Thời gian 60 phút)	Theo đáp án và thang chấm	1,2,3	10

Công thức tính điểm:

$$\mathbf{\text{Đ.HP} = \text{Đ.CC} \times 0,1 + \text{Đ.GHP} \times 0,1 + \text{Đ.TH} \times 0,2 + \text{Đ.KTHP} \times 0,6}$$

Rubric 1: Điểm danh

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5/2 Tiết
Nghỉ học không phép	0,5/1 Tiết
Đi muộn	0,5

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không giải được	Giải chưa hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi và trình bày rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo (*Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có*)**1. Tài liệu học tập:**

Nguyễn Thị Thu Oanh và Bùi Thị Lệ Quyên, 2016, *Lý sinh y học*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

2. Tài liệu tham khảo:

1. Phan Sỹ An (2009), *Y học hạt nhân*, Nhà xuất bản Y học.
2. Phan Sỹ An, Nguyễn Văn Thiện (2011), *Vật lý - Lý sinh y học*, NXB Y học.
3. Lương Duyên Bình, (2007), *Vật lý đại cương*, T1,2,3 Nhà xuất bản Giáo dục.
4. Lê Quang Khanh (2010), *Các phương thức điều trị bằng vật lý*, NXB Giáo dục, Hà nội.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

Ngày tháng	Nội dung giảng lý thuyết	Giờ	Cán bộ giảng dạy
	Bài 1: Nhiệt động học trong cơ thể sống	4	Nguyễn Thị Hạnh
	Bài 2: Chuyển động của vật chất lên cơ thể sống	4	Lê Xuân Hưng

	Bài 3: Sóng âm trên cơ thể sống	3	Nguyễn Thị Thu Oanh
	Bài 4: Điện sinh vật	6	Nguyễn Thị Thu Oanh
	Bài 5: Tác dụng của ánh sáng lên cơ thể sống	5	Bùi Thị Lệ Quyên
	Bài 6: Laser và ứng dụng trong Y học	2	Bùi Thị Lệ Quyên
	Bài 7: Bức xạ ion hóa và cơ thể sống	6	Đinh Thị Thúy

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Đại diện sinh viên (Ban cán sự lớp) liên hệ với Giáo vụ Bộ môn để nhận kế hoạch học tập và được phổ biến về các quy định của bộ môn về học phần cũng như sự hướng dẫn học tập (có thể qua E-mail) sau đó phổ biến lại cho lớp.
- Sinh viên phải có trách nhiệm phân nhóm học tập (có danh sách, sơ đồ kèm theo) để giảng viên kiểm soát lớp công khai, thuận lợi và công bằng.
- Nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ học lý thuyết (theo quy chế) và thực hành.
- Cụ thể, điều kiện để sinh viên được thi kết thúc học phần khi:
- + Lý thuyết: phải nghe giảng $\geq 80\%$ số buổi (nghỉ phải có phép).
 - + Thực hành: Thực hành 100% số buổi, báo cáo thực hành đủ và đạt yêu cầu.
 - + Bài tập, thảo luận tham gia đầy đủ.
 - + Điểm ĐGHP $\geq 4,0$.
- Sinh viên phải chuẩn bị và hoàn thành bài tập (cá nhân, nhóm) theo quy định.
 - Sinh viên có trách nhiệm phản hồi và có quyền thắc mắc (có tổ chức) về các nội dung học tập cũng như cách quản lý, đánh giá của giảng viên trong quá trình học tập (mọi ý kiến thắc mắc của sinh viên sẽ được bộ môn xét giải quyết).

- Mỗi lớp có một địa chỉ e-mail để giảng viên gửi các tình huống, bài tập về nhà cho sinh viên. Sinh viên phải thường xuyên kiểm tra email của lớp để nhận các thông tin cần thiết để thực hiện.

1. Nhiệm vụ của sinh viên: Chuẩn bị bài, các nội dung tự học theo yêu cầu của giảng viên.

2. Quy định điều kiện dự thi:

Tham dự ít nhất 80% số tiết học của học phần, nghỉ học phải có lý do hợp lệ và có điểm kiểm tra giữa học phần không <4.

Tham gia 100% các buổi thực hành, có các thực hành đủ và đạt yêu cầu.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	05/2019	
2.	Lần 2	5/2021	
3.	Lần 3 (<i>Dự kiến</i>)	4/2023	
4.			

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

BỘ MÔN: HÓA HỌC**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****Năm 2021**

Tên học phần: Hóa học

Tên tiếng Việt: Hoá học

Tên tiếng Anh: Chemistry

Mã học phần: 3110CHEMIS0T

Ngành: Y học Dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.**1. Thông tin chung:**

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☒ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	2; 1 32 0 68 32 0 18
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: 01 Thực hành: 01 Kết thúc học phần: 01	01 01 01

Học phần học trước:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	BM Hoá học

2. Mô tả chung về học phần:

Đây là môn học với những nội dung cơ bản về tính chất của dung dịch và các hợp chất vô cơ, hữu cơ. Vai trò và ứng dụng của các hợp chất vô cơ, hữu cơ trong đời sống và y dược

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Trần Thị Nữ	T.s	0983.411.689	nutt@tbump.edu.vn	Phụ trách
2.	Nguyễn Tiến An	T.s	0916.626.389	annt@tbump.edu.vn	Tham gia
3.	Nguyễn Thị Hoa	Th.s	0949.576.939	hoant@tbump.edu.vn	Tham gia
4.	Phạm Thanh Khiết	Th.s	0988.742.523	khietpt@tbump.edu.vn	Tham gia
5.	Vũ Thị Huệ	Th.s	0982.389.020	huevt@tbump.edu.vn	Tham gia
6.	Vũ Thị Minh Thư	Th.s	0986.635.966	thuvt@tbump.edu.vn	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	CEO 1. Vận dụng được tính chất, quá trình hòa tan tạo thành dung dịch để giải thích được các loại dung dịch, vai trò của áp suất thẩm thấu, pH của các hệ đệm trong cơ thể sống	PEO1
2.	CEO 2. Giải thích được vai trò, chức năng sinh học và ứng dụng của các nguyên tố đa lượng, vi	PEO1

	lượng của đơn chất và hợp chất vô cơ đối với cơ thể sinh vật dựa vào nguồn gốc, cấu tạo, tính chất (đơn chất, hợp chất) của kim loại, phi kim	
3.	CEO 3. Phân biệt được các loại hợp chất lipid, glucid, protein về cấu tạo và vai trò chức năng của chúng trong cơ thể	PEO1
4	CEO 4. Độc tính của các hợp chất vô cơ hữu cơ, cơ chế và cách sơ cứu giải độc	PEO1

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	CLO 1. Vận dụng được tính chất, quá trình hòa tan tạo thành dung dịch để giải thích được các loại dung dịch, vai trò của áp suất thẩm thấu, pH của các hệ đệm trong cơ thể sống	S: PLO 2
2.	CLO 2. Giải thích được vai trò, chức năng sinh học và ứng dụng của các nguyên tố đa lượng, vi lượng, độc tính của đơn chất và hợp chất vô cơ đối với cơ thể sinh vật dựa vào nguồn gốc, cấu tạo, tính chất (đơn chất, hợp chất) của kim loại, phi kim	S: PLO 2

3.	CLO 3. Phân biệt được các loại hợp chất lipid, glucid, protein về cấu tạo và vai trò chức năng của chúng trong cơ thể	S: PLO 2
----	---	----------

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập (CEO)	CĐR HP (CLO)
1	Bài 1 : Dung dịch 1. Khái niệm và phân loại dung dịch 2. Quá trình hòa tan 3. Hiện tượng thẩm thấu 4. Công thức tính pH của các loại dung dịch 5. Dung dịch đệm	08	CEO 1	CLO 1
2	Bài 2 : Nguyên tố đa lượng 7. Đại cương về kim loại 8. Vai trò sinh học của các nguyên tố nhóm IA 9. Vai trò sinh học của các nguyên tố nhóm IIA	06	CEO 2	CLO 2
3	Bài 3 : Nguyên tố vi lượng 1. Chất dinh dưỡng thiết yếu 2. Vai trò sinh học của sắt 3. Vai trò sinh học của mangan 4. Vai trò sinh học của kẽm 5. Vai trò sinh học của đồng 6. Vai trò sinh học của iod	06	CEO 2	CLO 2

	7. Vai trò sinh học của flo			
4	Bài 4: Lipid 1. Định nghĩa và phân loại lipid 2. Acid béo 3. Ancol 4. Các loại lipid chính	02	CEO 3	CLO 3
5	Bài 5 : Glucid 1. Khái niệm và phân loại 2. Monosaccarid 3. Oligosaccarid 4. Polisaccarid	04	CEO 3	CLO 3
6	Bài 6: Protein 1. Acid amin 2. Peptid 3. Protein	02	CEO 3	CLO 3
7	Bài 7: Độc chất vô cơ, hữu cơ 1. Chất độc nhóm photpho hữu cơ 2. Chất độc nhóm clo hữu cơ 3.	04	CEO 4	CLO 3

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập (CEO)	CĐR HP (CLO)
1	Bài 1 : Pha chế dung dịch và hiện tượng thẩm thấu 1. Pha chế nước muối sinh lý 2. Pha chế dung dịch sát khuẩn 3. Pha chế dung dịch glucose 4. Hiện tượng thẩm thấu	04	CEO 1	CLO 1
2	Bài 2: pH và dung dịch đệm 1. Đo pH của dung dịch 2. Thử tính chất đệm của nước 3. Pha và thử tính chất của đệm	04	CEO 1	CLO 1

	axit 4. Pha và thử tính chất của đệm bazơ			
3	Bài 3 : Nguyên tố đa vi lượng kim loại 1. Thử tính chất của cation Ag^+ , Mg^{2+} , Ba^{2+} 2. Thử tính chất của Pb^{2+} 3. Thử tính chất của Zn^{2+} và Al^{3+} 4. Thử tính chất của sắt 5. Thử tính chất của Cu^{2+} 6. Nhận biết cation trong hỗn hợp	04	CEO 2	CLO 2
4	Bài 4 : Nguyên tố đa vi lượng phi kim 1. Thử tính chất của halogen 2. Thử tính chất của ion chứa lưu huỳnh 3. Thử tính chất của NO_3^- 4. Thử tính chất của CO_3^{2-} 5. Thử tính chất của PO_4^{3-} 6. Nhận biết anion trong hỗn hợp	04	CEO 2	CLO 2
5	Bài 5 : Ancol, phenol, andehit 1. Oxy hóa ancol etylic bằng $\text{K}_2\text{Cr}_2\text{O}_7$ 2. Phản ứng của polyalcol với đồng hydroxit 3. Phản ứng màu của phenol với sắt (III) clorua 4. Phản ứng với thuốc thử Tollens ($[\text{Ag}(\text{NH}_3)_2]\text{OH}$) của HCHO	04	CEO 2	CLO 2

	5. Phản ứng với $\text{Cu}(\text{OH})_2$ với HCHO			
6	Bài 6 : Axit cacboxylic 1. Độ tan của acid và muối của acid cacboxylic 2. Tác dụng của acid với chất chỉ thị 3. Tác dụng của acid với kim loại 4. Tác dụng của acid với muối của acid yếu 5. Phản ứng thủy phân muối của acid cacboxylic 6. Phản ứng loại nhóm cacboxyl	04	CEO 2	CLO 2
7	Bài 7 : Aminoacid, peptid, protein, glucid 1. Tính tan của chất béo 2. Phản ứng màu biure 3. Phản ứng xantoprotein 4. Phản ứng đông tụ protid bằng nhiệt và cồn cao độ 5. Phản ứng của glucose, fructose với thuốc thử Fehling 6. Phân biệt disacarit khử và disacarit không khử 7. Phân biệt glucose và fructose bằng thuốc thử Xilivanop 8. Phản ứng màu của hồ tinh bột với dung dịch I_2	04	CEO 3,4	CLO 3
8	Bài 8 : Kiểm tra	04		

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: Thuyết trình
2. Thực hành: Thuyết trình + làm mẫu

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết: máy chiếu, tivi, bảng phấn, câu hỏi
2. Thực hành: Dụng cụ, hóa chất, máy chiếu

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	10%	1. Điểm danh có mặt trên lớp	Điểm danh	Rubic 1	4	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	20%	Bài kiểm tra 01 tiết	Tự luận	Theo đáp án và thang điểm chấm	2	10
Điểm thực hành (ĐTH)	20%	Bài kiểm tra thực hành	Làm thực hành và trả lời vấn đáp	Theo đáp án và thang điểm chấm	2	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	50%	Bài thi kết thúc học phần	Tự luận	Theo đáp án và thang điểm chấm	2	10

Công thức tính điểm:

$$\mathbf{Đ.HP = Đ.CC*0.1 + Đ.GHP*0.2 + Đ. TH*0.2 + Đ. KTHP*0.5}$$

Rubic 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0.0
Nghỉ học có phép	0.25
Nghỉ học không phép	0.5/1 tiết
Đi muộn	0.25 (<15 phút), 0.5 điểm (>15 phút)

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi					

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

Tài liệu học tập:

1. Trần Thị Nữ, Giáo trình Hóa đại cương – Vô cơ, NXB GD 2016.
2. Nguyễn Tiến An, Giáo trình Hóa Hữu cơ, NXB GD 2017.
3. Nguyễn Tiến An, Thực hành hoá học, Tài liệu lưu hành nội bộ, 2015.

Tài liệu tham khảo:

1. PGS.TSKH. Lê Thành Phước, HÓA ĐẠI CƯƠNG-VÔ CƠ I, Nhà xuất bản Y học, 2009
2. GS.TS Trần Mạnh Bình, Hóa học hữu cơ tập 1,2, Nhà xuất bản Y học, 2007
3. <http://tailieu.tv/tai-lieu/thuc-pham-chong-oxy-hoa-10952/>

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Chuẩn bị kế hoạch học tập như đăng ký môn học, lập thời gian biểu cho các hoạt động học tập.

- Chuẩn bị bài học theo hướng dẫn học tập của từng bài học: xem và đọc tài liệu học tập chuẩn bị nội dung trả lời cho các câu hỏi thảo luận, chuẩn bị các câu hỏi cần hỏi trước khi đến lớp học, hoàn thành các bài tập được giao.
- Trên lớp, sinh viên chủ động thảo luận các vấn đề đã chuẩn bị theo sự hướng dẫn của giảng viên, đưa ra các câu hỏi xung quanh chủ đề học tập.
- Chuẩn bị nội dung bài thực hành theo yêu cầu trong hướng dẫn nội dung tự học, tự chuẩn bị: chuẩn bị báo cáo, đọc tài liệu liên quan.
- Chấp hành nghiêm nội quy phòng thí nghiệm.
- Theo dõi sự hướng dẫn của giảng viên, kỹ thuật viên, thực hiện các bước thực hành theo đúng hướng dẫn để đạt được yêu cầu kỹ năng thực hành.
- Ghi và giải thích kết quả thí nghiệm.
- Sau buổi thực hành: vệ sinh phòng học, dụng cụ, trang thiết bị theo yêu cầu

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành, nếu nghỉ phải có giấy xin phép
- Điểm kiểm tra giữa học phần và điểm kiểm tra thực hành từ 3.0 trở lên.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	05/2021	
2.	Lần 2	05/2023	
3.	Lần 3 (Dự kiến)	05/2025	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Năm 2021

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Sinh học đại cương

Tên tiếng Anh: General Biology

Mã học phần: 3110BIOLOG1T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☒ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Sinh viên Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận: Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	3 (2LT, 1TH) 32 tiết 68 tiết 32 tiết 18 tiết
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: Kết thúc học phần:	 1 bài 1 bài

Học phần học trước:	Không
Học phần tiên quyết:	Không
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Y Sinh học

2. Mô tả chung về học phần

Nội dung học phần gồm kiến thức về tái bản, tái tổ hợp, sửa chữa DNA, biểu hiện gen và điều hòa biểu hiện gen, cấu trúc, chức năng của tế bào, các hoạt động vận chuyển chất qua màng, vận động và truyền tín hiệu của tế bào, sự phân bào và kiểm soát phân bào, sự chết tế bào có chương trình và biệt hóa tế bào.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/ học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1	Hà Xuân Anh	Thạc sĩ	0915462750	anhhx@tbump.edu.vn	Phụ trách
2	Nguyễn Hải Tiến	Tiến sĩ	0986272272	tiennh@tbump.edu.vn	Tham gia
3	Trần Thị Tình	Thạc sĩ	0946402668	tinhtt@tbump.edu.vn	Tham gia
4	Lê Việt Hà	Thạc sĩ	0948598526	halv@tbump.edu.vn	Tham gia
5	Phạm Thị Huyền	Thạc sĩ	0943820293	huyenpt@tbump.edu.vn	Tham gia
6	Đỗ Thanh Tuấn	Tiến sĩ	0989166166	tuandt@tbump.edu.vn	Tham gia
7	Nguyễn Nam Thắng	PGS. T.sĩ	0912188101	thangnn@tbump.edu.vn	Tham gia
8	Phan Ngọc Quang	Tiến sĩ	0981768006	quangpn@tbump.edu.vn	Tham gia
9	Trần Thị Hoà	Thạc sĩ	0913555035	tranthihoa@tbump.edu.vn	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Mục tiêu 1: Vận dụng được các kiến thức về tái bản, tái tổ hợp và	PEO 1

	sửa chữa DNA để giải thích được các vấn đề y học và đời sống	
2	Mục tiêu 2: Vận dụng được các kiến thức về biểu hiện gen và điều hòa biểu hiện gen để giải thích được các vấn đề y học và đời sống	PEO 1
3	Mục tiêu 3: Vận dụng được các kiến thức về cấu trúc và chức năng của tế bào để giải thích được các vấn đề y học và đời sống	PEO 1
4	Mục tiêu 4: Vận dụng được các kiến thức về vận chuyển, vận động và truyền tín hiệu của tế bào để giải thích được các vấn đề y học và đời sống	PEO 1
5	Mục tiêu 5: Vận dụng được các kiến thức về phân bào, chết tế bào có chương trình và biệt hóa tế bào để giải thích được các vấn đề y học và đời sống	PEO 1

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CDR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CDR của CTĐT (PLO)
1	Liệt kê được các thành phần của bộ máy tái bản, tái tổ hợp và sửa chữa DNA, trình bày được quá trình tái bản, tái tổ hợp và sửa chữa DNA	H: PLO 2
2	Trình bày được quá trình biểu hiện gen và điều hòa biểu hiện gen	H: PLO 2
3	Trình bày được chức năng của từng thành phần trong cấu trúc tế bào và mối quan hệ về cấu trúc và chức năng của các thành phần đó trong tế bào.	H: PLO 2
4	Trình bày được cơ chế vận chuyển, vận động và truyền tín hiệu của tế bào	H: PLO 2
5	Trình bày được đặc điểm các giai đoạn trong quá trình phân bào và kiểm soát phân bào	H: PLO 2
6	Trình bày được các đặc điểm của quá trình chết tế bào và biệt hóa tế bào	H: PLO 2

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 1. Tái bản, tái tổ hợp và sửa chữa DNA 1. Cấu tạo của acid nucleic <i>1.1. Cấu tạo của DNA</i> <i>1.2. Cấu tạo của RNA</i> 2. Tái bản DNA <i>2.1. Tái bản DNA ở Prokaryota</i> <i>2.2. Tái bản DNA ở Euykaryota</i> <i>2.3. Tái bản ở telomere</i> <i>2.4. Ý nghĩa của tái bản DNA</i> 3. Tái tổ hợp DNA <i>3.1. Khái niệm về tái tổ hợp DNA</i> <i>3.2. Tái tổ hợp tương đồng</i> <i>3.3. Tái tổ hợp ở vị trí đặc hiệu</i> <i>3.4. Ý nghĩa của tái tổ hợp</i> 4. Các cơ chế sửa chữa sai hỏng DNA <i>4.1. Các dạng sai hỏng của DNA và nguyên nhân</i> <i>4.2. Các cơ chế sửa chữa DNA</i> <i>4.3. Ý nghĩa của sửa chữa sai hỏng DNA</i>	8	MT 1	1
2	Bài 2. Biểu hiện gen và điều hòa biểu hiện gen 1. Biểu hiện gen <i>1.1. Luận thuyết trung tâm và biểu hiện gen</i> <i>1.2. Phiên mã</i> <i>1.3. Xử lý các RNA tiền thân</i> <i>1.4. Quá trình dịch mã</i> <i>1.5. Quá trình gấp cuộn và biến đổi hóa học của</i>	8	MT 2	2

	<i>protein</i> 2. Điều hòa biểu hiện gen <i>2.1. Điều hòa biểu hiện gen ở Prokaryota</i> <i>2.2. Điều hòa biểu hiện gen ở Eukaryota</i>			
3	Bài 3. Cấu trúc và chức năng của tế bào 1. Thuyết tế bào <i>1.1. Lược sử phát hiện tế bào</i> <i>1.2. Thuyết tế bào</i> 2. Tế bào Prokaryota <i>2.1. Màng sinh chất</i> <i>2.2. Tế bào chất</i> <i>2.3. Vùng nhân</i> <i>2.4. Vách tế bào, lông, roi, chất nhầy</i> 3. Tế bào Eukaryota <i>3.1. Màng sinh chất</i> <i>3.2. Tế bào chất</i> <i>3.3. Nhân tế bào</i> <i>3.4. Các cấu trúc bên ngoài màng sinh chất</i>	4	MT 3	3
4	Bài 4. Vận chuyển, vận động và truyền tín hiệu của tế bào 1. Vận chuyển vật chất qua màng tế bào <i>1.1. Vận chuyển các phân tử có kích thước nhỏ và các ion qua màng tế bào</i> <i>1.2. Vận chuyển bằng hình thức nội nhập bào và ngoại tiết bào</i> 2. Vận động của tế bào <i>2.1. Protein động cơ và vai trò của nó trong vận động của tế bào</i> <i>2.2. Cơ chế hoạt động của protein động cơ</i> <i>2.3. Các hoạt động vận động của tế bào</i> 3. Truyền tín hiệu của tế bào <i>3.1. Khái niệm</i>	4	MT 4	4

	3.2. Các loại phân tử tín hiệu và cơ chế truyền thông tin của tế bào 3.3. Thụ thể bề mặt tế bào 3.4. Thụ thể nội bào			
5	Bài 5. Phân bào và kiểm soát phân bào 1. Khái niệm 1.1. Chu kỳ tế bào 1.2. Các hình thức phân bào 2. Phân bào nguyên nhiễm 2.1. Đặc điểm của phân bào nguyên nhiễm 2.2. Quá trình phân bào nguyên nhiễm 2.3. Ý nghĩa của phân bào nguyên nhiễm 3. Phân bào giảm nhiễm 3.1. Đặc điểm của phân bào giảm nhiễm 3.2. Quá trình phân bào giảm nhiễm 3.3. Quá trình phát sinh giao tử ở động vật 3.4. Ý nghĩa của phân bào giảm nhiễm 4. Kiểm soát phân bào 4.1. Khái niệm 4.2. Các yếu tố kiểm soát phân bào 4.3. Các điểm kiểm soát phân bào 4.4. Ý nghĩa của kiểm soát phân bào	4	MT 5	5
6	Bài 6. Chết tế bào có chương trình và biệt hóa tế bào 1. Sự chết tế bào có chương trình 1.1. Khái niệm về sự chết tế bào 1.2. Các con đường chết tế bào có chương trình 1.3. Ý nghĩa của chết tế bào có chương trình 2. Biệt hóa tế bào 2.1. Khái niệm 2.2. Tế bào gốc 2.3. Cơ chế biệt hóa tế bào	4	MT 5	6

	2.4. Ý nghĩa của biệt hóa tế bào			
		32		

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR
1	Bài 1. Kính hiển vi- PP làm tiêu bản vi thể	4	3,4,5	3,4,5
2	Bài 2. Quan sát tế bào	4	3,4,5	3,4,5
3	Bài 3. Quan sát nhân tế bào	4	3,4,5	3,4,5
4	Bài 4. Quan sát một số loại bào quan tế bào	4	3,4,5	3,4,5
5	Bài 5. Trao đổi nước và chất hòa tan qua màng tế bào thực vật	4	3,4,5	3,4,5
6	Bài 6. Trao đổi nước và chất hòa tan qua màng tế bào động vật	4	3,4,5	3,4,5
7	Bài 7. Phân bào nguyên nhiễm	4	3,4,5	3,4,5
8	Bài 8. Phân bào giảm nhiễm + KT	4	3,4,5	3,4,5
	Cộng	32		

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: Thuyết trình, Phát vấn, Thảo luận nhóm
2. Thực hành: Thuyết trình, Phát vấn, Làm mẫu, Thảo luận nhóm

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:
 - Máy chiếu, bút chỉ, hệ thống thu phát khuếch đại âm thanh, bảng phấn
 - Bài giảng dưới dạng power point, các tệp video
 - Tài liệu phát tay, giáo trình, kế hoạch giảng dạy
2. Thực hành:
 - Kính hiển vi, lam, lamen, dao mũi mác, congto hút, găng tay
 - Các hoá chất và mẫu vật phù hợp cho từng bài
 - Bảng, phấn, tranh vẽ
3. Lâm sàng: (không)

V. Phương pháp lượng giá

- Lượng giá tính chuyên cần qua số thời gian dự học lý thuyết, đúng giờ.

- Lượng giá giữa kỳ bằng kiểm tra viết giữa học phần
- Lượng giá cuối kỳ bằng bài thi tự luận
- Lượng giá thực hành:
- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	1	Có dự học lý thuyết	Số buổi đi học, Ý thức học, chuẩn bị bài		10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,1	1	Kiểm tra viết	Thang điểm 10	CLO 1,2,3	10
Điểm thực hành (ĐTH)	0,2	1	Kiểm tra thực hành	Thang điểm 10	CLO 3,4,5	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,6	1	Thi viết tự luận	Thang điểm 10	CLO 3,4,5,6	10

Công thức tính điểm:

$$\text{Điểm Học phần} = \text{Đ.GHP} \times 0,1 + \text{Đ.CC} \times 0,1 + \text{Đ.TH} \times 0,2 + \text{Đ.LT} \times 0,6$$

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	
Nghỉ học có phép	
Nghỉ học không phép	
Đi muộn	

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi					

VI. Tài liệu học tập và tham khảo**1. Tài liệu học tập**

1. Hà Xuân Anh, Phạm Thị Loan (2017), *Sinh học và Di truyền*, Trường Đại học Y Dược Thái Bình (Lưu hành nội bộ)
2. Trịnh Văn Bảo (2005), *Thực tập Sinh học*, NXB Y học.

2. Tài liệu tham khảo

1. Trịnh Văn Bảo (2009), *Sinh học*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
2. Lodish - Berk - Kaiser - Matsudaira - Scott - Bretscher - Ploegh - Krieger (2010), *Sinh học phân tử của tế bào - Tập 1, Cơ sở hóa học và phân tử*. NXB Trẻ.
3. Lodish - Berk - Kaiser - Matsudaira - Scott - Bretscher - Ploegh - Krieger (2014), *Sinh học phân tử của tế bào - Tập 2, Di truyền học và sinh học phân tử*. NXB Trẻ.
4. Lodish - Berk - Kaiser - Matsudaira - Scott - Bretscher - Ploegh - Krieger (2015), *Sinh học phân tử của tế bào - Tập 3, Cấu trúc và chức năng của tế bào*. NXB Trẻ.
5. Lodish - Berk - Kaiser - Matsudaira - Scott - Bretscher - Ploegh - Krieger (2018), *Sinh học phân tử của tế bào - Tập 4, Cấu trúc và chức năng của tế bào*. NXB Trẻ.

5. Lodish - Berk - Kaiser - Matsudaira - Scott - Bretscher - Ploegh - Krieger (2019), Sinh học phân tử của tế bào - Tập 5, Sự sinh trưởng và phát triển của tế bào. Nhà xuất bản Trẻ.

VII. Lịch học:

Theo Lịch giảng dạy/học tập của nhà trường

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Đọc trước từng bài trong tài liệu lý thuyết và thực hành
- Đưa ra các vấn đề cần giải thích hoặc thảo luận
- Hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao
- Tham dự đầy đủ các buổi học tập trên lớp

2. Quy định điều kiện dự thi:

- - Tham dự ít nhất 80% giờ học lý thuyết. Các buổi vắng phải có lý do hợp lệ.
- - Điểm KT GHP ≥ 3.0

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	25/5/2019	Hà Xuân Anh
2.	Lần 2	21/5/2021	Hà Xuân Anh
3.	Lần 3 (Dự kiến)	5/2023	Hà Xuân Anh

189

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÁI BÌNH **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

BỘ MÔN/KHOA: Y SINH HỌC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Năm 2023

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Di truyền y học

Tên tiếng Anh: **Medical Genetics**

Mã học phần: 3110BIOLOG2T

Ngành: **Y học dự phòng**

Mã ngành: **7720110**

I. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☒ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Sinh viên Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận: Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	2 (1LT, 1TH) 16 tiết 34 tiết 32 tiết 18 tiết
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: Kết thúc học phần:	 1 bài 1 bài

Học phần học trước:	Không
Học phần tiên quyết:	Không
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Y Sinh học

2. Mô tả chung về học phần:

Nội dung học phần gồm kiến thức về các phương pháp nghiên cứu di truyền người, hệ gen người và bộ NST người, các quy luật di truyền người, đột biến và các bệnh liên quan đến đột biến, di truyền trong ung thư, các phương pháp phòng và điều trị bệnh di truyền.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

T	Họ tên	Học hàm/ học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1	Hà Xuân Anh	Thạc sĩ	0915462750	anhhx@tbump.edu.vn	Phụ trách
2	Nguyễn Hải Tiến	Tiến sĩ	0986272272	tiennh@tbump.edu.vn	Tham gia
3	Trần Thị Tình	Thạc sĩ	0946402668	tinhtt@tbump.edu.vn	Tham gia
4	Lê Việt Hà	Thạc sĩ	0948598526	halv@tbump.edu.vn	Tham gia
5	Phạm Thị Huyền	Thạc sĩ	0943820293	huyenpt@tbump.edu.vn	Tham gia
6	Đỗ Thanh Tuấn	Tiến sĩ	0989166166	tuandt@tbump.edu.vn	Tham gia
7	Nguyễn Nam Thắng	PGS. T.sĩ	0912188101	thangnn@tbump.edu.vn	Tham gia
8	Phan Ngọc Quang	Tiến sĩ	0981768006	quangpn@tbump.edu.vn	Tham gia
9	Trần Thị Hoà	Thạc sĩ	0913555035	tranthihoa@tbump.edu.vn	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Mục tiêu 1: Vận dụng được các kiến thức về phương pháp nghiên cứu di truyền người để giải thích được các hiện tượng trong y học.	PEO 1
2	Mục tiêu 2: Giải thích được ý nghĩa của việc nghiên cứu hệ gen	PEO 1

	người, bộ NST người, quy luật di truyền người trong y học.	
3	Mục tiêu 3: Vận dụng được các kiến thức về đột biến và bệnh do đột biến để giải thích được các hiện tượng trong y học và đời sống	PEO 1
4	Mục tiêu 4: Vận dụng được các kiến thức điều trị và phòng bệnh di truyền để giải thích được các hiện tượng trong y học.	PEO 1

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	Trình bày được nội dung của các phương pháp nghiên cứu di truyền người.	H: PLO 2
2.	Trình bày được đặc điểm của hệ gen người và bộ nhiễm sắc thể người.	H: PLO 2
3.	Trình bày được nội dung của quy luật di truyền người và các yếu tố ảnh hưởng đến quy luật di truyền người.	H: PLO 2
4.	Trình bày được đặc điểm của đột biến và một số bệnh do đột biến, đặc điểm của di truyền trong ung thư	H: PLO 2
5.	Trình bày được đặc điểm của các phương pháp điều trị và phòng bệnh di truyền	H: PLO 2

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 1. Các phương pháp nghiên cứu di truyền người	4	1	1

	1. Phương pháp lập và phân tích gia hệ <i>1.1. Khái niệm</i> <i>1.2. Các ký hiệu dùng để vẽ sơ đồ gia hệ</i> <i>1.3. Ứng dụng của phương pháp lập và phân tích gia hệ</i> 2. Phương pháp di truyền tế bào <i>2.1. Nguyên tắc chung để làm tiêu bản NST người</i> <i>2.2. Phương pháp làm tiêu bản NST người</i> <i>2.3. Kỹ thuật nhuộm tiêu bản NST</i> <i>2.4. Phương pháp đánh giá tiêu bản NST</i> 3. Phương pháp nghiên cứu trẻ đồng sinh <i>3.1. Khái niệm</i> <i>3.2. Nội dung của phương pháp</i> <i>3.3. Ứng dụng</i> 4. Phương pháp di truyền quần thể <i>4.1. Một số khái niệm</i> <i>4.2. Đặc điểm quần thể tự phối và quần thể ngẫu phối</i> <i>4.3. Sự di truyền trong quần thể</i> <i>4.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến di truyền quần thể</i> 5. Phương pháp sinh học phân tử <i>5.1. Tách chiết, định lượng và tinh sạch acid nucleic</i> <i>5.2. Enzyme giới hạn, probe, môi</i> <i>5.3. Kỹ thuật RFLF và kỹ thuật PCR</i> <i>5.4. Các phương pháp lai phân tử</i> <i>5.5. Giải trình tự gen</i>			
2	Bài 2. Hệ gen người và bộ NST người 1. Hệ gen người và bản đồ gen người <i>1.1. Hệ gen người</i> <i>1.2. Bản đồ gen người</i> 2. Bộ NST người <i>2.1. Khái niệm</i> <i>2.2. Tiêu chuẩn phân loại bộ NST người</i>	2	2	2

	2.3. Karyotype người 2.4. Vật thể Barr			
3	Bài 3. Quy luật di truyền người 1. Di truyền đơn gen 1.1. Di truyền hai alen 1.2. Di truyền nhiều alen 2. Di truyền đa gen đa nhân tố 2.1. Đặc điểm di truyền đa gen đa nhân tố 2.2. Một số tính trạng và bệnh di truyền đa gen đa nhân tố 2.3. Dự báo nguy cơ tái hiện bệnh ở thế hệ sau	2	2	3
4	Bài 4. Đột biến và bệnh do đột biến 1. Đột biến nhiễm sắc thể và bệnh liên quan 1.1. Đột biến số lượng NST và bệnh liên quan 1.2. Đột biến cấu trúc NST và bệnh liên quan 1.3. NST giới tính và bệnh liên quan 2. Đột biến gen và bệnh do đột biến gen 2.1. Đột biến gen 2.2. Bệnh do đột biến gen 3. Di truyền trong ung thư 3.1. Khái niệm về ung thư 3.2. Cơ sở di truyền của ung thư 3.3. Các yếu tố liên quan đến ung thư	6	3	4
5	Bài 5. Điều trị và phòng bệnh di truyền 2. Điều trị bệnh di truyền 2.1. Phương pháp điều trị không đặc hiệu 2.2. Phương pháp điều trị đặc hiệu 3. Phòng bệnh di truyền 3.1. Giảm khả năng nhận gen bệnh ở các thế hệ sau 3.2. Hạn chế tác hại của tác nhân gây đột biến 3.3. Phát hiện sớm bệnh 3.4. Tư vấn di truyền	2	4	5
		16		

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR
1	B1. Lập gia hệ	4	2,5	2,4

2	B2. Phân tích gia hệ	4	2,5	2,4
3	B3. Quan sát vật thể Barr	4	1,3	1,4
4	B4. Quan sát cụm NST người	4	1,3	1,4
5	B5. Phương pháp lập karyotype người	4	1,3	1,4
6	B6. Phân tích karyotype bệnh di truyền	4	1,2,3	1,4
7	B7. Quan sát một số hình ảnh bệnh, tật di truyền do đột biến nhiễm sắc thể	4	1,4	1,4,5
8	B8. Quan sát một số hình ảnh bệnh, tật di truyền do đột biến gen, đa gen đa nhân tố + KT	4	1,4	1,4,5
	Cộng	32		

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: Dạy học tích cực
2. Thực hành: Hướng dẫn thực hành và kiểm tra
3. Lâm sàng: (không)

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

Máy chiếu, bút chỉ, hệ thống thu phát khuếch đại âm thanh, bảng phấn

Bài giảng dưới dạng power point, các tệp video

Tài liệu phát tay, giáo trình, kế hoạch giảng dạy
2. Thực hành:

Kính hiển vi, lam, lamen, dao mũi mác, congto hút, găng tay

Các hoá chất và mẫu vật phù hợp cho từng bài

Bảng, phấn, tranh vẽ
3. Lâm sàng: (không)

V. Phương pháp lượng giá

- Lượng giá tính chuyên cần qua số thời gian dự học lý thuyết, đúng giờ.
- Lượng giá giữa kỳ bằng kiểm tra viết giữa học phần
- Lượng giá cuối kỳ bằng bài thi tự luận
- Lượng giá thực hành:
- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	1	Có dự học lý thuyết	Số buổi đi học, Ý thức học, chuẩn bị bài	CLO 1	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,2	1	Kiểm tra viết	Thang điểm 10	CLO 1 CLO 2	10
Điểm thực hành (ĐTH)	0,2	1	Kiểm tra thực hành	Thang điểm 10	CLO 1 CLO 2	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,5	1	Thi viết tự luận	Thang điểm 10	CLO 3 CLO 4 CLO 5	10

Công thức tính điểm: C

Điểm Học phần = Đ.GHP x 0,2 + Đ.CC x 0,1 + Đ.TH x 0,2 + Đ.LT x 0,5

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	
Nghỉ học có phép	
Nghỉ học không phép	
Đi muộn	

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định

Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi					

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập

1. Hà Xuân Anh, Phạm Thị Loan (2017), *Sinh học và Di truyền*, Trường Đại học Y Dược Thái Bình (Lưu hành nội bộ)
2. Trịnh Văn Bảo (2005), *Thực tập Sinh học*, NXB Y học.
3. Trịnh Văn Bảo (2006), *Thực tập Di truyền Y học*, NXB Y học

2. Tài liệu tham khảo

1. Trịnh Văn Bảo, Trần Thị Thanh Hương (2010), *Di truyền Y học*, NXB Giáo dục Việt Nam.
2. Trần Đức Phấn (2017), *Phòng ngừa dị tật bẩm sinh nâng cao chất lượng dân số*. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
3. Nguyễn Thu Nhạn, Nguyễn Thị Phụng (2019), *Bệnh Nội tiết - Chuyển hóa - Di truyền trẻ em*. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

VII. Lịch học:

Theo Lịch giảng dạy/học tập của nhà trường

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Đọc trước từng bài trong tài liệu lý thuyết và thực hành
- Đưa ra các vấn đề cần giải thích hoặc thảo luận
- Hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao
- Tham dự đầy đủ các buổi học tập trên lớp

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Phải dự đầy đủ các buổi học lý thuyết, không được vắng quá 20%.

- Phải hoàn thành bài kiểm tra giữa học phần, đạt điểm từ 3,0 trở lên
- Phải hoàn thành tất cả các bài thực hành và điểm kiểm tra thực hành phải đạt từ 3,0 điểm trở lên.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
	Lần 1	25/5/2019	Hà Xuân Anh
	Lần 2	21/5/2021	Hà Xuân Anh
	Lần 3 (Dự kiến)	5/2023	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

BỘ MÔN: Tổ chức và quản lý y tế**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Nhà nước pháp luật và Luật y tế

Tên tiếng Anh: State and Health Law

Mã học phần: 3130ADHEIN0T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.**1. Thông tin chung:**

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Sinh viên Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	02 (LT) 30 0 70 0 0 0
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: Thực hành: Kết thúc học phần:	2 1 0 1
Học phần học trước:	

Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Lý luận chính trị, Bộ môn Tổ chức và quản lý y tế

2. Mô tả chung về học phần:

Học phần Nhà nước pháp luật và Luật y tế cung cấp cho sinh viên một số vấn đề cơ bản về Nhà nước và pháp luật, hướng dẫn thực hiện các hoạt động khám chữa bệnh theo quy định của nhà nước, pháp luật và một số Luật y tế hiện hành.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Nguyễn Đức Thanh	PGS. TS	0912357575	bsthanh@hotmail.com	Phụ trách
2.	Nguyễn T.Kim Oanh	ThS	0987458011	oanh905@gmail.com	Phụ trách
3.	Trần Quốc Kham	GS.TS	0913348626	khamtqvn@hotmail.com	Tham gia
4.	Ngô Văn Đông	Thạc sỹ	0915025119	dongytb@yahoo.com	Tham gia
5.	Trần Đình Thoan	Thạc sỹ	097 9895118	trandinhthoanb@gmail.com	Tham gia
6.	Phan Thu Nga	Thạc sỹ	0976625250	phanthunga2710@gmail.com	Tham gia
7.	Nguyễn Thị Ái	Thạc sỹ	0984391406	nguyenai198@gmail.com	Tham gia
8.	Nguyễn Hà My	Thạc sỹ	0976599971	hamy0359@gmail.com	Tham gia
9.	Nguyễn Quỳnh Hoa	Thạc sỹ	0987324899	quynhhoanckh@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Kiến thức: Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng: Trình bày được một cách có hệ thống những vấn đề cơ bản	PEO 1,2

	về nhà nước và pháp luật nói chung, Nhà nước và Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng và một số ngành luật cụ thể của hệ thống pháp luật Việt Nam. Phân tích các quy định của luật bảo vệ sức khỏe nhân dân, luật khám bệnh chữa bệnh trong các hoạt động CSSK	
2	Thái độ: Sinh viên có nhận thức đúng đắn về tổ chức Nhà nước và hệ thống pháp luật ở Việt Nam, từ đó có ý thức sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật. Trên cơ sở đó giúp cho mỗi cá nhân hình thành nên ý thức và thói quen xử sự phù hợp với quy định của pháp luật; sử dụng pháp luật làm phương tiện, công cụ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, của nhà nước và xã hội; nâng cao ý thức tự giác, chủ động tìm hiểu và chấp hành pháp luật.	PEO 1,5
3	Kỹ năng: - Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong việc nghiên cứu, phân tích các vấn đề lý luận về Nhà nước và Pháp luật và kỹ năng trình bày, thuyết trình một số vấn đề lý luận về Nhà nước và Pháp luật. - Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để phân tích, đề xuất xử lý một số tình huống pháp luật trong đời sống thực tế, đặc biệt là các tình huống có thể xảy ra trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	PEO 1,5

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần Sau khi học xong học phần này	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	Sử dụng kiến thức về luật y tế thực hiện nghiêm chỉnh tiêu chuẩn thực hành chuyên môn, tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức và bảo đảm tính trung thực, chính xác, tin cậy	S/PLO5 H/PLO14

	trong thực hành nghề nghiệp và trong nghiên cứu y học	
2.	Vận dụng kiến thức về luật thể hiện đảm bảo công bằng, có khả năng tiếp cận người bệnh với năng lực chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp tốt nhất	S/PLO5 H/PLO14

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 1: Một số vấn đề cơ bản về Nhà nước và Pháp luật I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC 1. Nguồn gốc của nhà nước 2. Bản chất của nhà nước 3. Chức năng của nhà nước 4. Hình thức nhà nước: II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT 1. Nguồn gốc của pháp luật 2. Các đặc trưng cơ bản của pháp luật 3. Bản chất của pháp luật 4. Vai trò của pháp luật	02	1	1
2	Bài 2: Nhà nước CHXHCN Việt Nam I. BẢN CHẤT 1. Bản chất giai cấp công nhân	02	1	1

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
	2. Bản sắc dân tộc 3. Tính nhân dân 4. Dân chủ XHCN II. ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN 1. Nhà nước CHXHCN Việt Nam là nhà nước thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam 2. Nhà nước CHXHCN Việt Nam là một nhà nước dân chủ thực sự và rộng rãi 3. Nhà nước CHXHCN Việt Nam thể hiện tính xã hội rộng lớn 4. Nhà nước thực hiện đường lối đối ngoại hòa bình, hợp tác và hữu nghị III. XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XHCN 1. Khái niệm nhà nước pháp quyền 2. Những đặc trưng cơ bản của nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam 3. Nội dung cơ bản xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN IV. BỘ MÁY NHÀ NƯỚC			

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
	CHXHCN VIỆT NAM 1. Khái niệm bộ máy nhà nước 2. Đặc điểm của bộ máy nhà nước 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước 4. Các loại cơ quan nhà nước XHCN			
3	Bài 3: Hệ thống pháp luật Việt Nam I. Khái niệm hệ thống pháp luật 1. Hệ thống cấu trúc của pháp luật 2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật II. NHỮNG TIÊU CHUẨN CƠ BẢN ĐỂ XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ HOÀN THIỆN CỦA MỘT HỆ THỐNG PHÁP LUẬT 1. Tính toàn diện 2. Tính đồng bộ 3. Tính phù hợp 4. Trình độ kỹ thuật pháp lý cao III. CÁC NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG	02	1	1

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
	PHÁP LUẬT VIỆT NAM 1. Luật Nhà nước (Luật Hiến pháp) 2. Luật Hành chính 3. Luật Tài chính 4. Luật Ngân hàng 5. Luật Đất đai 6. Luật Dân sự 7. Luật Lao động 8. Luật Hôn nhân và gia đình 9. Luật Hình sự 10. Luật Tổ tụng hình sự 11. Luật Tổ tụng dân sự 12. Luật Kinh tế 13. Công pháp quốc tế 14. Tư pháp quốc tế			
4	Bài 4: Quy phạm pháp luật, Quan hệ pháp luật I. QUY PHẠM PHÁP LUẬT 1. Khái niệm, đặc điểm 2. Cơ cấu của quy phạm pháp luật II. QUAN HỆ PHÁP LUẬT 1. Khái niệm 2. Đặc điểm 3. Phân loại quan hệ pháp luật 4. Các yếu tố cấu thành của quan hệ pháp luật	02	1,2	1

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
	5. Sự kiện pháp lý			
5	Bài 5: Ý thức pháp luật, thực hiện pháp luật I. Ý THỨC PHÁP LUẬT 1. Khái niệm 2. Chức năng của ý thức pháp luật <i>3. Cơ cấu của ý thức pháp luật</i> <i>4. Quan hệ giữa ý thức pháp luật và pháp luật</i> <i>5. Văn hoá pháp lý và giáo dục pháp luật</i> II. THỰC HIỆN PHÁP LUẬT 1. Khái niệm thực hiện pháp luật 2. Các hình thức thực hiện pháp luật	01	1,2,3	1,2
6	Bài 6: Vi phạm pháp luật, Trách nhiệm pháp lý, Đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật I. VI PHẠM PHÁP LUẬT 1. Khái niệm 2. Dấu hiệu 3. Phân loại vi phạm pháp	02	1,2,3	1,2

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
	luật II. TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ 1. Khái niệm: 2. Đặc điểm 3. Cấu thành vi phạm pháp luật 4. Các loại trách nhiệm pháp lý 5. Những yêu cầu cơ bản đối với việc truy cứu trách nhiệm pháp lý III. ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT 1. Những nguyên nhân, điều kiện nảy sinh vi phạm pháp luật 2. Những phương hướng cơ bản đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật 3. Liên hệ với trách nhiệm của sinh viên			
7	Bài 7: Luật phòng chống tham nhũng I. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ CÁC HÀNH VI THAM NHƯNG 1. Khái niệm tham nhũng 2. Đặc điểm của hành vi	01	1,2,3	1,2

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
	tham nhũng 3. Các hành vi tham nhũng và tội phạm về tham nhũng II. NGUYÊN NHÂN VÀ TÁC HẠI CỦA THAM NHŨNG: 1. Nguyên nhân của tham nhũng 2. Tác hại của Tham nhũng III. Ý NGHĨA, TẦM QUAN TRỌNG CỦA CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG 1. Phòng, chống tham nhũng góp phần bảo vệ chế độ, xây dựng Nhà nước pháp quyền 2. Phòng, chống tham nhũng góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước, nâng cao đời sống nhân dân 3. Phòng, chống tham nhũng góp phần duy trì các giá trị đạo đức truyền thống, làm lành mạnh các quan hệ xã hội 4. Phòng, chống tham nhũng góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào chế độ và pháp luật			

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
	IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG DÂN TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG 1. Trách nhiệm của công dân trong phòng, chống tham nhũng 2. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong phòng, chống tham nhũng			
	Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân	6	1	1,2
	Luật Khám bệnh, chữa bệnh	6	1	1,2

III. Phương pháp dạy/học

- Thuyết trình ngắn tích cực hóa;
- Hỏi - đáp trực tiếp;
- Giao bài đọc về nhà;
- Hướng dẫn tự học

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

- Máy chiếu Projector
- Bảng, phấn
- Câu hỏi phát vấn

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh	Điểm tối đa
-----------------	--------------------	--------------	----------------	-------------------	---------------	-------------

			giá		giá	
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	10%	1	Theo quy chế của Nhà trường	- Qua sổ nhật ký - Thái độ học tập của SV	1,2	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	20%	1	Bài kiểm tra viết	≥ 4 : Đạt	1,2	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	70%	1	Bài kiểm tra viết	≥ 4 : Đạt	1,2	10

Công thức tính điểm:

$$\text{Điểm CC} \times 0,1 + \text{Điểm GHP} \times 0,2 + \text{Điểm kết thúc HP} \times 0,7$$

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5 điểm/2 tiết
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/1 tiết
Đi muộn	0,5 điểm/1 lần. Sau 15 phút sẽ tính vắng không có lý do

Rubric 2: Thi viết: 10 điểm

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-0.9)	Điểm (1.0-3.9)	Điểm (4.0-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.4-10.0)
Nội dung câu hỏi	Không giải được	Chưa giải hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót	Giải đầy đủ và đúng các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ, đúng các câu hỏi và trình bày rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập:

Bộ môn Tổ chức và quản lý y tế (2019), Tài liệu phát tay “Luật Y tế”, Tài liệu giảng dạy theo chương trình mới (Lưu hành nội bộ)

2. Tài liệu tham khảo:

1. Hội đồng Bộ trưởng (1989), *Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân*
2. Quốc hội khóa 12 (2009), *Luật khám bệnh, chữa bệnh*
3. Quốc hội khóa 12 (2008), *Luật bảo hiểm y tế*
4. Quốc hội khóa 13 (2014), *Luật Bảo hiểm y tế sửa đổi*
5. Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nhà xuất bản chính trị Quốc gia, Hà Nội - 2012.
6. Giáo trình Pháp luật đại cương, Học viện Tài chính, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội - 2009.
7. Môn học pháp luật - Tập bài giảng dùng trong các trường Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, In lần thứ sáu, có sửa chữa, bổ sung, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 2005.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Đi học đúng giờ
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp
- Tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp
- Tôn trọng, chấp hành các nội quy của lớp học.

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Sinh viên phải tham gia từ 80% số giờ lý thuyết trở lên
- Có điểm giữa kỳ từ 2 trở lên mới được thi hết học phần.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	05/2019	
2.	Lần 2	05/2021	
3.	Dự kiến	05/2023	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA